



GABRIEL GARCIA
MARQUEZ

Nobel Văn Học 1982

Hồi ức về
những cô
gái điếm
buồn
của tôi



*Memorias
de mis
putas tristes*



nhà xuất bản trẻ số 301/303



HỒI ỨC VỀ NHỮNG CÔ GÁI ĐIỂM BUỒN CỦA TÔI

GABRIEL GARCÍA MÁRQUEZ

Người dịch: LÊ XUÂN QUỲNH

Tên sách: **HỒI ỨC VỀ NHỮNG CÔ GÁI ĐIỂM BUỒN CỦA TÔI**

Tác giả: **GABRIEL GARCÍA MÁRQUEZ**

Người dịch: Lê Xuân Quỳnh

Nhà xuất bản: Tp. Hồ Chí Minh

Năm xuất bản: 2005

Số trang: 128

Đánh máy: Venus (TVE)

Biên tập: tovanhung (TVE)

Chuyển sang ebook: tovanhung (TVE)

Ngày hoàn thành: 3/6/2006

<http://www.thuvien-ebook.net>

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

LỜI GIỚI THIỆU

Gabriel García Márquez được bạn đọc Việt Nam biết đến qua bản tiếng Việt chuẩn xác và giàu cảm xúc của cố dịch giả Nguyễn Trung Đức, với “Trăm năm cô đơn”, “Tình yêu thời thổ tả”, “Ngài đại tá chờ thư”, “Tướng quân giữa mê hồn trận”, “Giờ xấu”, “Mười hai truyện phiêu dạt”... Và gần đây là tự truyện nổi tiếng “Sống để kể lại” qua bản dịch của Lê Xuân Quỳnh.

Với tư duy nghệ thuật độc đáo, Márquez đã thể hiện trong các tác phẩm của mình một tình yêu vừa thơ ngây vừa sâu sắc, mãnh liệt đối với con người, với cuộc đời. Ông đã nhận được nhiều giải thưởng lớn, trong đó có giải Nobel văn học vào năm 1982.

Có một lần G.G Márquez đã nói: “Trên thực tế, mỗi nhà văn chỉ viết một cuốn sách. Cuốn sách mà tôi đang viết là cuốn sách về “cái cô đơn”.

Quả thực, sau hơn 50 năm cầm bút, Márquez đã vẫn viết về cái cô đơn trong một câu chuyện khác, tác phẩm “ Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi”.

Đó là câu chuyện của một nhà báo già. Sinh ra trong một gia đình trung lưu nhưng ông sớm mồ côi cha mẹ. Trong căn nhà cũ kỹ, ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn cô đơn, không vợ con, không bạn bè. Ông đã từng dạy ngữ pháp tiếng La Tinh và Tây Ban Nha. Sau đó, ông biên tập tin tức và viết bình luận âm nhạc cho một tờ báo địa phương đến năm 90 tuổi. Và chính trong buổi sáng kỷ niệm sinh nhật lần thứ 90 ấy, ông bỗng ao ước có một đêm tình ái nồng say với một thiếu nữ còn trinh nguyên.

Cái ý muốn kỳ lạ đó thôi thúc ông đến độ ông tìm cách liên hệ với một người đàn bà mới lái mà ông quen từ ngày còn trẻ, nhờ bà ta giúp đỡ bất chấp nỗi xấu hổ.

Ông đã đến nơi hẹn với một cô bé đang say ngủ. Khi ông ra về, ông đặt lên trán cô nụ hôn vĩnh biệt và lời cầu Chúa giữ hộ trình tiết cho cô. Thế nhưng, chính sự cô đơn của tuổi già đã khiến ông nhiều lần nữa đến gặp cô bé. Mỗi lần, ông lại thêm yêu thương cô. Ông đem những bức tranh, những bó hoa, những cuốn sách... bày trong căn phòng để sớm mai, khi thức dậy, cô bé cảm thấy ấm cúng. Ông hát ru cô bé bài hát về Delgadina – cô công chúa út được vua cha yêu quý. Ông gọi cô là Delgadina. Ông nhận thấy sự hiện diện vô hình của cô trong căn nhà vắng lặng của ông. Cuộc sống nhàn tẻ, nghèo cực của ông như có một ý nghĩa, đó là niềm yêu thương, lo lắng cho tương lai của cô bé. Lần đầu tiên, ông nhận ra “Niềm thích thú thực sự khi được ngắm nhìn thân thể người phụ nữ ngủ say

mà không bị áp lực của dục vọng hay bối rối vì ngưng ngưng”.

Tác phẩm “hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi” của G.G. Márquez khiến người đọc nhớ đến “Người đẹp say ngủ” của nhà văn Kawabata. Thật kỳ lạ cho cuộc gặp gỡ giữa hai nhà văn sống trong hai nền văn hoá xa nhau, khác lạ với nhau là Mỹ La Tinh và Nhật Bản. Những ông già - nhân vật trong tác phẩm của họ, trong cố gắng tuyệt vọng để tìm lại tuổi trẻ đã tìm thấy một tình cảm khác. Đó là niềm thương xót với con người, đặc biệt là những người phụ nữ. Nhân vật của Kawabata khi đến ngủ bên người phụ nữ đã có ý nghĩ: “Đến đây ngủ giống như ngủ với Đức Phật nắp kín đầu đây vậy”. Trong một cách hành xử khác, một cách diễn đạt khác, nhân vật của G.G.Márquez cũng đạt được tình cảm thanh khiết đó.

Đối với G.G.Márquez viết về “Cái cô đơn” của một con người, một dòng họ, một đất nước chính là để “sáng tạo ra một huyền thoại khác hẳn, một huyền thoại mới, hấp dẫn của cuộc sống, nơi không ai bị kẻ khác định đoạt số phận mình, ngay cả cái cách thức chết, nơi tình yêu có lối thoát và hạnh phúc là cái có khả năng thực sự; và nơi những dòng họ bị kết án Trăm năm cô đơn cuối cùng và mãi mãi sẽ có vận may lần thứ nhất để tái sinh trên mặt đất này” (diễn văn nhận giải Nobel văn chương của Márquez – theo Nguyễn Trung Đức).

First News

CHƯƠNG 1

Vào cái năm tròn chín mươi tuổi, tôi muốn tự thưởng một đêm tình cuồng điên với một thiếu nữ còn trinh nguyên. Tôi bỗng nhớ đến Rosa Cabarcas, bà chủ một nhà chứa vốn thường hay báo cho các khách hàng sộp mỗi khi có sẵn một cửa lạ. Tôi không bao giờ quý gối trước thứ của lạ này cũng như trước bất cứ lời mời mọc tục tĩu nào của bà ta; ấy thế nhưng bà ta cũng chẳng hề tin vào tính rõ ràng trong nguyên tắc sống của tôi. Mà đạo đức cũng thay đổi theo thời gian, bà ta mỉm cười ranh mãnh nói, rồi ông sẽ thấy. Bà ta ít hơn tôi dăm ba tuổi, và từ nhiều năm nay tôi không còn biết tin tức gì về bà ấy nữa, có khi đã chết rồi cũng nên. Nhưng ngay khi tiếng chuông điện thoại đầu tiên vừa ngắt, tôi đã nhận ra giọng nói của bà ta và liền phang ngay không chút úp mở:

Ngày hôm nay thì tôi muốn.

Bà ta thở dài: Ái dà, ngài thông thái buồn bã của tôi, ông đã mất dạng hai mươi năm nay rồi bỗng trở lại đòi hỏi điều không thể có vào lúc này. Ngay lập tức bà ta hỏi phục được tài nghệ của mình và đưa ra cho tôi lựa chọn cả nửa tá phương án khoái lạc, nhưng đều đã qua sử dụng cả rồi. Tôi nhắc lại: phải là trinh nguyên và ngay trong tối hôm nay. Bà ta cảnh giác hỏi: Thế ông định thử điều gì vậy? Chẳng gì cả, tôi trả lời và cảm thấy chua xót và bị điểm huyết đúng chỗ đau nhất của mình, tôi biết rõ cái gì mình làm được và cái gì không làm được, thưa bà. Bà ta bình thần nói rằng các vị thông thái biết đủ thứ nhưng chẳng biết gì: Những Virgo duy nhất còn rơi rớt lại trên thế gian là các ông, những người của tháng Tám^[1]. Tại sao ông không đặt hàng cho tôi từ sớm hơn? Làm sao dự báo trước được niềm cảm hứng, tôi nói. Nhưng có lẽ có thể chờ đợi được chăng, bà ta nói và bao giờ cũng tỏ ra hiểu biết hơn bất cứ một người đàn ông nào, rồi đề nghị tôi chờ thêm hai ngày để có thể lục lọi mọi góc ngách thị trường. Tôi nói một cách nghiêm túc với bà ta rằng trong một phi vụ kiểu này, ở vào tuổi của tôi, thì mỗi giờ là bằng cả một năm. Thế thì không thể được, bà ta nói không chút ngần ngại, nhưng không sao, thế này càng thêm hấp dẫn, mẹ kiếp, tôi sẽ gọi cho ông trong vòng một giờ nữa vậy.

Kể ra thì tôi không cần nói ra điều này, bởi vì người ta có thể nhận ra tôi từ xa cả dặm: tôi xấu trai, nhút nhát và cổ lổ. Bảy lâu nay tôi đã cố sức làm đủ mọi chuyện để chứng tỏ điều ngược lại. Nhưng giữa thanh niên bạch nhật hôm nay, tôi đã tự mình quyết định, hoàn toàn tự do, kể hết mình là người như thế nào dù chỉ là để làm cho lương tâm bớt nặng nề. Tôi đã bắt đầu ngày hôm nay bằng cú điện thoại khác thường cho bà Rosa Cabarcas, đây sẽ là khởi nguồn của một cuộc đời mới ở vào cái tuổi mà phần lớn những người khác đã chết rồi.

Tôi sống trong một căn nhà có từ thời thuộc địa bên phía vỉa hè có ánh mặt trời của công viên San Nicolas, nơi tôi đã trải qua tất cả những ngày sống không có đàn bà và cũng chẳng có tài sản, cũng là nơi bố mẹ tôi đến sống và rồi chết, cũng là nơi mà tôi dự định sẽ chết đơn côi ngay chính trên chiếc giường mà mình đã sinh ra, vào cái ngày mà hy vọng còn xa xăm và không chút gì đau đớn.

Căn nhà này được bố tôi mua công khai từ cuối thế kỷ XIX, tầng trệt được ông cho một công ty của Italia thuê làm cửa hàng bán đồ may mặc cao cấp, còn lầu hai được giữ lại làm chốn ấp ủ hạnh phúc giữa ông và một trong những người con gái của ông bà chủ công ty, công nương Florina de Dios Cargamantos, người diễn tấu xuất sắc các tác phẩm âm nhạc của Mozact, biết nhiều ngoại ngữ và sùng bái Garibaldi^[2], cũng là người phụ nữ đẹp nhất và tài năng xuất sắc nhất của thành phố: đó chính là mẹ tôi.

Ngôi nhà rất rộng rãi và sáng sủa với những mái vòm trắng vữa và những khoang nền lát gạch men xứ Florencia của Italia, cùng bốn cửa kính hướng ra một bao lớn chung, nơi vào những đêm tháng ba, mẹ tôi thường ngồi hát những khúc tình ca với các chị em họ người Italia. Cũng từ nơi này người ta có thể nhìn thấy công viên San Nicolas, nhà thờ lớn và tượng đài Cristobal Colon, và xa hơn là các khu nhà kho của cảng sông và đường chân trời rộng mở trên con sông lớn Magdalena cách cửa biển chỉ hai mươi dặm. Điều khó chịu duy nhất của căn nhà là ánh nắng cứ lần lượt chiếu rọi qua từng cửa sổ nên buộc phải đóng hết để có thể ngủ trưa trong cái cảnh chập choạng tối oi ả. Khi chỉ còn lại một mình trên thế gian, vào tuổi ba mươi hai, tôi chuyển qua ở phòng của bố mẹ, có cửa thông sang thư phòng và bắt đầu lần lượt bán tất cả những gì thừa để sinh sống, chỉ trừ các cuốn sách và chiếc dương cầm kiểu cổ.

Trong suốt bốn mươi năm ròn, tôi làm nghề thổi hồn cho các bản tin điện của tờ nhật báo El Diario de La Paz, tức là biên tập hoàn chỉnh các bản tin theo văn phong bản địa trên cơ sở những tin tức ở khắp nơi trên thế giới được truyền qua làn sóng ngắn hoặc dưới dạng ký hiệu moóc mà chúng tôi tóm được từ trên khoảng không vũ trụ. Ngày nay, tôi sống thoi thóp được là nhờ chút lương hưu của cái nghề đã bị tuyệt diệt đó; nhờ chút đỉnh thu nhập phụ cấp hưu trí nghề giáo viên dạy môn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha và La Tinh, nhưng hoàn toàn không được phụ cấp hưu trí từ công việc viết không biết một vài bài xã luận cho các số báo chủ nhật và lại càng không được xu nào cho biết bao nhiêu bài cổ vũ các nghệ sĩ nổi tiếng được đăng trên các phụ trương âm nhạc và sân khấu. Suốt cả đời, tôi chưa bao giờ làm việc gì khác ngoài chuyện viết lách; nhưng tôi không có niềm đam mê và năng khiếu của người kể chuyện, lại hoàn toàn mù tịt về các quy luật cấu thành tác phẩm kịch nghệ, và nếu tôi có phiêu du vào công việc này thì chẳng qua cũng chỉ vì quá tin vào biết bao nhiêu thứ mà mình đã học được trong suốt cuộc đời. Nói theo hơi hướng lãng mạn thì tôi là hạng người vô danh tiểu tốt chẳng để lại cho người đời bất cứ thứ gì ngoại trừ những sự việc mà tôi sắp cố gắng kể ra đây trong ký ức về mối tình lớn của mình.

Cũng như mọi lần, cái ngày đánh dấu chín mươi tuổi của tôi được nhớ đến đúng vào lúc năm giờ sáng. Đó là ngày thứ sáu nên công việc phải làm duy nhất của tôi là viết một bài có ký tên sẽ đăng vào số chủ nhật của tờ nhật báo El Diario de La Paz. Sáng sớm đã xuất hiện các triệu chứng báo hiệu một ngày không hạnh phúc: xương cốt trong người tôi đau nhức, hậu môn bông rớt, và sấm báo bão rền vang sau ba tháng trời khô hạn. Tôi tranh thủ tắm trong khi cả phê đang được chuẩn bị rồi uống một ly pha với mật ong cùng với hai chiếc bánh ngô trắng với trứng, và vận bộ đồ áo liền quần vải mịn vẫn dùng ở nhà.

Đề tài của bài báo ngày hôm đó, đương nhiên là về tuổi chín mươi của tôi. Tôi không

bao giờ nghĩ đến tuổi tác như những giọt nước cứ lần lượt từ mái nhà rơi xuống để nhắc ta thời gian còn lại của cuộc đời mình. Hồi còn bé tôi đã nghe nói rằng khi ai đó bị chết, những con chấy được nuôi trong tóc sẽ hoảng hốt bò ra khắp gối để làm nhục gia chủ. Chuyện này làm tôi kinh sợ đến mức phải cạo trọc đầu để đi học và số tóc lờm chờm còn lại tôi còn phải thường xuyên gội bằng loại xà phòng mát hạng dùng tắm cho chó. Thế nên giờ này tôi có thể nói thẳng rằng, từ nhỏ tôi đã có ý thức biết xấu hổ trước mọi người ngoài xã hội hơn là sợ chết.

Từ mấy tháng trước tôi đã có dự định bài viết về ngày sinh của mình không phải là lời than vãn về những năm tháng đã đi qua, mà là điều ngược lại: sự tôn vinh tuổi già. Ngay đầu bài báo tôi đã đặt câu hỏi lúc nào mình đã tự ý thức được đã già và tôi tin là việc này chỉ mới xảy ra mấy hôm trước ngày sinh nhật chín mươi tuổi. Ở tuổi bốn mươi hai, tôi đã phải đi khám cơn đau vai làm ngộp thở. Bác sĩ không cho chuyện này là quan trọng: Đó chỉ là những cơn đau tự nhiên ở tuổi của anh thôi, ông ta nói với tôi.

- Trong trường hợp này – tôi nói với ông ta - điều không tự nhiên chính là tuổi của tôi.

Viên bác sĩ nhìn tôi cười thương hại. Tôi thấy anh là một triết gia, ông ta nói với tôi. Đây là lần đầu tiên tôi nghĩ về tuổi già của mình, nhưng rồi nhanh chóng quên ngay việc này. Tôi quen dần với chuyện mỗi ngày khi thức dậy lại thấy đau mình đau mắt ở đâu đó trong người và nó cứ lan dần theo tuổi tác. Thỉnh thoảng nó như là một cú đá của thần chết nhưng ngày hôm sau thì như lại tan biến. Vào thời kỳ này tôi nghe nói triệu chứng tuổi già đầu tiên xuất hiện khi người ta bỗng thấy mình giống với bố. Thế thì mình được tuyên án có tuổi thanh xuân vĩnh viễn rồi, lúc đó tôi nghĩ như vậy, bởi vì khi nhìn nghiêng, gương mặt ngựa của tôi chẳng hề có nét gì giống với vẻ mặt thô ráp của cư dân vùng biển Caribê của bố, cũng chẳng giống nét La Mã vương giả của gương mặt mẹ. Sự thật là những thay đổi diễn ra rất chậm chạp nên khó nhận ra và người ta cứ thấy trong cơ thể mình chẳng có gì biến đổi, chỉ có người khác mới có thể cảnh báo được từ việc nhìn bề ngoài.

Từ thập niên thứ năm trở đi, khi xuất hiện những lỗ hổng đầu tiên trong trí nhớ, tôi mới bắt đầu tưởng tượng ra tuổi già. Mò mẫm tìm khắp nhà cặp kính cho đến khi phát hiện ra mình đang đeo trên mặt hoặc vô ý để trong bình tưới cây, hoặc đọc sách mà quên không bỏ kính nhìn xa ra. Có ngày tôi ăn sáng hai lần vì quên là đã điểm tâm một lần trước đó, và tôi cũng học được cách nhận biết những tín hiệu nhắc nhở của bạn bè khi họ không muốn nói thẳng rằng câu chuyện tôi đang kể họ đã từng nghe từ tuần trước một lần rồi. Đến lúc đó, tôi đã sắp sẵn trong trí nhớ một danh sách các gương mặt quen biết cùng với tên của từng người, nhưng khi gặp mặt, chào nhau thì tôi không thể ghép đúng tên với gương mặt vừa thấy được.

Tôi không bao giờ lo lắng về tình dục của mình, bởi vì sức mạnh không phụ thuộc vào tôi nhiều bằng lệ thuộc vào các nàng, vì chính họ sẽ biết cách thức và lý do khi thêm muốn. Hôm nay tôi cười nhạo những chàng trai mới ở tuổi tám mươi đã sợ hãi hỏi bác sĩ về những thay đổi bất chợt đó mà không biết rằng ở tuổi chín mươi còn tệ hại hơn nữa, dù lúc này chẳng quan trọng gì nữa: đó chỉ là những hiểm nguy khi người ta còn đang sống. Ngược lại, cuộc đời sẽ thảnh thơi nếu người già chỉ quên đi những gì không thật hệ trọng và không mấy khi lãng quên những chuyện mà chúng ta thực sự quan tâm.

Cicero^[3] đã minh họa điều này bằng mấy nét bút: Không có người già nào quên được nơi giấu kho báu của mình.

Với những suy nghĩ này, và một vài ý tưởng khác, tôi đã viết xong bản thảo đầu tiên của bài báo khi ánh nắng tháng Tám ngập tràn trên hàng cây bàng ở công viên và cả trên con tàu thủy chạy trên sông chờ thư tín hú còi inh ỏi đang tiến vào kênh dẫn đến cảng, chậm cả tuần nay vì nước sông xuống thấp. Tôi nghĩ: thế là tuổi chín mươi của mình cũng đã đến. Tôi không bao giờ biết tại sao, và cũng không có ý định tìm hiểu, khi nhớ đến những việc này tôi lại quyết định gọi điện thoại cho bà Rosa Cabarcas nhờ giúp tổ chức lễ sinh nhật bằng một đêm phóng đặng. Tôi đã có những năm tháng giữ gìn thân xác hoàn toàn thánh thiện chỉ lo đọc đi đọc lại các tác phẩm cổ điển và chỉ nghe các chương trình âm nhạc bác học, nhưng ước vọng ngày hôm ấy mãnh liệt và bức xúc đến nỗi tôi cứ tưởng đó chính là điều nhắn gửi của Chúa trời. Sau khi gọi điện thoại, tôi không còn tiếp tục viết được nữa. Tôi treo võng vào góc tường phòng đọc sách nơi ánh nắng buổi sáng không lọt vào được, và nằm vật xuống, ngược như bị cơn thèm khát chờ đợi bóp nghẹt.

Tôi đã từng là một đứa trẻ nghịch ngợm có một người mẹ đa tài, nhưng bị bệnh lao phổi tiêu diệt ở tuổi năm mươi, có một người bố rất chuộng hình thức, hầu như không mắc lỗi làm gì và bị chết vào lúc sáng sớm ngay trên giường goá bụa đúng vào ngày người ta ký hiệp ước Neerlandia chấm dứt cuộc chiến tranh "Một ngàn ngày" và cũng kết thúc biết bao cuộc nội chiến khác trong suốt thế kỷ trước. Nền hoà bình đã làm đổi thay thành phố theo hướng chẳng ai lường trước và chẳng ai thích thú gì. Một đám đông phụ nữ tự do đam mê làm giàu cho những quán rượu trên phố Ancha, và sau đó là bãi đất Abello và bây giờ là đại lộ Colon, ở chính ngay trong thành phố của tâm hồn tôi, một thành phố rất được coi trọng vì những công dân trong sạch và vì ánh sáng trong suốt của nó.

Tôi không bao giờ ngủ với bất cứ người đàn bà nào mà không trả tiền, kể cả với một số ít vốn không phải là gái chuyện nghiệp thì tôi cũng cố thuyết phục họ, bằng lý hoặc bằng vũ lực, là phải nhận tiền dù chỉ để vứt vào sọt rác. Vào những năm hai mươi tuổi, tôi bắt

đầu thống kê ghi chép lại tên họ, tuổi tác, nơi chốn và tóm tắt về hoàn cảnh và phong cách của các cô ấy. Cho đến năm năm mươi tuổi tôi đã ăn nằm với năm trăm mười bốn người phụ nữ ít nhất một lần. Tôi đã ngưng bản liệt kê khi cơ thể mình không còn đủ sức với nhiều người được nữa tuy vẫn có thể tiếp tục việc tính toán mà không cần đến giấy tờ. Tôi có triết lý đạo đức riêng. Tôi không bao giờ tham gia vào các cuộc lễ hội theo nhóm hay các cuộc đàm đạo nơi công cộng, cũng không chia sẻ chuyện kín với ai hoặc kể chuyện phiêu lưu về thân xác hay tâm hồn với bất cứ người nào, bởi vì, từ khi còn trẻ tôi đã nghiệm ra rằng không có cuộc phiêu lưu nào tránh khỏi sự trừng phạt.

Mối quan hệ khác lạ duy nhất là với cô gái Damiana trung thành suốt trong nhiều năm. Thời ấy cô ta như là một bé gái, giống người thổ dân, khoẻ mạnh và có chút gì hoang dại, nói ít nhưng dứt khoát, thường đi chân đất để khỏi làm phiền tôi lúc đang viết lách. Tôi nhớ là lúc đó tôi đang nằm trên võng ở ngoài hành lang đọc Cô gái xứ Andaluz khoẻ mạnh, và vô tình nhìn thấy cô ta đang cúi người xuống giặt quần áo, vấy thì ngẩn cựa cựa để lộ phía sau hai đầu gối quá hấp dẫn. Không kim nổi cuồng nhiệt, tôi sán đến nhắc cô ta đứng dậy, kéo quần lót xuống đến đầu gối và tấn công cô ấy từ phía sau. Ấy, thưa ông, cô ta nói cùng với tiếng rên buồn bã, không ai người ta làm chuyện kỳ cục thế này. Cô ta run cầm cập nhưng vẫn đứng nguyên chắc chắn. Cảm thấy xấu hổ vì đã làm nhục cô ấy, tôi muốn trả số tiền gấp đôi số phải trả cho những cô đất giá nhất lúc đó, nhưng cô ta dứt khoát không chịu nhận một xu nào, thế là tôi phải tặng thêm tiền công tháng cho người thường xuyên giặt quần áo và thường xuyên làm ngược như thế.

Có đôi lần tôi nghĩ rằng bản thống kê chuyện chăn gối là phần chính của bản danh mục những điều hèn mọn trong cuộc sống phóng túng của chính mình và cái đầu để cho cuốn sách này bỗng như từ trên trời rơi xuống: Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi. Cuộc sống xã hội của tôi, ngược lại, chẳng có gì thú vị: mồ côi cả cha và mẹ, độc thân không chút tương lai, nhà bảo quản, bốn lần vào đến vòng chung kết trong các cuộc thi chơi hoa ở thành phố Cartagena và là nhân vật rất được các nhà vẽ tranh biếm hoạ ưa thích nhờ nét xấu trai mầu mực. Đó cũng chính là: một cuộc đời bị đánh mất ngay từ đầu, khi vào một buổi chiều, mẹ dắt tay tôi, lúc mười chín tuổi, đến toà soạn báo El Diario de La Paz xem người ta có thể đăng được hay không một bài phóng sự về sinh hoạt ở trường học do tôi viết trong lớp học môn tiếng Tây Ban Nha và ngữ văn. Bài đó được đăng vào số báo hôm chủ nhật với vài lời giới thiệu kiểu động viên của ông tổng biên tập. Mấy năm sau, khi biết mẹ tôi đã phải trả tiền cho người ta đăng bài đó và bẫy bài tiếp theo, thì cũng đã quá muộn để tôi tự thấy xấu hổ, và lúc này chương mục hàng tuần của chúng tôi cũng tự chấp cánh bay, hơn nữa tôi đã là một biên tập viên tin tức và người viết các bài phê bình về âm nhạc.

Từ khi được nhận bằng tú tài loại giỏi, tôi đã bắt đầu đi dạy môn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha và tiếng La Tinh ở ba trường công một lúc. Tôi là thầy giáo tồi, không được đào

đạo, không có đam mê nghề nghiệp và cũng chẳng có chút tình thương nào đối với những đứa bé khốn khổ coi việc đến trường là cách dễ nhất để trốn chạy khỏi sự tàn bạo của bố mẹ. Điều duy nhất mà tôi có thể làm được là vây hãm lũ trẻ con trong nỗi khiếp sợ chiếc thước gỗ khiến tôi thiểu chúng phải nhớ bài thơ mà tôi ưa thích: Fabio ơi, sao đớn đau, lúc này trước mắt anh, chỉ còn những cánh đồng đơn côi, ngọn đồi khô héo, vốn đã một thời là xứ Ý rạng rỡ. Mãi khi đã về già tôi mới vô tình biết rằng bọn học trò đã lên đặt cho tôi biệt hiệu Giáo sư Đồi khô héo.

Đấy là tất cả những gì cuộc đời đã dành cho tôi và tôi cũng không làm gì để buộc nó phải cho thêm. Tôi dùng bữa trưa một mình giữa hai giờ lên lớp và sáu giờ chiều thì đến toà soạn báo để sẵn lòng các tin hiệu từ khoảng không trên trời. Mười một giờ đêm, khi báo đã lên khuôn, mới là lúc bắt đầu cuộc sống thực của tôi. Mỗi tuần lễ tôi qua đêm trong Khu phố người Hoa hai hoặc ba lần với những người đẹp khác nhau, đến mức tôi đã từng hai lần được chọn là khách hàng mẫu mực của năm. Sau khi ăn tối ở quán café Roma gần chỗ làm việc, tôi chọn bất cứ nhà chứa nào và lên lút đi vào bằng cửa sau. Lúc đầu tôi làm việc này theo ý thích nhưng cuối cùng nó lại trở thành một phần của công việc báo chí nhờ vào tính mau mồm mau miệng của các vị chính khách vốn thường hay thổ lộ bí mật quốc gia cho các người tình một đêm mà không biết rằng ngay sát vách bia các tổng có đôi tai của đại diện báo chí đang đồng lên nghe hết lời của họ. Đương nhiên qua con đường này, tôi cũng đã phát hiện ra rằng thiên hạ đã cho tôi thích sống độc thân là để tôi đi được đi hành lạc với trẻ em mồ côi ở phố Tội phạm. Tôi có cái may mắn là quên nhanh chuyện đấm tấu này, bởi vì tôi cũng đã từng được người ta nói nhiều điều tốt đẹp về mình, và tôi coi trọng mọi điều người ta bàn tán về mình nếu có giá trị.

Tôi không bao giờ có những người bạn lớn, và số ít người gần gũi thì lại ở New York. Nói cách khác: là họ đều đã chết, bởi vì tôi quan niệm New York là nơi mà những linh hồn khốn khổ sẽ đến để khỏi tiêu hóa hết sự thật về cuộc sống nặng nề của mình. Từ khi về hưu, tôi ít việc phải làm ngoại trừ việc cứ chiều chiều thứ sáu hàng tuần phải đến toà báo đưa bài viết cho số chủ nhật, hoặc một vài việc lật vặt khác: Các buổi hoà nhạc ở Viện nghệ thuật, các buổi khai mạc triển lãm tranh ở Trung tâm nghệ thuật mà tôi vốn là một thành viên sáng lập, dăm ba buổi nói chuyện về các vấn đề xã hội ở Hiệp hội cải thiện công cộng, hoặc là một sự kiện trọng đại nào đó ví như mùa biểu diễn tác phẩm Fabregas ở nhà hát Apolo. Hồi trẻ tôi thường đi xem phim ở các rạp không có mái che, nơi chúng tôi có thể bất ngờ được chiêm ngưỡng cảnh nguyệt thực hoặc bị cảm mạo vì những cơn mưa rào bất chợt. Nhưng cái làm tôi thích thú hơn cả không phải là những cuốn phim mà là những con chim đêm có thể cùng ngủ với mình với cái giá của một vé vào cửa hoặc cho ngủ mà không lấy tiền hoặc cho nợ. Bởi vì điện ảnh không phải là loại hình nghệ thuật của tôi. Sự sùng bái tục tĩu đối với Shirley Temple là giọt nước tràn ly.

Những chuyến đi duy nhất của tôi là bốn lần đến Hội chợ hoa ở thành phố Cartagena,

trước khi tôi tròn hai mươi tuổi, và một chuyến đi mệt mỏi suốt đêm trên tàu thủy theo lời mời của Sacramento Montiel để dự khai trương hộp đêm của anh ta ở thành phố Santa Marta. Về sinh hoạt gia đình, tôi là người ăn ít và để ỉn. Khi Damiana già cả không nấu nướng được nữa, thì món ăn thông thường của tôi là trứng tráng với khoai tây ở quán café Roma sau khi báo đã lên khuôn.

Như vậy, là hôm trước ngày sinh nhật thứ chín mươi, tôi không ăn bữa trưa và cũng không thể tập trung tư tưởng cho việc đọc sách mà cứ ngong ngóng chờ tin tức của bà Rosa Cabarcas. Tiếng ve kêu ra rả trong cái nóng oi ả lúc hai giờ chiều và ánh nắng gay gắt lần lượt chiếu qua các cửa sổ mở toang làm tôi phải thay đổi vị trí chiếc võng ba lần. Tôi luôn cảm thấy sinh nhật của mình là ngày nóng nhất trong năm, và tôi đã học được cách chịu đựng, nhưng ngày hôm đó thì không thể chịu đựng nổi. Lúc bốn giờ chiều, tôi cố làm nguôi ngoai cái nóng bằng sau bản nhạc dành cho xêlô của Jean Sabastien Bach qua diễn tấu của nhạc sĩ Pablo Casals. Tôi vốn coi các bản này là những tác phẩm âm nhạc uyên bác nhất, nhưng hôm đó thay vì làm cho tôi thư giãn những bản nhạc này lại càng làm mệt mỏi thêm. Tôi ngủ thiếp đi ngay bản nhạc thứ hai mà tôi thấy có vẻ hơi chậm rãi, và trong giấc mơ chập chờn tôi hình dung tiếng đàn xêlô rền rĩ như cảnh chiếc tàu buồn bã ra đi. Và ngay lập tức tiếng chuông điện thoại làm tôi bừng tỉnh, rồi tiếng nói khàn đục của bà Rosa Cabarcas đã trả lại cuộc sống cho tôi. Ông có vận may của thăng giáng, bà ta nói. Tôi tìm được một ả khá hơn cả điều ông mong muốn, nhưng có một điều nguy hiểm: nó chỉ mới chưa đầy mười bốn tuổi. Tôi không quan tâm đến việc nó vừa thay tã lót, tôi nói đùa tuy chưa hiểu bà ta nói nguy hiểm là vì lý do gì. Không phải tai họa đối với ông, bà ta nói, mà ai sẽ chịu trả công cho tôi trong ba năm ngồi tù đây?

Tất nhiên sẽ chẳng ai trả cả, nhất là lại cho bà ta. Người đàn bà này đã thu hoạch những mùa bội thu bằng món hàng độc là thân xác các em gái nhỏ tuổi, dẫn dắt vào nghề và vất kiệt chúng cho đến khi đẩy sang cuộc sống tàn tạ của những cô gái điếm mật hạng trong nhà chứa lâu đời của mụ da đen Eufemia. Không bao giờ bà ta phải trả một xu tiền phạt nào, bởi vì sân vườn của bà ta là miền khoái lạc^[4] của quan chức địa phương từ viên tỉnh trưởng đến nhân viên quèn của toà thị chính, và chẳng có gì là khó hiểu nếu biết rằng bà chủ có đủ mọi quyền năng để được phạm tội thoải thích. Về thận trọng vào giờ chót của bà ta chẳng qua chỉ là cách moi thêm tiền của khách, vì việc làm để bị trừng phạt bao nhiêu thì càng phải trả tiền cao hơn bấy nhiêu. Mức độ nguy hiểm của dịch vụ đã được ngã giá tăng thêm hai đồng peso nữa, và chúng tôi thoả thuận với nhau là tôi sẽ đến nhà bà ta vào lúc mười giờ đêm với năm đồng peso tiền mặt đặt cọc trước. Không thể sớm hơn một phút vì đứa bé gái còn phải cho các em ăn, ngủ và đưa bà mẹ bị thấp khớp liệt chân tay lên giường ngủ xong đã.

Còn bốn giờ nữa. Thời gian trôi đi thì tim tôi lại càng hồi hộp đến ngộp thở. Tôi cố công vô ích làm thời gian trôi chậm lại bằng việc kéo dài chuyện ăn vận quần áo. Tất nhiên

chẳng có đồ gì mới cả vì chính Damiana còn nói tôi ăn như vị cha cố. Tôi dùng dao cạo lại bộ râu, rồi phải chờ cho nước bị nắng hâm nóng trong hệ thống ống nước ngoài trời nguội đi mới vào tắm được. Chỉ có việc cố dùng khăn lau khô người cũng đã lại làm tôi toát mồ hôi. Tôi chọn mặc quần áo phù hợp với cuộc phiêu lưu buổi tối: bộ veston bằng vải lanh màu trắng, áo sơ mi sọc xanh cổ cồn và cravat bằng lụa Trung Hoa, đôi giày có thêm gót bằng kẽm và chiếc đồng hồ mạ vàng có dây đeo bằng kim loại gắn vào ve áo. Cuối cùng tôi phải gấp hai ống quần vào phía trong để mọi người không nhận ra là chân tôi co lại cả một gang tay.

Tôi nổi tiếng là người tàn tiện bởi vì không ai có thể hình dung ra khu vực nơi tôi đang cư ngụ lại có người nghèo nàn đến thế, nhưng sự thật là một đêm vui chơi như hôm nay quả đã vượt rất xa tiềm lực của tôi. Tôi móc hai đồng peso trong hộc tủ giấu ở dưới giường để thuê phòng, bốn đồng cho bà chủ, ba đồng cho đứa bé gái và năm đồng dự trữ cho bữa ăn tối và một vài chi phí nhỏ nhặt khác. Tức là, mười bốn đồng mà toà báo trả cho những bài báo đăng trên phụ trương chủ nhật của cả tháng. Tôi giấu số tiền sau dây lưng rồi xức dầu thơm của hãng Lanman & Kemp-Barclay & Co. Tôi bỗng cảm thấy tim như thất lại vì nỗi lo lắng và khi chuông đồng hồ điểm tám tiếng, tôi dò dẫm đi xuống cầu thang mờ tối, toát mồ hôi vì lo, và ra khỏi nhà, lao vào ánh sáng của đêm trước ngày sinh của chính mình.

Trời mát mẻ. Những nhóm toàn đàn ông đang gào thét bình luận về bóng đá trên phố đi bộ Colon, giữa những chiếc xe taxi đang chờ khách ở giữa đường lát gạch. Một đội kèn đồng đang chơi những bài valse nhẹ nhàng dưới hàng cây đầy hoa. Một cô điểm nghèo đang đón khách trên đường Los Notarios xin tôi điều thuốc lá như mọi lần, và tôi trả lời: Tôi đã bỏ thuốc lá cho đến hôm nay là ba mươi ba năm, hai tháng và mười bảy ngày rồi. Khi đi ngang qua cửa hàng Vàng, tôi nhìn vào những khung kính rực rỡ và thấy rõ cái mà tôi không cảm thấy được là mình đã già khụ và ăn mặc thì quá tệ.

Gần đến mười giờ, tôi lên xe taxi và yêu cầu tài xế đưa tôi đến nghĩa trang Hoàn Cầu để anh ta không biết tôi sẽ đi đâu. Anh ta vui vẻ nhìn tôi qua kính chiếu hậu và nói: Đừng làm tôi giật mình kiểu đó, thưa ngài thông thái, cầu Chúa cho tôi cũng được sống như ngài. Chúng tôi cùng xuống trước nghĩa trang và vì anh ta không có tiền lẻ thối lại nên chúng tôi phải đổi ở một cửa hàng ăn của thổ dân, nơi vào các buổi sáng sớm những kẻ say rượu bết nhè thường khóc thương những người đã chết. Khi tính tiền xong, tay lái xe nghiêm nghị nói với tôi: Ngài phải cẩn thận đấy nhé, vì bây giờ nhà của bà Rosa Cabarcas không được bảo kê như ngày xưa đâu. Tôi chỉ còn biết cảm ơn anh ta, và cũng như tất cả mọi người, tôi hoàn toàn tin chắc rằng không có một bí mật nào dưới bầu trời này mà cánh lái xe taxi ở phố đi bộ Colon không tỏ tường.

Tôi đi vào khu phố vắng vắng còn giống tỳ giời trước đây tôi đã từng quen thuộc. Vẫn là những đường phố rộng đầy cát bỏng với những ngôi nhà cửa rộng mở, những bức tường bằng gỗ thô mộc, mái bằng lá cọ và những sân vườn đầy đá sỏi. Nhưng cư dân thì không còn được yên tĩnh nữa. Ở phần lớn các nhà đều có những đám khiêu vũ ngày thứ sáu âm ỹ từ trong ra ngoài. Với năm mươi xu, ai cũng có thể mua vé vào đám khiêu vũ mà mình thích nhất, nhưng cũng có thể lên theo ai đó vào nhảy cùng. Trong bộ đồ quái dị, vừa đi tối vừa muốn chui xuống đất, nhưng không có ai để ý đến tôi, trừ một tay người lai da nâu gầy còm đang ngồi ngái ngủ trên bậu cửa nhà hàng xóm.

- Vĩnh biệt ngài tiến sĩ - hấn ta thành thật hét to với tôi. – chúc hạnh phúc trong cát bụi nhé.

Còn có thể làm gì hơn là cảm ơn anh ta? Tôi phải dừng lại ba lần để lấy hơi mới lên được cái dốc cuối cùng. Từ đó có thể nhìn thấy mặt trăng to như chiếc đĩa bằng đồng đang chiếu sáng từ chân trời, và một cơn đau bụng bất thường khiến tôi lo lắng cho số phận của mình, nhưng cuối cùng thì cũng qua khỏi. Cuối con đường nơi khu phố chìm trong khu vườn cây ăn trái, tôi đi vào tiệm của bà Rosa Cabarcas.

Hình như nó không còn như trước. Hồi xưa nó vốn là nhà chứa kín đáo nhất và cũng nổi tiếng nhất. Một người đàn bà to béo mà chúng tôi phong là thượng sĩ chữa cháy, không chỉ vì to xác mà còn vì tính hiệu quả trong việc dập tắt rất nhanh ngọn lửa trong lòng đám khách hàng. Nhưng nổi cô đơn đã làm héo mòn thân xác bà ta, làm da nhăn nheo và làm cho giọng nói sắc gọn hơn như tiếng của đứa bé già cả. Người đàn bà trước đây chỉ còn giữ lại được hàm răng chắc khỏe, duy nhất có một chiếc được bọc vàng để làm duyên. Bà ta vẫn để tang người chồng bị chết lúc mới có năm mươi tuổi đời tầm thường, và rồi phải đeo tang thêm một lần nữa cho người con trai duy nhất. Bà ta chỉ còn ánh mắt sáng, sống động, nhưng đầy vẻ độc ác và, nhìn qua ánh mắt ấy, tôi nghiệm ra rằng tính khí bà ta không hề thay đổi.

Tiệm chỉ có một đốm sáng nhạt hắt từ trên trần xuống và trong các tủ không hề bày bán bất cứ thứ gì dù chỉ là để làm bình phong cho thứ dịch vụ không được rao to mà ai cũng biết. Rosa Cabarcas đang sắp xếp phòng cho một khách hàng khi tôi rón rén đi vào. Tôi không biết là thực sự bà ta không nhận ra mình hay giả vờ như thế để giữ đúng thủ tục. Tôi ngồi xuống ghế chờ bà ta làm xong việc và cố dựng lại trong ký ức hình ảnh người đàn bà này trước đây. Hơn hai lần, khi chúng tôi còn khỏe mạnh, bà ta đã từng kéo tôi ra khỏi cơn hoảng sợ. Tôi tin là bà ta đã đọc được ý nghĩ của tôi nên quay lại nháy mắt với tôi. Thời gian như không đi qua người đàn ông, bà ta buồn bã thờ dài. Tôi muốn nịnh khéo bà ra: Với bà thì có đấy, nhưng lại làm bà trẻ lại. Nói thật nhé, bà ta nói, cái mặt ngựa chết của ông cũng đã sống lại rồi đấy. Có lẽ là vì tôi thay đổi chỗ ăn cũng nên, tôi nói

dũa với bà ta. Bà ấy tỏ ra phần chần. Nếu tôi nhớ đúng thì ông đã từng có nữ hầu hạ đầu tắt mặt tối, bà ta nói với tôi. Thế cô ta thế nào rồi? Tôi cố tình lảng tránh. Kể từ khi chúng ta không gặp nhau, điểm khác duy nhất là thỉnh thoảng tôi thấy nóng đít. Bà ta có ngay lời chuẩn đoán: Vì ít dùng đến đấy mà. Tôi chỉ dùng nó như Chúa đã tạo ra mà thôi, tôi nói với bà ta, nhưng đúng là trước đây tôi thấy nóng cháy ở đó, và luôn luôn vào những ngày trăng tròn. Rosa tìm trong hòm kim chỉ và lấy ra một lọ dầu màu xanh có mùi dầu xoa bóp làm từ cây kim sa. Ông bảo con bé dùng ngón tay bôi dầu này cho ông, bà ta vừa nói vừa xoay xoay ngón tay trở một cách thành thạo. Tôi đáp lại là nhờ Đức Chúa tôi vẫn còn đủ khả năng tự bảo vệ được mình, không cần bôi cái thứ vớ vẩn đó. Bà ta chế nhạo: Ái chà, thưa thầy, xin tha mạng sống cho con. Thôi tùy ông.

Con bé ở trong phòng từ lúc mười giờ, bà ta nói với tôi; nó đẹp, sạch sẽ và ngoan nhưng đang sợ chết khiếp, bởi vì con bạn gái của nó trốn đi cùng một tay bốc vác ở Gayra đã chảy máu suốt hai giờ liền. Nhưng, bà Rosa thừa nhận, người ta phải hiểu rằng bọn người ở Gayra có tiếng là thô bạo. Rồi bà ta nói tiếp: Tội nghiệp con bé, nó phải làm việc đơm cúc suốt ngày ở nhà máy. Tôi thấy việc này đâu có gì nặng nhọc. Đàn ông cứ nghĩ vậy, bà ta đảo lại, nhưng việc này còn nặng nhọc hơn đèo đá nữa đấy. Ngoài ra bà ta còn thú nhận đã cho con bé uống một hợp chất đồng với kim loại pha và rễ cây nữ lang và giờ này nó đang ngủ say. Tôi sợ bà ta kể những chuyện thương tâm đó như một mảnh để nâng giá, nhưng không phải như vậy, bà ta nói, lời của tôi là lời vàng. Với một quy tắc bất di bất dịch: việc gì thêm là phải trả thêm tiền, tiền mặt trả trước. Và đúng như thế.

Tôi đi theo bà ta qua khu vườn, mà lòng thấy xót xa cho nước da khô héo và kiêu đi khó nhọc với đôi chân sưng phồng trong đôi tất bằng bông thô của bà ấy. Mặt trăng rằm đã lên cao giữa bầu trời và thế giới như chìm đắm trong biển nước xanh. Bên cạnh tiệm có một căn nhà mái lợp bằng lá cọ dùng cho các buổi lễ hội của giới công chức, có nhiều ghé bằng da và võng treo trên cọc. Cuối vườn nơi bắt đầu rừng cây ăn quả có một dãy sáu căn phòng ngủ xây bằng gạch không nung, các cửa sổ có lưới chắn muỗi. Phòng duy nhất có người ở chìm trong ánh đèn mờ và vọng tiếng hát của Tona, cô gái da đen đang hát bài ca thất tình qua đài phát thanh. Rosa Cabarcas thở mạnh: Điệu hát bolero chính là cuộc sống. Tôi đồng ý với bà ta, nhưng cho đến tận bây giờ tôi vẫn chưa dám viết ca từ cho loại nhạc bolero. Bà ta đẩy cửa, vào trong phòng một lát rồi quay trở ra. Con bé vẫn ngủ say, bà ta nói. Có lẽ nên để cho nó nghỉ ngơi tất cả thời gian mà cơ thể yếu cầu, đêm của ông sẽ dài hơn đêm của con bé nữa đấy. Tôi bực bội: Thế bà bảo tôi cần phải làm gì nào? Ông tự biết, bà ta nói với giọng hồ hởi không đúng chỗ, dù gì chẳng nữa ông cũng là người thông thái mà. Bà ta xoay người và để tôi đứng một mình với nỗi bất an trong lòng.

Không còn đường thối lui. Tôi bước vào phòng với trái tim vỡ tung, và thấy bé gái đang ngủ, trần trụi trên chiếc giường rộng mênh mông như khi mới được sinh ra. Nó nằm hơi nghiêng mặt quay ra phía cửa, toàn thân được ngọc đèn sáng chói từ trên trần chiếu

thẳng xuống lộ rõ mọi chi tiết. Tôi ngồi xuống mép giường chiêm ngưỡng bằng cả năm giác quan. Nó có nước da nâu và nóng ấm. Người ta đã buộc nó theo chế độ vệ sinh và làm đẹp cẩn thận đến từng lông tơ của mu âm hộ. Họ đã uốn tóc và bôi sơn tự nhiên cho móng tay và móng chân của nó, nhưng làn da bánh mật vẫn còn thô ráp và không hề được chăm chút. Cặp vú mới nhú như của đứa bé trai nhưng đã thấy ẩn chứa năng lượng bí ẩn sắp nổ bùng ra. Nét xuất sắc nhất trên thân thể của nó chính là đôi chân to với những ngón dài và thon như ngón tay. Toàn thân ướt đẫm mồ hôi lóng lánh mặc dù trong phòng có quạt máy, và trời càng về khuya càng nóng hầm hập. Không thể nào tưởng tượng được gương mặt của bé gái này ra sao sau lớp phấn phết dày, dưới lớp bột gạo quét đầy hai má, cặp lông mi giả, lông mày và mí mắt như bị hun khói đen và cặp môi được làm to thêm bằng k5o sô-cô-la. Nhưng tất cả không thể làm sai lệch được đặc tính của nó: mũi cao, lông mày chụm, đôi môi mọng chín. Tôi nghĩ: Đúng là con bò cái tơ hiền lành.

Mười một giờ, tôi làm các thủ tục thường ngày ở trong buồng vệ sinh nơi y phục của cô bé nghèo được vắt rất cẩn thận như của người giàu có trên một chiếc ghế: bộ đồ in hoa bướm, một quần lót màu vàng rách và đôi dép bằng sợi cây xương rồng. Trên mớ y phục để chiếc vòng đeo tay loại bán hạ giá và một dây chuyền mảnh mai đeo tằm huy hiệu ảnh Đức Mẹ đồng trinh. Trên nắp lavabo có chiếc ví đựng bút tô môi, thỏi son, một chìa khoá và mấy đồng bạc lẻ. Tất cả đều rẻ tiền và cũ kỹ khiến tôi phải tưởng tượng xem còn có ai nghèo như cô bé này không.

Tôi cởi quần áo và treo thật cẩn thận trên từng mắc áo để khỏi nhàu chiếc áo sơ mi bằng lụa và mắt nếp bộ veston. Tôi đi tiểu vào bồn cầu, ngồi đúng cách mà ngày bé mẹ Florina de Dios đã dạy để không ướt gối lót, và dù hết sức khiêm tốn, tôi cũng phải nói rằng dòng nước chảy vẫn ào ào và liên tục như của chú ngựa hoang vậy. Trước khi rời khỏi buồng, tôi còn quay lại nhìn trong gương. Con ngựa nhìn tôi qua gương không phải có nét của kẻ bị chết mà đầy nét buồn thảm, và cả có cái cảm như của Đức Giáo hoàng, đôi mi mắt sừng húp, bờm lụa thưa mà tôi coi là biểu tượng nhạc sĩ của mình.

- Đờ cứt đái – tôi nói với con bé – ta biết làm gì nếu em không yêu ta?

Cổ không đánh thức con bé dậy, tôi ngồi trần như nhộng ngay mép giường và với cặp mắt vốn đã quá quen với ánh sáng ảo màu đỏ, tôi xem xét từng ly từng tý thân thể nó. Tôi dùng lòng ngón tay trở lướt nhẹ dọc gáy đẫm mồ hôi của con bé và toàn thân nó rung lên như dây đàn. Nó nằm quay lại, miệng rên ậm ừ và bao bọc tôi trong bầu không khí đầy hơi thở chua chua của nó. Tôi dùng ngón trở và ngón cái bóp mũi nó, toàn thân nó lại run lên, nghiêng đầu và quay lưng lại phía tôi mà không hề tỉnh ngủ. Bất chợt, tôi cố dùng đầu gối đẩy hai chân cô bé ra xa nhau. Trong hai lần đầu, cô bé gồng cơ bắp của cô bé như hơi chùng xuống. Một dòng nước ấm chảy râm ran trong huyết mạch của tôi và con thú

hưu trí trong người tôi từ từ bùng tình dậy sau giấc ngủ dài.

Delgadina, tâm hồn của tôi ơi, tôi thiết tha cầu khẩn cô ta. Nàng Delgadina. Cô bé cất tiếng rên sâu thẳm, vượt khỏi cặp đùi của tôi, quay lưng lại và cuộn người như con ốc thu mình trong vỏ. Hợp chất đồng và kim loại pha với rễ cây nữ lang có lẽ cần tác dụng với tôi cũng như với cô bé, bởi vì đã chẳng có gì xảy ra với cô bé và với bất cứ ai. Nhưng tôi thấy việc ấy chẳng có gì quan trọng cả. Tôi tự hỏi đánh thức cô bé dậy làm gì khi bản thân mình cảm thấy nhục nhã, buồn bã, và nhất là quá lạnh lẽo.

Tôi nghe tiếng chuông điểm rõ ràng vào lúc mười hai giờ đêm, thế là bắt đầu sáng sớm ngày 29 tháng Tám, ngày Khổ hạnh của Thánh Juan Bautista. Ai đó khóc to ngoài đường phố nhưng chẳng ai để ý đến hắn. Tôi cầu nguyện cho hắn, nếu như hắn cần, và cầu nguyện cho chính mình để tạ ơn những gì mình đã nhận được: Đừng ai tự lừa dối mình, đừng nghĩ rằng điều ta chờ đợi sẽ kéo dài hơn những gì ta thấy. Bé gái rên rỉ trong giấc mơ, và tôi cũng cầu nguyện cho nó: Rằng mọi sự sẽ diễn ra như cách nó phải xảy ra. Sau đó tôi tắt radio và đèn để đi ngủ.

Sáng sớm tôi tỉnh dậy mà vẫn chưa nhớ là mình đang ở đâu. Bé gái vẫn ngủ say, quay lưng về phía tôi trong tư thế bào thai trong bụng mẹ. Tôi có cảm giác mơ hồ là trong đêm qua hình như cô bé đã trở dậy trong bóng tối và mình có nghe thấy tiếng nước chảy ào trong buồng tắm, nhưng đó cũng có thể chỉ là giấc mơ. Đây là chuyện mới đối với tôi. Tôi không biết các mẹo quyến rũ đàn bà, và thường chỉ biết chọn người yêu một đêm một cách tình cờ theo biểu giá hơn là theo sự hấp dẫn, và chúng tôi làm tình không chút tình yêu, nhiều lần chưa cởi bỏ hết xiêm y, và luôn luôn trong bóng tối để tưởng tượng mình khác hơn. Tối hôm đó tôi phát hiện ra niềm thích thú thực sự khi ngắm nhìn thân thể người phụ nữ ngủ say mà không bị áp lực của dục vọng hay bối rối vì ngưng ngưng.

Tôi trở dậy vào lúc năm giờ sáng, lo lắng vì phải giao bài báo chủ nhật cho toà soạn trước mười hai giờ trưa. Tôi làm vệ sinh thường nhật vẫn với nỗi đau bỏng rát của tuổi dậy thì, và khi giặt nước xả tôi cảm thấy bao nỗi hận thù trước đây của mình đều bị cuốn vào cống hết. Khi cảm thấy sảng khoái và đã ăn vận chỉnh tề xong, tôi quay lại phòng ngủ thì bé gái vẫn nằm ngửa ngủ say dưới ánh sáng dịu dàng của buổi sớm mai chiếu xuyên qua giường, hai cánh tay rộng mở bắt chéo nhau và vẫn hoàn toàn làm chủ trình tiết của mình. Tất cả tiền bạc còn lại, của tôi bà của nó, tôi để cả trên gối và tôi vĩnh biệt mãi mãi bé gái bằng một nụ hôn trên trán. Vào buổi sáng sớm, căn nhà, cũng như mọi hộp đêm khác, gần với thiên đường hơn cả. Tôi rời khỏi nơi đó bằng cửa sau vườn nhưng không gặp ai. dưới ánh nắng chói chang ngoài phố, tôi bắt đầu cảm thấy sức nặng của chín mươi năm đè lên mình, và bắt đầu đếm từng phút một số phút giây ban đêm còn lại để đến với cái chết.

CHƯƠNG 2

Tôi viết những dòng hồi ức này trong thư phòng bé nhỏ mà bố tôi để lại với những vách tủ đựng sách đang bị mục rỗng vì sự nhần nại của bầy mối mọt. Nhưng dù sao đi nữa, để làm nốt những công việc còn lại trên thế gian này tôi vẫn còn đủ các loại từ điển, cùng hai loại tiểu thuyết đầu tiên trong bộ Những sự kiện lịch sử quốc gia của Benito Perez Galdos, và với Núi thần của Thomas Mann vốn từng dạy tôi hiểu tính hài hước của người mẹ đã mất vì bệnh lao phổi.

Khác với các loại đồ đạc khác và khác hẳn cả bản thân tôi, chiếc bàn mà tôi đang viết hình như ngày càng khỏe mạnh hơn bởi vì nó được ông nội tôi, vốn là thợ mộc trên tàu thủy, làm ra bằng các loại gỗ quý. Kể cả khi không cần viết lách gì, sáng nào tôi cũng sắp xếp lại bàn làm việc vì tôi là một người kỹ tính đến mức đã bỏ mất bao cơ hội tình yêu. Ngang tầm với tay, bao giờ tôi cũng để các cuốn sách tông phạm với mình trong tội viết lách: đó là hai tập Từ điển có minh họa đầu tiên của Viện hàn lâm hoàng gia in năm 1903; cuốn Kho báu của ngôn ngữ Tây Ban Nha của Don Sebastian de Covarrubias; cuốn Ngữ pháp của Don Andres Bello, và để giải đáp những thắc mắc về ngữ nghĩa vẫn thường xảy ra, tôi có cuốn Từ điển tư tưởng rất mới mẻ của Don Julio Casares, và đặc biệt là để tìm những từ đồng nghĩa và phản nghĩa có cuốn Từ vựng của ngôn ngữ Italia của Nicola Zingarelli, để luôn giúp tôi nhớ ngôn ngữ của mẹ mà tôi đã học từ khi còn nằm trong nôi, và cuốn Từ điển tiếng La Tinh vốn là mẹ của hai ngôn ngữ kia nên tôi coi như tiếng mẹ đẻ của mình.

Ở bên trái bàn viết của tôi luôn để năm tờ giấy khổ lớn để viết các bài báo chủ nhật, và chiếc cốc bằng sứ đựng phần thơm mà tôi thích hơn chiếc túi bằng giấy khô hiện đại. Ở bên phải, có ống mực và ống đựng chiếc bút mạ vàng bởi vì đến lúc này tôi vẫn dùng bút thường viết theo lối chữ La Mã do mẹ Florina de Dios dạy cho chứ không viết theo chữ nắn nót chính thức của chồng bà vốn là một công chứng viên và một kế toán tận tụy đến hơi thở cuối cùng. Từ lâu toà soạn báo đã bắt chúng tôi phải viết bằng máy đánh chữ để dễ tính khoảng trống trên báo và để sửa bản kẽm, nhưng tôi không bao giờ bỏ được thói xấu viết tay rồi sau đó mới cặm cụi mỗ cò trên máy. Tôi được hưởng thứ đặc quyền chẳng hay ho gì này vì là nhân viên lâu năm nhất ở toà báo. Ngày hôm nay, tuy đã hưu trí nhưng chưa hề thất bại, tôi vẫn hưởng đặc quyền thiêng liêng được viết ở tại nhà, với ống điện thoại để ngoài để không bị ai quấy rầy, và nhất là không bị ai đứng đằng sau lưng nhòm ngó, kiểm duyệt những gì mình đang viết.

Tôi sống không chó, không chim, không người giúp việc ngoại trừ bà Damiana trung

thành luôn giải thoát cho tôi những chuyện rắc rối ít ngày tới và mỗi tuần vẫn đến nhà tôi một lần xem có việc gì phải làm không, mặc dù mắt của bà ta đã kém nhưng trí não thì còn rất sâu sắc. Khi nằm trên giường chờ chết, mẹ còn nhắc tôi phải lấy vợ sớm với một người phụ nữ da trắng, và rằng chúng tôi phải có ít nhất ba đứa con, trong đó phải có một đứa bé gái mang tên của mẹ như mẹ đã từng mang tên của mẹ và bà ngoại mình. Tôi vẫn thường xuyên nhớ lời mẹ dặn, nhưng lại có ý niệm rất mềm dẻo linh hoạt về tuổi trẻ nên cứ tự cho là không bao giờ muộn trong việc lấy vợ. Cho đến một buổi trưa nóng nực tôi đi nhầm cửa phòng trong căn nhà mà gia đình Palomares de Castro có ở bãi biển Pradomar, và bất ngờ thấy Ximena Ortiz, cô con gái út của họ đang nằm lơ đãng ngủ trưa trong phòng. Cô ta nằm nghiêng quay lưng ra phía cửa nhưng bỗng quay đầu nhìn qua vai nhanh đến mức tôi không kịp trốn chạy. Chà chà, xin lỗi nhé, tôi chỉ kịp thật thà nói câu đó. Cô ta mỉm cười, quay hẳn người về phía tôi nhanh như loài hoẵng và phớt bầy hết toàn thân. Không gian thật thân mật. Không hoàn toàn chỉ có da thịt mà trên vành tai cô cài một bông hoa độc nhiều cánh màu vàng như nàng Olympia trong tranh của Manet và đeo vòng vàng ở cổ tay phải và một chuỗi vòng cổ bằng các hạt ngọc nhỏ. Tôi chưa từng tưởng tượng mình lại có thể được thấy một điều gì làm bối rối đến như vậy trong những năm tháng còn lại của cuộc đời, và ngày hôm nay tôi có thể khẳng định là lúc đó mình đã có lý.

Tôi đóng mạnh cửa ra vào, xấu hổ vì sự vụng về của bản thân và cố quên đi sự việc này. Nhưng Ximena Ortiz lại ngăn cản tôi làm việc đó. Nàng liên tục gửi các lời nhắn qua các bạn gái chung của hai người, những bức thư khiêu khích, những lời đe dọa dã man, trong khi tin đồn chúng tôi yêu nhau phát điên dù chưa thổ lộ ra thì đã lan truyền khắp nơi. Không thể chịu nổi. Nàng có đôi mắt của mèo hoang, một thân hình bốc lửa dù mặc quần áo hay không và một mái tóc dày màu vàng óng với lối búi tóc kiểu đàn bà làm tôi khóc vì tức giận trên gối. Vẫn biết không bao giờ dẫn đến tình yêu, nhưng sự hấp dẫn quý quai của nàng đối với tôi thật nồng cháy đến mức tôi phải tìm cách giảm nhiệt bằng việc tiếp xúc với những người đàn bà mắt xanh tầm thường khác. Tôi không bao giờ dập tắt được ngọn lửa kỷ niệm về nàng khi nằm trên giường ở Pradomar, và thế là tôi phải hạ vũ khí, chính thức xin cầu hôn, trao nhẫn cưới và công bố ngày tổ chức đám cưới thật to trước lễ Pentecôte^[5].

Tin này làm bùng nổ mạnh hơn ở Khu phố người Hoa so với ở các câu lạc bộ. Lúc đầu người ta trêu đùa nhưng sau đó trở thành quan điểm đối lập với mọi quan niệm hàn lâm vì nó coi hôn nhân là một trạng thái khô hài hơn là một việc thiêng liêng. Giai đoạn yêu đương của hai chúng tôi cũng diễn ra đúng nghi thức cửa nền đạo đức Gia tô giáo trên sân thượng treo đầy hoa phong lan rừng xứ Amadôn và cây dương xỉ. Tôi thường đến vào lúc bảy giờ tối với bộ veston lạnh màu trắng, và tất nhiên với một món quà là đồ thủ công hoặc kẹo sô-cô-la Thụy sĩ, rồi nói chuyện nửa mặt khẩu nửa thật đến mười giờ dưới sự giám sát của bà cô Argenida luôn ngủ gà ngủ gật ngay từ cái nháy mắt đầu tiên như trong các tiểu thuyết thời thượng.

Chúng tôi càng biết kỹ về nhau thì Ximena càng trở nên háu trai, cuồng nhiệt, nàng luôn cởi bớt áo lót và váy trong cho nhẹ người nhất là khi gió nóng thánng Sáu thổi về, và cũng dễ mừng tượng sức tàn phá của nàng khi chúng tôi đứng trong bóng tối. Hai tháng sau khi yêu nhau, chúng tôi không còn chuyện gì để nói, nàng đề xuất ra đề tài con cái chỉ bằng cách đan các đôi giày nhỏ bằng len cho trẻ sơ sinh. Tôi, người yêu tinh tế, cũng học đan cùng nàng và thế là chúng tôi trải qua những giờ phút vô tích sự trước lễ cưới, thì đan các đôi giày be bé bằng len màu xanh cho con trai còn nàng thì đan len màu hồng cho con gái rồi thách đố xem ai sẽ đúng, cứ thế cho đến khi đủ cho hơn nửa trăm đứa con. Trước khi đồng hồ điểm mười giờ tôi lên xe ngựa rồi đi thẳng đến khu phố người Hoa để qua đêm trong sự yên bình của Chúa.

Lễ hội tiễn đưa tuổi độc thân của tôi được diễn ra ở khu phố người Hoa sôi nổi hơn nhiều so với cũng lễ ấy cứng nhắc ở Câu lạc bộ. Sự đối lập đã giúp tôi biết được trong hai thế giới trên thực tế đâu là thế giới mình, nhưng tôi vẫn nuôi ảo tưởng rằng cả hai thế giới ấy đều là của mình tùy theo thời khắc cụ thể, bởi vì từ bất cứ thế giới nào tôi cũng thấy, trong tiếng thờ dài xa dần thế giới kia như hai con tàu gặp nhau rồi xa nhau ngoài biển khơi. Buổi khiêu vũ đêm trước ngày hợp hôn trong nhà thờ "Dưới quyền năng của Chúa" gồm cả một nghi lễ cuối cùng dưới sự điều khiển của cha cố người xứ Galaxia rất lúng túng trong chuyện thông tục này. Ông ta bắt tất cả đàn bà con gái phải mang khăn che mặt và vòng hoa bướm để thành hôn với tôi trong lễ thánh hóa hoàn vũ. Đó là một đêm nhiều chuyện phạm thánh thần vì có đến hai mươi mốt trong số các cô có mặt đã hứa yêu và luôn vâng lời tôi còn tôi đền đáp lại cho họ bằng niềm hạnh phúc và sự nuôi dưỡng cả sau khi đã xuống mồ.

Tôi không ngủ được vì điềm báo sẽ có chuyện vô phương cứu chữa. Từ sáng sớm tôi bắt đầu đếm từng bước thời gian của chiếc đồng hồ ở nhà thờ lớn, cho đến khi nó điểm bảy tiếng chuông đáng sợ là lúc tôi phải có mặt ở nhà thờ. Tiếng chuông điện thoại bắt đầu vang lên từ lúc tám giờ sáng, kéo dài và lý lợm, khẩn thiết suốt cả tiếng đồng hồ. Không những không trả lời mà tôi còn không dám thờ lớn. Mấy phút trước lúc mười giờ, bắt đầu có tiếng gọi cửa, lúc đầu là bằng nắm đấm, rồi sau đó bằng tiếng kêu của những giọng người quen và đáng ghét. Tôi sợ là cửa sẽ bị đổ sập vì một tai nạn nghiêm trọng nào đó bất chợt xảy ra, nhưng khoảng mười một giờ thì căn nhà trở lại bầu không khí im lặng rộn tóc gáy thường có xảy ra sau những tai họa lớn. Lúc ấy tôi mới khóc thương nàng và thương mình rồi thành tâm cầu nguyện đừng bao giờ gặp lại nàng trong suốt những ngày còn lại của đời mình. Có lẽ một vị thánh nào đó đã nghe nửa chừng lời nguyện cầu của tôi nên ngay trong đêm đó Ximena Ortiz đã bỏ đi nước ngoài và mãi mãi hai mươi năm sau mới trở về nước, có chồng môn đăng hộ đối và bảy đứa con mà đáng ra phải là con của tôi.

Sau chuyện đáng sỉ nhục đó, tôi phải vất vả lắm mới giữ được chỗ làm việc và chuyên mục thường xuyên trên tờ Diario de La Paz. Nhưng chuyên mục của tôi bị đẩy xuống tận trang mười một chẳng phải vì do đó, mà chính là vì lúc này thế kỷ XX đang ập đến đầy khí thế mạnh mẽ. Những bước tiến bộ đã trở thành huyền thoại trong thành phố. Tất cả đều thay đổi; những chiếc máy bay bắt đầu bay trên trời và một doanh nhân nọ từ trên một chuyến bay của chiếc phi cơ Junker đã quẳng một bao chớ đầy thư tín xuống đất để sáng tạo ra nghề bưu chính hàng không.

Điều duy nhất còn y nguyên là những bài của tôi đăng trên báo. Những thể hệ mới công kích kịch liệt những bài đó, coi như một thứ xác ướp của quá khứ cần chôn vùi, nhưng tôi vẫn duy trì chúng với cùng giọng điệu, không chút nhân nhượng, không chút nhân nhượng, chống lại bầu không khí. Tôi hoàn toàn điếc với tất cả. Lúc này chuyên mục đã ra đời được bốn mươi năm, nhưng những biên tập viên trẻ vẫn coi là chuyên mục vớ vẩn là đứa con hoang. Chủ bút tờ báo thời kỳ đó đã gọi tôi đến văn phòng để nhắc nhở phải viết theo giọng điệu của trào lưu mới. Với thái độ trịnh trọng, ông ta nói với tôi: Thế giới đang tiến lên. Vâng, tôi nói với ông ta, đang tiến lên, nhưng vẫn quay quanh mặt trời. Tôi vẫn duy trì bài báo chủ nhật vì người ta không tìm ra ai có thể thu tin và biên tập lại tin điện như tôi. Ngày hôm nay tôi nhận thấy là hồi ấy mình đã có lý và vì sao lại như vậy. Những người trẻ tuổi lúc đó trong vòng xoáy của cuộc mưu sinh đắm chìm trong ảo mộng về tương lai, cho đến khi thực tế dạy họ biết rằng tương lai không phải như họ mơ tưởng và thế là họ phát hiện ra sự hoài niệm nhớ thương. Đó chính là những bài báo chủ nhật của tôi, như là một di chỉ khảo cổ trong đồng đồ nát của quá khứ, và họ nhận ra rằng, những bài đó không chỉ dành cho những người già mà cả cho những người thanh niên không sợ tuổi già. Những bài đó lại được quay về đăng trên trang chính luận và trong trường hợp đặc biệt, được đăng ngay trên trang nhất.

Ai hỏi tôi cũng luôn trả lời thật: các cô gái điếm đã không để tôi có đủ thời gian lấy vợ. Tuy nhiên tôi phải thừa nhận rằng lời giải thích này mình chỉ kịp nghĩ ra đúng vào sinh nhật thứ chín mươi, khi vừa ra khỏi nhà của Rosa Cabarcas và quyết chí không bao giờ khiêu khích số phận nữa. Tôi tự cảm thấy mình đã biến thành người khác. Ma quỷ đã biến nhầm tôi thành một kẻ mạnh mẽ tựa như đám lính đang gác sau chấn song sắt bao quanh công viên. Tôi thấy Damiana bò lau sàn phòng khách và cặp đùi còn rất trẻ trung so với tuổi tác của bà ta đã khơi dậy trong tôi những rung cảm của một thời xa xăm trước đây. Chắc bà ta cũng cảm thấy như vậy nên dùng váy che kín lại. Tôi không kim nén được sự cảm dỗ muốn hỏi bà ta: Damiana ơi, cô có thể nói với tôi điều này được không: cô đang nhớ đến chuyện gì vậy? Tôi chẳng nhớ gì cả, bà ta nói, nhưng câu hỏi của ông lại gợi tôi nhớ chuyện ấy. Tôi cảm thấy nghẹn trong ngực. Tôi chưa bao giờ biết yêu, tôi nói với bà ta. Bà ta đáp lại ngay tức thì: Tôi thì có đấy. Và nói nốt câu chuyện trong khi không ngưng công việc: Tôi đã khóc thắm suốt hai mươi hai năm vì ông đấy. Trái tim tôi đập rộn ràng. Tôi tìm một lối ra xứng đáng, và nói với bà ta: lẽ ra chúng ta đã là một cặp xứng đôi vừa

lừa rồi. Bây giờ ông mới nói điều đó với tôi thì quá dở, bà ta nói, bởi vì ông không còn làm gì được nữa, thậm chí cũng không làm được việc an ủi ông. Khi ra khỏi nhà, bà ta nói với tôi một cách tự nhiên hơn: Có lẽ ông sẽ không tin điều tôi nói đây, nhưng quả thật đến lúc này tôi vẫn tiếp tục là một thiếu nữ trinh nguyên, nhờ ơn Chúa.

Ngay sau đó tôi phát hiện ra là bà ấy đã cắm đầy hoa hồng đỏ vào các lọ hoa và bày khắp nơi trong nhà, và một danh thiếp trên gối: Chúc ông sống đến trăm tuổi. Lòng trĩu nặng vì buồn, tôi ngồi vào viết tiếp bài báo chủ nhật bị bỏ dở nửa chừng từ ngày hôm trước. Tôi viết một hơi trong chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì xong và phải khéo lắm mới móc hết tim gan trong lòng mình ra mà không để ai nhận thấy tiếng khóc thầm. Nhờ niềm hưng khởi muộn màng, tôi quyết định giã từ công việc với lời thông báo rằng bài báo này đặt dấu chấm hết hạnh phúc cho một chuyên mục vốn sống dai dẳng một cách xứng đáng suốt bao năm qua và không hề gây ra điều tiếng nào khiến tôi phải chết.

Tôi có ý định là để bản thảo bài viết ở cửa toà soạn rồi quay về nhà ngay. Nhưng không thể. Toàn bộ nhân viên toà báo đã có mặt đầy đủ để tổ chức lễ sinh nhật cho tôi. Toà nhà đang sửa chữa lại, khắp nơi đầy dàn giáo và từng đống gạch vụn lạnh lẽo, nhưng người ta đã tạm dừng công việc này lại để cho toà soạn tổ chức buổi lễ. Trên một chiếc bàn gỗ, bày đầy đồ uống để chúc rượu và nhiều tặng phẩm gói trong giấy hoa. Sừng sốt vì ánh đèn liên tục của các loại máy ảnh, tôi đã được chụp rất nhiều ảnh kỷ niệm.

Tôi rất vui mừng được gặp nhiều nhà báo của đài phát thanh và các báo khác trong thành phố: La Prensa, báo buổi sáng của phái bảo thủ, El Nacional, báo buổi chiều theo khuynh hướng giạt gân vốn tìm cách làm dịu sự căng thẳng trật tự xã hội bằng các truyện tình cảm được đăng tải từng kỳ. Việc họ cùng có mặt chẳng có gì là lạ cả bởi vì thành phố này, trong lúc các vị tướng soái cứ gây chiến tranh bằng xã hội luận với nhau thì lính tráng vẫn duy trì nguyên tình hữu nghị.

Trong buổi lễ còn có mặt, hoàn toàn ngoài giờ làm việc thường ngày, người phụ trách công tác kiểm duyệt báo chí, Don Jeronimo Ortega, người mà chúng tôi vẫn gọi là Người đàn ông đáng ghét lúc chín giờ bởi vì ông ta luôn luôn đến đúng vào giờ đó và buổi tối cùng với chiếc bút chì đẫm máu của tên bạo chúa bảo thủ. Ông ta ở đấy cho đến khi tin chắc rằng không có một chữ nào có hại trong số báo phát hành sáng hôm sau. Ông ta rất căm ghét cá nhân tôi vì tôi vốn tự cao về vốn kiến thức ngữ pháp hoặc cũng có thể tôi hay dùng các từ tiếng Italia mà không để trong ngoặc kép hoặc viết nghiêng trong các trường hợp cụ thể mà tôi cho rằng tiếng Italia biểu cảm hơn tiếng Tây Ban Nha, đó cũng là một chuyện bình thường giữa hai ngôn ngữ anh em sinh đôi này. Sau bốn năm gằm gừ nhau, cuối cùng chúng tôi đành chấp nhận việc này như ý thức kém của riêng từng người.

Các cô thư ký bê ra chiếc bánh ngọt với chín mươi ngọc nền đang cháy làm tôi lần đầu tiên phải nhớ đến số năm tuổi của mình. Tôi phải cố nén dòng nước mắt khi mọi người cùng ca bài chúc mừng sinh nhật và tôi lại nhớ đến đứa bé gái một cách hết sức vô lý. Đó không phải là một phút giây tức giận mà là lòng thương cảm muộn mằn đối với một sinh linh bé nhỏ mà tôi tưởng là không bao giờ còn nhớ đến nữa. Khi bài ca thánh thiện vừa xong thì ai đó đặt vào tay tôi con dao để cắt bánh ngọt. Vì sợ xảy ra chuyện đùa bỡn nên không ai mạo hiểm ửng khẩu bài diễn văn nào. Tôi cũng thà chết chứ không chịu đáp lại những bài diễn văn. Để kết thúc lễ mừng, trưởng ban biên tập mà tôi vốn không ưa lắm đã đưa chúng tôi trở lại thực tế hà khắc. Bây giờ đã đến lúc, thưa vị trưởng lão chín mươi tuổi, ông ta nói với tôi, bài báo của ông đâu?

Sự thật là trong suốt buổi chiều tôi cảm thấy túi như đang âm ỉ cháy, nhưng niềm cảm xúc đang ngấm sâu vào trái tim tôi không còn lòng dạ nào dội nước lạnh vào buổi lễ mừng thọ bằng bài từ chúc của mình. Tôi nói: Lần này thì không có bài. Ông trưởng ban biên tập tỏ ý bực tức với thiếu sót mà suốt từ thế kỷ trước vẫn được coi là không thể nào chấp nhận được. Xin ông hiểu cho duy nhất lần này, tôi nói với ông ấy, tôi có một đêm hết sức khó chịu nên sáng dậy đỡ đần cả người. Đáng ra ông cũng có thể viết về việc này đây chứ, ông ta chua chát nói đùa. Bạn đọc cũng muốn biết ngay tức thì cuộc sống ở tuổi chín mươi sẽ ra sao. Một trong những cô thư ký xen vào. Biết đâu đó lại là một bí quyết hay cũng nên, cô ta nói, và tình quái nhìn tôi. Chán quá, tôi nghĩ, ngưng ngưng là một thói phản trắc. Một cô khác, mặt mày sáng rực, chỉ ngón tay về phía tôi. Tuyệt quá! Ông vẫn còn giữ được nét thẹn đỏ mặt rất lịch thiệp. Sự hổn xược của cô ta làm tôi thêm ngưng ngưng, mặt đỏ càng thêm đỏ hơn. Có lẽ hôm qua là một đêm chiến đấu dữ lắm đấy, cô thư ký lúc đầu nói: Thật đáng ghen tỵ lắm! Và cô ta dành cho tôi một nụ hôn để lại vết son trên má. Các tay phó nháy chụp liên tục.

Trong lúc choáng ngợp, tôi đã trao bài báo cho trưởng ban biên tập và nói với ông ta lúc này chỉ là chuyện đùa còn bài đây mời ông cầm lấy, và tôi bỏ trốn trong loạt vỗ tay cuối cùng để không có mặt khi mọi người phát hiện ra bài báo chính là đơn từ chúc sau nửa thế kỷ tù túng.

Nỗi khát khao của tôi kéo dài suốt đêm khi về nhà tôi bóc các gói tặng phẩm sinh nhật. Những người thợ sắp chữ tặng tôi một máy pha cà phê chạy điện giống như ba cái mà tôi có trong những sinh nhật trước. Những thợ in typo tặng tôi giấy phép nhận một con mèo quý được nuôi trong trại mèo của quận. Phòng quản trị cấp cho tôi một khoản trợ cấp tượng trưng. Các cô thư ký thì tặng tôi ba chiếc quần lót bằng lụa có in dấu son các nụ hôn, và một danh thiếp bày tỏ họ sẵn sàng giúp tôi cời chúng ra. Tôi chợt nghĩ là một trong những điều hay của tuổi già là các cô bạn trẻ được thỏa thích khiêu khích, kích động

vi tưởng chừng tôi đã bị loại ra khỏi vòng chiến rồi.

Tôi không bao giờ xác minh được ai là người đã gửi cho tôi đĩa hát với hai mươi bốn khúc khai tấu của Chopin do nghệ sĩ Stefan Askenase trình diễn. Phần lớn các biên tập viên tặng tôi các cuốn sách thời thượng. Khi tôi chưa bóc hết các hộp tặng phẩm thì Rosa Cabarcas đã gọi điện thoại đến để hỏi một câu mà tôi hoàn toàn không muốn nghe: Chuyện gì đã xảy ra giữa ông và con bé vậy? Chẳng có chuyện gì cả, tôi nói mà không cần suy nghĩ. Thậm chí không thèm đánh thức nó dậy mà ông cho rằng không có chuyện gì à? Rosa Cabarcas nói. Phụ nữ không bao giờ tha lỗi cho thứ đàn ông coi thường đồ trưng diện lần đầu tiên của họ. Tôi thanh minh với bà ta rằng con bé không thể quá mệt mỏi chỉ vì việc đơm cúc áo, và có lẽ nó giả vờ ngủ vì sợ. Điều nghiêm trọng duy nhất, bà Rosa nói, là con bé cứ nghĩ đúng là nó là đồ không xài được nữa, là thứ bỏ đi, và tôi cũng không thích là người rêu rao điều này ở mọi nơi.

Tôi không cho bà ta cái thú vui được hù dọa tôi. Mà dù có là như vậy đi nữa, tôi nói với bà ta, thì tình trạng của con bé thật đáng thương nên không thể dùng nó dù là ngủ hay là thức: đó là thứ da thịt của bệnh viện. Rosa Cabarcas hạ giọng: Lỗi là do quá vội vàng trong đối xử, nhưng có cách sửa chữa lỗi lầm rồi, ông sẽ thấy. Bà ta hứa sẽ bắt con bé nhận tội, và nếu cần thì bắt nó trả lại tiền. Ông thấy thế nào? Bà bỏ ngay trò đó đi, tôi nói với bà ta, ở đây chẳng có quyền gì xảy ra cả, và ngược lại sự việc vừa qua còn chứng tỏ tôi không còn đủ khả năng làm ba thứ trò quỷ đó nữa. Trên phương diện này, đứa bé gái đã có lý: tôi không dùng được nữa, là đồ bỏ đi rồi. Tôi dập điện thoại và tự thấy lòng mình tràn ngập một thứ tình cảm mà trong cả cuộc đời chưa được hưởng, đó là được giải thoát khỏi tình cảm nô lệ áp đặt cho tôi từ lúc mới mười ba tuổi.

Bây giờ tối, tôi được mời làm khách danh dự trong buổi hoà nhạc tại hội trường Viện Mỹ thuật do hai nhạc sĩ Jacques Thibault và Alfred Cortot trình diễn tuyệt vời violon và piano bản sonat của Cesar Frank và trong giờ giã lao tôi còn được nghe những lời khen ngợi thật lòng. Nhạc sĩ bậc thầy Pedro Biava, người thầy vĩ đại của chúng tôi còn lôi tôi đi từng buổi để giới thiệu tôi với các nhạc công khác. Trong tình trạng phấn kích tôi còn nói lời chúc mừng họ vì bản sonat của Schumann mà thực ra chưa hề được trình diễn khiến ai đó phải vụng về cải chính công khai. Sự nhầm lẫn hai bản sonat vì thiếu hiểu biết âm nhạc của tôi đã làm bầu không khí lúc đó trở nên nặng nề, và còn trở nên tệ hại hơn khi tôi định sửa chữa sai lầm trong bài tường thuật buổi hòa nhạc được đăng báo hôm chủ nhật.

Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy mình có thể giết chết ai đó. Đây tức giận đờn đau trong lòng tôi trở về nhà bên tai vẫn vẳng những câu trả lời quý quái mà chúng tôi chưa kịp nói ra, thế là kể cả việc đọc sách và nghe nhạc cũng không xoa dịu được lòng tôi. Vừa may, bà Rosa Cabarcas đã lôi tôi ra khỏi tình trạng chán chường bằng một câu hét trong

điện thoại: tôi rất hạnh phúc được đọc bài báo về ông, bởi vì trước đây tôi không tin là ông mới có chín mươi tuổi, cứ tưởng là một trăm tuổi cơ. Tôi ngại ngùng đáp lại: Thế tức là bà đã thấy tôi quá hom hem phải không? Ngược lại, bà ta nói, tôi rất ngạc nhiên thấy ông còn rất phong độ. Rất hay là ông không giống mấy ông lão già râu xanh luôn nói tăng tuổi để mọi người tưởng mình còn sung lắm. Rồi bà ta đổi giọng ngay: Này, tôi dành cho ông của lạ đây. Tôi thực sự kinh ngạc: Cái gì vậy? Đưa bé gái bà ta nói.

Tôi không kịp suy nghĩ. Cảm ơn, tôi nói với bà ta, nhưng ba thứ trò ấy đã thành chuyện xưa rồi. Bà ta nói xa xôi: Tôi sẽ gửi đến tận nhà cho ông, bọc trong giấy Tàu và sẽ được hấp nóng bằng gỗ cây đàn hương, tất cả đều cho không lấy tiền. Tôi vẫn cương quyết từ chối, và bà ta đưa ra một lời giải thích hấp dẫn khiến tôi thấy là chân thực. Bà ta nói rằng hôm thứ sáu vừa qua đứa bé gái ở trong tình trạng quá mệt mỏi vì đã phải khâu bằng tay hai trăm cái cúc áo. Rằng đúng là nó đã rất sợ bị cưỡng đoạt đấm máu, nhưng bây giờ đã được giáo huấn là phải biết hy sinh. Rằng tối hôm ngủ với tôi nó có trở dậy đi vệ sinh nhưng thấy tôi ngủ quá say nên nó thương hại không dám đánh thức và sáng sớm khi nó dậy thì tôi đã đi rồi. Tôi bực mình vì kiểu lừa trẻ con vô tích sự này. Dù gì, bà Rosa Cabarcas nói tiếp, thì con bé cũng rất hối hận. Tôi nghiệp nó quá, mà nó đang ngồi trước mặt tôi đây này. Ông muốn tôi chuyển nó đến không? Không lạ Chúa, tôi nói với bà ta.

Tôi bắt đầu viết thì cô thư ký toà báo gọi điện thoại. Cô ta nói là ông chủ bút muốn gặp tôi vào hồi mười một giờ trưa ngày hôm sau. Tôi đến đúng giờ. Tiếng ồn ào của việc sửa nhà không làm tôi khó chịu, bầu không khí như loãng ra theo nhịp búa đập, vì bụi xi măng và khói hắc ín, nhưng ban biên tập đã học được cách suy nghĩ trong cảnh tượng hỗn loạn thường ngày đó. Nhưng văn phòng của chủ bút thì ngược lại, vẫn lạnh cóng và tĩnh lặng, như ở một xứ sở lý tưởng chứ không phải là đất nước chúng tôi.

Marco Tulio, người chủ bút thứ ba, với vẻ trẻ thơ, đã đứng dậy khi thấy tôi bước vào nhưng vẫn không ngưng cuộc nói chuyện điện thoại, giơ tay qua bàn viết bắt tay tôi và chỉ ghé mới tôi ngồi. Tôi đã nghĩ là không có ai nói ở đầu dây điện thoại phía bên kia mà chẳng qua ông ta nghĩ ra trò này để gây ấn tượng với mình nhưng ngay sau đó tôi phát hiện ra ông ta đang nói chuyện với viên thống đốc, và đúng là một cuộc nói chuyện khó khăn giữa hai kẻ thù địch phải giữ thái độ thân mật. Ngoài ra, tôi tin rằng ông ta cố tỏ ra cứng rắn trước mặt tôi mặc dù vẫn phải đứng như khi nói chuyện với nhà chức trách.

Rõ ràng ông ta còn toát lên vẻ thanh khiết. Ông ta mới có hai mươi chín tuổi nhưng đã nói được bốn thứ tiếng và ba bằng thạc sĩ quốc tế, khác hẳn với chủ bút đầu tiên, tức là ông nội, vốn trở thành người làm báo thực nghiệm khi đã gom được một số vốn kha khá nhờ nghề buôn nô lệ đàn bà da trắng. Ông ta có kiểu cách dễ chịu, người hơi mập và trầm tĩnh và điều duy nhất có nguy cơ ảnh hưởng đến vẻ oai phong của ông chính là giọng

nói không thật. Ông tavận áo khoác thể thao, trên ve áo cài bông hoa phong lan rực rỡ, mọi thứ trên người ông đều mang dáng vẻ tự nhiên, nhưng không hề có nhân viên văn phòng. Đã mất gần hai tiếng đồng hồ chăm chút chuyện ăn mặc trước khi đến đây, tôi bỗng cảm thấy hổ thẹn vì sự nghèo nàn và lại càng thêm tự giận chính mình.

Hơn nữa, nọc độc chết người nằm ngay ở bức ảnh chụp toàn bộ nhân viên cơ quan đúng hôm kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập báo, trong đó người ta đánh dấu chữ thập trên đầu những người sẽ lần lượt bị chết. Tôi là người thứ ba tính từ bên phải qua, đội mũ rơm vành trắng, thắt cravat nút thật to với một viên ngọc gắn trên chiếc ghim cài, vớ bộ ria mép kiểu đại tá dân sự mà tôi vẫn để cho đến năm bốn mươi tuổi, và cặp kính viễn thị gọng kim loại mà sau nửa thế kỷ tôi không cần dùng nữa. Tôi đã thấy bức ảnh này treo ở nhiều văn phòng khác nhau, nhưng chỉ đến lúc đó tôi mới cảm nhận được thông điệp của nó: trong số bốn mươi tám người đầu tiên chỉ còn lại bốn người chúng tôi còn sống, trong số đó người trẻ nhất đang thụ án tù hai mươi năm vì tội giết hại nhiều người.

Nói chuyện điện thoại xong, viên chủ bút kinh ngạc thấy tôi đang nhìn tấm ảnh, rồi mỉm cười. Những dấu thập ngược không phải do tôi vẽ, ông ta nói. Tôi thấy nó rất chướng. Ông ta ngồi xuống bên bàn viết và đổi giọng: Xin cho phép tôi được nói rằng trong số những người tôi quen biết, ông là người khó lường trước nhất. Và trước sự ngạc nhiên của tôi, ông nói thẳng tuột: Tôi nói điều này chính là vì việc xin từ chức của ông. Tôi chỉ kịp nói: Đó là đời mà. Ông ta cãi lại rằng chính vì lẽ đó mà giải pháp này là không thích hợp. Ông ta thấy bài báo là rất tuyệt, và những gì vớ về tuổi già là đoạn hay nhất mà trước đây ông chưa từng được đọc, và vì vậy thật là vô nghĩa nếu kết thúc bài báo bằng một quyết định giống như cái chết dân sự. Cũng còn may, ông ta nói, Người đàn ông đáng ghét lúc chính giờ đã đọc bài báo đúng lúc trang xã luận vừa lên khuôn và hẳn ta thấy không thể chấp nhận được. Không tham khảo ý kiến của bất cứ ai, hẳn đã gạch chéo từ trên xuống dưới dằng nét bút chì Torquemada. Sáng nay, khi biết sự việc tôi đã ra lệnh gửi công văn phản đối đến viên thống đốc. Đó là trách nhiệm của tôi, nhưng nói riêng với ông, tôi rất cảm ơn tính khí độc đoán của tên nhân viên kiểm duyệt. Tức là tôi không sẵn sàng chấp nhận đình chỉ mục báo. Tôi tha thiết đề nghị ông, ông ta nói, không được từ bỏ con tàu đang ở giữa biển khơi. Và ông ta kết luận bằng một phong cách vĩ đại: chúng ta còn rất nhiều điều phải nói về âm nhạc.

Thấy ông ta cương quyết như vậy nên tôi không muốn dùng lời lẽ quanh co làm trầm trọng thêm những bất đồng. Trên thực tế, lúc bấy giờ tôi cũng chưa tìm được một lý do chính đáng nào để từ bỏ công việc nặng nhọc này và cụng hoảng sợ trước ý nghĩ một lần nữa phải nói nhất trí với ông chủ bút chỉ để tranh thủ thời gian. Tôi phải cố kiềm chế để ông ta không nhận ra niềm xúc động vô sỉ đang chực làm tôi ứa nước mắt. Thế là một lần nữa, cũng như mọi lần, tôi lại quyết định làm cái công việc thường xuyên từ bao năm nay.

Tuần lễ sau đó, trong tình trạng nghi ngờ hơn là mừng vui, tôi đến trại nuôi mèo để nhận con mèo, tặng phẩm của những người thợ in. Tôi vô duyên trong việc nuôi thú vật cũng như với những đứa bé trước khi biết nói. Tôi thấy chúng như lũ cầm tù linh hồn. Tôi không ghét chúng nhưng không thể chịu được chúng vì mình không thể học được cách thương lượng với chúng. Tôi thấy hoàn toàn phi tự nhiên khi một người hiểu chó hơn là hiểu vợ mình, lại còn dạy nó ăn và không ăn theo giờ giấc nhất định, hay dạy nó trả lời câu hỏi và cũng chia sẻ nỗi buồn. Nhưng nếu không đi nhận con mèo của thợ in lại thành ra bất nhả. Hơn nữa nó là một con mèo giống xứ Angora, có bộ lông màu hồng bóng mượt và đôi mắt sáng, tiếng kêu gần như sắp nói thành lời. Họ còn cho tôi một chiếc giỏ mây cùng giấy chứng nhận xuất xứ của giống mèo và một cuốn sách hướng dẫn nuôi mèo như cuốn dạy cách lắp ráp chiếc xe đạp.

Một toán quân cảnh kiểm tra giấy chứng minh của tất cả mọi người trước khi cho phép vào công viên San Nicolas. Tôi chưa bao giờ thấy chuyện tương tự cũng chưa bao giờ hình dung ra điều gì khó chịu như triệu chứng của tuổi già. Đó là một đội tuần tra bốn người dưới sự chỉ huy của một viên sĩ quan trẻ măng. Họ là những người gốc nhà quê, rần rỏi và ít lời, toát ra mùi chuồng trại. Viên sĩ quan theo dõi tất cả mọi người với cái vẻ của dân miền núi Andes vừa xuống bãi biển. Sau khi xem xét giấy chứng minh và thẻ nhà báo của tôi, ông ta liền hỏi tôi mang gì trong giỏ mây. Một con mèo, tôi nói. Anh ta muốn xem. Tôi cẩn thận mở nắp giỏ vì sợ con mèo chạy mất, nhưng một nhân viên lại muốn xem dưới giỏ có giấu gì không nên bị con mèo cào vào tay. Viên sĩ quan liền can thiệp. Đúng là một con mèo quý, anh ta nói và xoa vào nó rồi thì thầm gì đó. Con mèo không cần nhưng cũng không để ý đến anh ta. Nó bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? Anh ta hỏi. Không biết, tôi nói, người ta vừa tặng tôi. Tôi hỏi ông điều này vì nó già quá rồi, có lẽ phải mười tuổi đấy. Tôi định hỏi vì sao anh ta biết và hỏi thêm nhiều chuyện khác nữa, nhưng bất chấp tính cách lịch duyệt và cách ăn nói hoa mỹ của anh ta, tôi cũng chẳng có bụng dạ nào muốn nói chuyện. Tôi thấy hình như là một con mèo hoang vốn có nhiều ở khắp nơi, anh ta nói. Ông nhìn xem này, có vẻ nó không quen ông mà ngược lại chính ông lại quen với nó, để yên cho đến khi nó tin ông đã. Anh ta đẩy nắp giỏ lại và hỏi tôi: Ông làm nghề gì? Nhà báo. Từ bao lâu rồi? Từ một thế kỷ nay rồi, tôi nói. Tôi không nghi ngờ điều này, anh ta nói. Bắt chặt tay tôi và trước khi chào từ biệt, anh ta còn nói một câu vừa có thể là một lời khuyên cũng có thể là một lời đe dọa:

- Ông phải cẩn thận đấy.

Buổi trưa tôi ngắt điện thoại để trốn trong âm nhạc với một chương trình tuyệt hay: khúc rapsodia cho kèn clarinet và dàn nhạc của Wagner, cho kèn saophone của Debussy và ngũ tấu đàn dây của Bruckner, và như lạc vào chốn thiên đường. Rồi bỗng nhiên tôi

thấy tối sầm lại. Tôi cảm thấy có gì đó đang ngoay ngoay dưới gầm bàn, hình như không phải là một vật sống mà một bóng ma đang cào vào chân làm tôi hét to và nhảy bật dậy. Đó chính là con mèo với cái đuôi dài rất đẹp với dáng vẻ chậm chạp và bí hiểm. Tôi rợn rợn gáy khi nghĩ rằng mình ở nhà một mình với một sinh linh sống mà lại không phải là người.

Khi chuông nhà thờ lớn điểm bảy tiếng, thì trên bầu trời rực màu hồng chỉ có một ánh sao duy nhất sáng long lanh, một chiếc tàu thủy hú tiếng còi từ biệt buồn bã, và tôi cảm thấy trong họng nghẹn nghẹn tất cả những mối tình có thể đã từng có hoặc không hề có. Tôi không chịu được nữa. Tôi nhấc điện thoại lên với trái tim đập ngay đầu lưỡi, từ từ quay bốn số để khỏi nhầm, rồi khi tiếng chuông thứ ba vừa đổ tôi đã nhận ra giọng nói quen. Này, bà ơi, tôi thử dài nói, thử lỗi cho sự thô bạo sáng nay nhé. Bà ta bình thần đáp: Ông khỏi lo, tôi chờ ông gọi từ sáng đến giờ. Tôi cảnh báo: Tôi muốn đưa bé gái phải chờ tôi trong tình trạng mà Chúa đã đưa nó đến thế giới này và không bơi bất cứ thứ gì trên mặt đất nhé. Bà ta cười ùng ục trong họng. Sẽ đúng như điều ông muốn, bà ta nói, nhưng như thế thì ông sẽ mất cái thú được cời từng thứ một ra như các ông già khác vẫn khoái làm, mà tôi không biết tại sao. Tôi thì biết rõ tại sao, tôi nói với bà ta. Bởi vì họ càng ngày càng già đi. Bà ta coi như đã xong hợp đồng.

- Được thôi – bà ta nói – như vậy là đúng mười giờ tối nay, trước khi món cá rán bị nguội.

CHƯƠNG 3

Con bé có thể tên là gì nhỉ? Bà chủ nhà không nói cho tôi biết. Khi nói về nó bà ta chỉ kêu là: be gái. Và thế là tôi biến từ đó thành một tên cúng cơm, đại khái giống như cách gọi đứa bé gái mắt tròn hoặc con thuyền buồm nhỏ xinh. Ngoài ra, bà Rosa Cabarcas cũng có thói quen đặt cho mỗi cô gái điểm một cái tên khác nhau tùy thuộc vào khách hàng. Tôi thích nhìn mặt từng cô để đoán tên, và ngay từ đầu tôi đã tin chắc rằng cô bé này phải có cái tên dài đại loại như filomena, Saturnina hoặc Nicolasa. Tôi đang nghĩ ngợi về chuyện tên này thì cô bé xoay người và quay lưng lại phía tôi, để lại trên giường một vũng nước rộng bằng thân thể, trông như máu. Tôi hốt hoảng mất một lúc mới xác định được đó chỉ là vũng mồ hôi đọng trên tấm drap trải giường. Rosa Cabarcas đã khuyến tôi đổi xử cẩn trọng với cô bé vì nó vẫn chưa hết giai thơ thoi buổi gặp gỡ đầu tiên. Hơn nữa: chính nghi thức long trọng vừa rồi chỉ làm nó thêm sợ hãi nên đã phải tăng nồng độ thuốc valerian bằng rễ cây nữ lang, thế là nó ngủ say sưa đến mức không ai nỡ đánh thức mà không hát ru. Tôi quay ra dùng khăn thấm mồ hôi cho cô bé và thầm thì hát bài ca của Delgadina, người con gái út được vua cha yêu chiều. Tôi thấm đến đâu thì phần thân thể ướt đầm mồ hôi của cô bé càng lộ ra đến đó hoà trong tiếng hát của tôi: Delgadina, Delgadina, em sẽ là vật làm tin mà anh yêu dấu. Tôi rất khoái công việc này vì cứ lau khô

xong phía này thì thân thể của bé gái lại ướt đẫm ở phía khác làm cho bài hát không thể nào kết thúc được. Delgadina ơi, em hãy tỉnh dậy, mặc váy lụa đi em, tôi tiếp tục hát ru vào tai cô bé. Cuối cùng, đến đoạn những người hầu cận của vua phát hiện ra cô đã chết khát trên giường thì tôi cảm thấy cô bé hình như sắp tỉnh dậy khi nghe thấy tên gọi. Như vậy tên của cô bé chính là: Delgadina.

Tôi quay lại giường với chiếc quần lót có in các nụ hôn của các nữ đồng nghiệp và nằm xuống bên cạnh cô bé. Tôi ngủ một mạch đến năm giờ sáng trong tiếng thở đều đều êm ái của đứa bé gái. Không kịp rửa mặt, tôi vội vàng mặc quần áo, và chỉ đến lúc đó tôi mới nhìn thấy dòng chữ được viết bằng son môi trên tấm gương trong buồng tắm: Con hổ không ăn nơi xa. Tôi biết rõ là đêm trước chưa có câu này và đã không có ai lọt vào trong phòng suốt đêm, thế chắc là tặng phẩm mừng sinh của quý sử rồi. Tiếng sấm đáng sợ trum lên tôi ngay cửa ra vào và căn phòng tràn ngập mùi đất ẩm ướt trước cơn mưa. Tôi không chạy trốn kịp. Trước khi gọi được xe taxi, trời đã đổ sập lên đầu tôi một cơn mưa rào tầm tã, vốn ít khi xảy ra trong thành phố từ tháng Năm đến tháng Mười khiến những đường phố đầy cát nóng trở thành dòng nước cuốn phẳng tất cả ra phía bờ sông. Sau ba tháng hạn hán, cơn mưa bất thường trong tháng Chín đó vừa là may mắn vừa là đại họa.

Vừa mở cửa vào nhà tôi đã gặp ngay cảm giác là mình không sống cô độc. Tôi kịp nhìn thấy ánh mắt con mèo vừa nhảy khỏi bộ ghế bành ra phía ban công. Trên đĩa của nó vẫn còn thức ăn mà tôi không dành cho nó. Mùi nước đá chua khảm và phân còn nóng hổi của nó sục nức trong phòng. Tôi đã để công sức nghiên cứu về nó như đã từng học tiếng La tinh. Theo sách hướng dẫn thì loài mèo thường bới đất để giấu phân của mình, và ở những nhà không có vườn như nhà của tôi, chúng thường làm việc này trong những chậu cây cảnh hoặc bất cứ góc khuất nào. Vì vậy người ta khuyên ngay từ ngày đầu tiên nên chuẩn bị sẵn một hộp đựng cát và hướng dẫn nó đi vào đó, và chính tôi đã làm đúng lời hướng dẫn này. Người ta cũng nói rằng điều đầu tiên phải làm ở nhà mới là đánh dấu mọi góc ngách nơi con mèo thường đi tiểu, và tôi cũng làm như vậy, nhưng sách lại không hướng dẫn cách dạy nó đi đúng chỗ như thế nào. Tôi đã theo sát để làm quen với thói quen gốc của nó, nhưng đã không thể phát hiện ra những nơi nó giấu phân, nơi nó nghỉ và lý do những câu bần bất thường của nó. Tôi muốn dạy nó ăn đúng giờ, dùng thùng cát để trên sân thượng, không leo lên giường khi tôi ngủ và không đánh hơi các món ăn để ở trên bàn, và tôi cũng không thể làm cho nó hiểu được rằng nó có quyền coi căn nhà là của mình nhưng không thể coi căn nhà như một thứ chiến lợi phẩm chiến tranh. Thế là tôi đành để nó muốn làm sao thì làm.

Vào lúc chiều tà, lại thêm cơn mưa rào nữa ập đến với những cơn gió mạnh tựa như muốn phá tung căn nhà. Tôi hắt xì hơi liên tục, đầu đau nhức và sốt cao, nhưng lại cảm thấy mạnh mẽ hơn bao giờ hết và cũng chẳng hiểu vì sao. Tôi bày chào ra khắp sàn nhà để hứng nước mưa rơi từ những chỗ dột trên mái nhà và thấy có thêm nhiều chỗ dột mới

từ mùa đông năm ngoái. Từ chỗ dột lớn nhất nước bắt đầu tràn ngập phía bên phải của phòng đọc sách. Tôi vội vàng tìm cách cứu ngay các tác giả cổ điển Hy Lạp và La Tinh đang sinh sống ở phía đó, nhưng khi lấy các cuốn sách ra tôi gặp ngay một dòng nước phun cực mạnh từ lỗ thủng ống nước trong tường. Tôi dùng giẻ cổ bịt lại được tý nào hay tý đó cho kịp cứu các cuốn sách. Mưa gió gào thét cuồng loạn ngoài công viên. Bỗng một ánh chớp ma quái lèm theo tiếng sấm kinh hoàng đã làm cho bầu không khí sặc mùi lưu huỳnh, và gió mạnh đập các cửa kính ở ban công và bão biển làm tung hết chốt cửa cũng ào ùa vào nhà. Tuy nhiên, chưa đầy mười phút, trời bỗng tạnh mưa. Ánh nắng chói chang làm khô ngay những đường phố ngập đầy gạch vụn lạnh cóng và trời lại nóng trở lại.

Khi cơn mưa rào qua đi, tôi lại tiếp tục có cảm giác không chỉ có một mình ở trong nhà. Tôi chỉ có cách tự giải thích duy nhất là mọi sự việc có thật thì người ta thường dễ quên đi, nhưng có những việc không có thật thì cứ tồn tại trong ký ức y như nó đã từng xảy ra vậy. Cứ mỗi lần nhớ đến trận mưa rào là tôi lại tự thấy không đơn độc trong nhà mà luôn luôn có mặt Delgadina. Tôi cảm thấy nàng rất gần gũi vào ban đêm thậm chí còn ngủi thấy hơi thở của nàng trong phòng ngủ và tiếng mạch đập khê khàng nơi má của nàng trên chiếc gối của tôi. Chỉ có như vậy tôi mới hiểu được tại sao mình đã làm được bao nhiêu việc trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Tôi nhớ là nàng trong bộ đồ thêu hoa đã trèo lên chiếc ghế ở phòng đọc sách, tinh táo tiếp lấy từng cuốn sách để cứu nó khỏi bị dột ướt. Tôi đã thấy nàng chạy đi chạy lại khắp nơi trong nhà ngập nước để đầu gối để chống chọi lại cơn mưa gió. Tôi còn nhớ là sáng hôm sau nàng còn chuẩn bị bữa điểm tâm không hề có và chuẩn bị cả bàn ăn trong khi tôi lau sàn nhà và sắp xếp lại đồ đạc sau cơn hồng thủy. Không bao giờ tôi quên được ánh mắt tối sẫm của nàng khi chúng tôi cùng ăn điểm tâm: Tại sao mãi đến tận khi già cả thể này anh mới quen em? Tôi còn nói thật với nàng: Tuổi tác không phải là số năm mà người ta có mà chính là cái mà người ta cảm thấy ở trong cơ thể mình.

Từ đó tôi cứ ghi nhớ mãi hình ảnh rõ ràng của nàng trong ký ức đến mức muốn làm gì nàng cũng được. Tôi thay đổi màu mắt của nàng tùy theo trạng thái tâm hồn của chính mình: màu nước khi tôi thức dậy vào buổi sáng, màu mật khi tôi cười và màu lửa khi tôi cãi nhau với nàng. Tôi khoác trang phục cho nàng tùy theo tuổi tác và điều kiện phù hợp với tâm lý từng lúc của tôi: nàng mặc bộ đồ cô dâu say đắm ở tuổi hai mươi, y phục của loại gái gọi ở tuổi bốn mươi, như nữ hoàng xứ Babilon ở tuổi bảy mươi và như nữ thánh ở tuổi một trăm. Chúng tôi song ca những bản tình ca của Puccini, điệu bolero của Agustin Lara, điệu tango của Carlos Gardel, và đã một lần chúng tôi xác định được rằng những ai không hát thì không thể hình dung ra niềm hạnh phúc được hát dân ca. Hôm nay, tôi biết đó không phải là ảo giác mà chính là điều huyền diệu của mối tình đầu của tôi ở tuổi chín mươi.

Khi căn nhà đã dọn dẹp xong, tôi liền gọi điện cho Rosa Cabarcas. Chúa ơi! Bà ta thốt lên khi nghe thấy tiếng nói của tôi, tôi tưởng ông chết đuối rồi chứ. Tôi không hiểu nổi sao ông lại đòi ngủ với con bé mà không thèm đụng đến nó cơ chứ. Ông có toàn quyền không thích nó, nhưng tối thiểu cũng phải hành xử như người lớn. Tôi cố giải thích nhưng bà ta đã đổi đề tài: Dù sao tôi cũng đã chuẩn bị cho ông một cô khác lớn tuổi hơn một chút, đẹp và cũng còn trinh nguyên. Bố của con bé muốn đổi nó lấy một căn nhà, nhưng cũng có thể mặc cả giảm bớt giá. Tim tôi nghẹn lại. Ngay lập tức tôi phản đối, tôi muốn con bé cũ cơ, và cứ như mọi khi, không được để thất bại, cãi vã, không kỷ niệm xấu. Đường dây điện thoại im ắng, và cuối cùng cũng có tiếng nói nhẩn nhục như tự nhủ một mình: Được thôi, đúng như thầy thuốc vẫn nói đây đúng là chứng bệnh điên loạn gia nua.

Mười giờ đêm tôi lại đi với một anh chàng lái xe có ưu điểm kỳ lạ là không tò mò hỏi gì cả. Tôi mang theo một chiếc quạt điện nhỏ và một bức tranh của Orlando Rivera, tấm Hình tượng thân yêu, và một chiếc búa cùng một chiếc đinh để treo nó lên tường. Trên đường đi, tôi còn dừng xe lại để mua bàn chải và thuốc đánh răng, xà bông thơm, nước hoa, mấy vỉ thuốc cam thảo. Tôi cũng định mua một lọ hoa thật đẹp và một bó hoa hồng vàng để xua đuổi đám hoa giấy, nhưng không tìm được cửa hàng nào còn mở cửa nên đành bứt tộm một bó hoa dại mới mọc trong vườn nhà ai đó.

Theo chỉ dẫn của bà chủ nhà chứa, tôi đi vào từ cửa sau gần đường ống dẫn nước, để không ai nhìn thấy. Tay lái xe cảnh báo tôi: Xin thầy cẩn thận, trong nhà này dễ bị giết chết lắm. Tôi trả lời anh ta: Nếu chết vì tình yêu thì chẳng có gì phải quan tâm. Sân vườn chìm trong sương mù nhưng từ phía các cửa sổ vẫn le lói những tia sáng của sự sống và tiếng nhạc vận đập điu vang vọng từ sáu phòng ngủ.Ồ ào nhất là từ căn phòng của tôi với tiếng hát của ngài Pedro Vargas, giọng nói nam trung nổi tiếng của châu Mỹ, đang ca một bài bolero của nhạc sỹ Miguel Matamoros. Tôi cảm thấy như đang đi vào cõi chết. Tôi nín thở đẩy cửa và thấy Delgadina nằm trên giường y như trong ký ức của mình: trần trụi và đang nghiêng về phía trái tim trong giấc ngủ bình an thánh thiện.

Trước khi đi nằm, tôi dọn dẹp lại bàn trang điểm, đặt chiếc quạt điện mới thay cho chiếc đã bị han gỉ và treo bức tranh lên chỗ mà cô bé nằm trên giường vẫn có thể nhìn thấy rõ. Tôi nằm xuống bên cạnh cô bé và nhìn ngắm từng phần da thịt của em. Vẫn là cô bé đi thơ thẩn trong nhà tôi: vẫn là những bàn tay xoa người tôi trong bóng tối, vẫn là đôi bàn chân bước nhẹ nhàng như chân con mèo con, vẫn là mùi mồ hôi thấm đượm trên khăn trải giường của tôi, trên chiếc tạp dề. Thật kỳ quặc: nhìn ngắm và xoa xoa thân thể bằng da bằng thịt của em, tôi lại cảm thấy không thật bằng hình bóng nàng trong ký ức của chính mình.

Có một bức tranh treo trên tường phía trước, tôi nói với cô bé. Đó là Hình tượng, do

một người đàn ông mà chúng ta rất yêu mến, người nghệ sĩ múa của các nhà chứa gái nhất từ trước đến nay, người có trái tim nhân hậu làm quý sư cũng phải xót thương, vẽ ra đây. Ông đã vẽ bằng sơn của tàu thủy với cây cọ có cán làm bằng mảnh xác máy bay bị rơi trên núi Sierra Nevada ở Santa Marta và lồng bằng lồng con chó của ông. Người phụ nữ được ông vẽ chính là nữ tu hành mà ông đã bắt cóc từ một tu viện rồi cưới làm vợ mình. Tôi treo ở đây để khi em tỉnh dậy sẽ nhìn thấy ngay.

Một giờ sáng, khi tôi tắt đèn, cô bé vẫn không thay đổi thế nằm, và hơi thở yếu đến mức tôi phải cầm tay xem mạch để cảm thấy đúng là em vẫn còn sống. Máu lưu thông trong huyết quản của em dễ dàng như một bài ca lan đến mọi góc ngách của thân thể để rồi quay về trái tim sau khi đã được tinh yêu lọc sạch sẽ.

Sáng sớm, trước khi đi ra khỏi phòng, tôi vẽ trên tờ giấy những chỉ vân tay của cô bé và hướng dẫn cách đọc theo Nữ thần Sahibi để tự tìm hiểu tâm hồn của chính mình. Và đúng là như vậy: một người chỉ nói điều mình nghĩ. Em là người lao động chân tay tuyệt giỏi. Em đã nhàm khi chờ đợi sự giúp đỡ của ai đó đã chết mà em có dịp tiếp xúc: sự giúp đỡ mà em đang đi tìm nằm chính nơi tay mình. Chưa có mối nhân duyên nào nhưng em sẽ sống thọ và sẽ lấy chồng. Bây giờ đang có một người đàn ông da nâu nhưng không phải là người mà em sẽ gắn bó cả cuộc đời. Em có thể có đến tám đứa con nhưng sẽ chỉ quyết định có ba đứa. Khi ba mươi lăm tuổi, nếu làm theo chỉ dẫn của trái tim chứ không theo khối óc thì em sẽ kiếm được rất nhiều tiền và ở tuổi bốn mươi sẽ được nhận di sản thừa kế. Em sẽ được đi rất nhiều nơi. Em có hai cuộc sống và hai số phận, và có thể tự điều khiển được số phận của mình. Vốn bản tính tò mò, em thích được trải nghiệm tất cả, nhưng sẽ thấy hối hận nếu không đi theo sự hướng dẫn của trái tim

Lòng rối bời vì tình yêu, tôi bắt tay vào việc dọn dẹp những đồ nát do cơn mưa bão vừa gây ra, và cũng nhân dịp này tiến hành sửa chữa hàng loạt thứ mà bấy lâu nay cứ chần chừ chưa làm vì hết tiền hoặc vì lười nhác. Tôi tổ chức lại phòng đọc theo thứ tự các cuốn sách đã đọc. Cuối cùng tôi quyết định kết liễu chiếc máy chơi piano tự động vốn được coi là di sản lịch sử với hơn một trăm cuộn giấy đục lỗ các bài hát cổ điển và mua một máy hát quay đĩa đã qua sử dụng nhưng còn tốt hơn chiếc máy của tôi với đôi loa có âm thanh rất chuẩn làm cho căn nhà tôi như rộng thêm ra. Tôi gần như ở bên bờ vựa phá sản nhưng bù lại được tận hưởng điều kỳ diệu là ở tuổi của mình mà vẫn còn sống.

Căn nhà hồi sinh từ tro tàn và tôi đang bơi trong mối tình của Delgadina với niềm háo hức và hạnh phúc như chưa từng có trong cuộc đời trước đây của mình. Do có nàng mà lần đầu tiên tôi đương đầu với chính sự tồn tại tự nhiên của mình trong khi tuổi chín mươi cứ lặng lẽ trôi qua. Tôi phát hiện ra rằng chính nỗi ám ảnh muốn đặt mỗi vật vào đúng chỗ của chúng, mỗi chuyện vào đúng thời điểm, mỗi lời nói đúng với phong cách của nó chẳng

phải là một phần thường xuyên đáng cho đầu óc ngăn nắp thứ tự, mà ngược lại, nó chỉ là một hệ thống vờ vịt do tôi tự nghĩ ra để che giấu tính cách lộn xộn của chính mình mà thôi. Tôi cũng phát hiện ra rằng về bản chất mình không phải là người có ý thức kỷ luật mà chẳng qua là cách phản ứng lại tính lười nhác của chính bản thân, rằng tôi tỏ ra rộng lượng chỉ để che giấu cá tính tầm thường, rằng tôi được tiếng là cẩn trọng chẳng qua vì chậm nghĩ, rằng tôi là kẻ dĩ hoà vi quý vì cố kìm nén nổi tức giận, rằng tôi chỉ làm việc đúng giờ vì sợ người ta biết mình ít quan tâm đến thời gian của kẻ khác. Sau cùng, tôi phát hiện ra rằng tình yêu không phải là một trạng thái của tâm hồn mà là dấu hiệu của duyên số.

Tôi bỗng trở thành một người khác. Tôi cố đọc lại các tác phẩm cổ điển mà các thầy giáo đã hướng dẫn từ thời niên thiếu, nhưng không làm nổi việc này. Tôi lặn ngụp trong nền văn học lãng mạn mà trước đây tôi rất ghét dù bị mẹ cưỡng bức phải đọc, và nhờ các tác phẩm này mà tôi ý thức được rằng sức mạnh vô địch thúc đẩy thế giới phát triển không phải là những mối tình hạnh phúc mà chính là nhờ những mối tình trắc trở. Khi khả năng cảm nhận và thưởng thức âm nhạc của mình bị khủng hoảng, tôi tự thấy mình đã lạc hậu và già nua mất rồi, và tôi mở rộng trái tim cho bất cứ một thứ khoái lạc nào vô tình bắt gặp.

Tôi tự hỏi tại sao mình lại có thể quy hàng vòng xoáy muôn thưở do chính mình gây ra và làm mình sợ hãi. Tôi như trôi nổi trên những áng mây lầm lạc và đứng trước gương tự hỏi không biết mình là ai. Tình trạng mê muội của tôi tệ hại đến mức trong một cuộc biểu tình bằng gạch đá và chai lọ của sinh viên, tôi phải cố lấy hết sức còm cõi của mình để ngăn không chạy lên hàng đầu với tấm bảng ghi rõ sự thật về tâm trạng của mình: Tôi đang yếu điên cuồng.

Mất hồn vì cô bé Delgadina say ngủ, tôi đã vô tình thay đổi dần tinh thần của các bài báo chủ nhật của mình. Dù về bất cứ đề tài gì, thì tôi cũng chỉ viết cho cô ấy, cười, khóc trong các bài báo cũng vì cô ta, và trong từng câu chữ cũng đều có giọt đời tôi tuôn chảy. Thay vì công thức báo chí truyền thông vẫn theo từ bao năm nay, tôi viết các bài đó như những bức thư tình mà mỗi người đọc có thể tự coi là của chính bản thân mình. Tôi đề nghị cho đăng các bài này không bằng chữ nhà in mà bằng chính nét chữ viết tay của tôi. Trưởng ban biên tập thì cho rằng đây lại là một trò vô tích sự của tuổi già, nhưng viên chủ bút thì thuyết phục lại ông ta bằng câu nói mà đến tận bây giờ vẫn còn vang vọng trong toà soạn:

- Ông chớ nhầm: những người điên hiền lành thường đi trước thời đại đấy nhé.

Đông đảo công chúng đã hưởng ứng ngay lập tức và nhiệt tình, những bức thư si tình

tôi tập bay về toà báo. Một số bức được tài phát thanh sử dụng trong bản tin thời sự khi không có đủ tin tức cần thiết vào phút chót, và người ta còn sao lại bằng cách in rônêo hoặc giấy than thành các tờ bướm bán cùng với thuốc lá nhập lậu ở các góc phố đường San Blas. Ban đầu rõ ràng những bài báo này chỉ là nỗi đam mê được tự giải bày tình cảm của tôi, nhưng dần dà quen nếp say mê để trở thành giọng điệu của một người đàn ông chín mươi tuổi không chịu học cách suy nghĩ của người già. Cộng đồng trí thức, theo thói quen, tỏ ra e ngại, sợ sệt và chia rẽ, trong khi đó các nhà đoán tướng chữ ít suy tư thì cãi nhau ỏm tỏi khi phân tích các nét chữ của tôi. Chính họ đã làm chia rẽ các linh hồn, đốt nóng các cuộc tranh luận và làm cho nỗi chờ mong hoài niệm trở thành một sống của mọi người.

Khoảng cuối năm, tôi thương lượng với bà Rosa Cabarcas cho phép để lại trong phòng ngủ chiếc quạt điện, các đồ dùng ở bàn trang điểm và những thứ khác mà tôi sẽ mang đến để cho căn phòng có thể ở lâu dài được. Tôi vẫn đến vào mười giờ đêm nhưng luôn mang theo một thứ gì đó cho cô bé, hoặc cho sở thích của cả hai, và dành năm phút đồng hồ lồi những đồ được giấu kín ra trang hoàng lại sân khấu ban đêm của hai chúng tôi. Trước khi ra đi, bao giờ cũng trước năm giờ sáng, tôi lại cất giấu chúng trong chỗ được khoá kỹ để trả lời căn phòng cho mục đích nguyên thủy bản thân là chốn dung thân của những mối tình buồn bã của đám khách vắng lai. Một sớm mai nọ, tôi bỗng nghe thấy Marcos Perez, phát thanh viên sáng giá nhất của đài phát thanh, đọc bài báo chủ nhật của tôi trong bản tin định kỳ vào thứ hai hàng tuần. Khi đã nên được cơn buồn nôn, tôi kinh sợ nói: Delgadina thế là em đã biết rồi nhé, sự nổi tiếng như là một bà già to béo không ngủ với ta nhưng khi ta bừng tỉnh dậy đã thấy bà ta luôn đứng nhìn ở cuối giường.

Ngày nọ tôi ở lại ăn sáng với Rosa Cabarcas, người mà tôi đã không còn coi là già khom nữa dù cái vẻ tang tóc nghiêm nghị và chiếc mũ đen vẫn sùm sụp che khuất hàng mi của bà ta. Những bữa điểm tâm của bà ta vốn nổi tiếng là linh đình, với những món ăn trọn đầy hạt tiêu. Vừa cắn miếng đầu tiên, miệng tôi đã bỏng rát và nước mắt nước mũi chảy đầm đìa: Tối nay, chẳng cần trăng tròn tôi cũng sẽ cảm thấy bỏng rát lỗ đít. Xin ông đừng than thở nữa, bà ta nói. Nếu ông cảm thấy bỏng rát ấy là nhờ Trời ông vẫn còn cái đó đấy.

Bà ta tỏ ra ngạc nhiên khi tôi nhắc đến tên Delgadina. Tên con bé đâu phải như vậy, bà ta nói, nó tên là... Bà đừng nói nữa, tôi ngắt lời bà ta, đối với tôi nó chính là Delgadina. Bà ta nhún vai: Được thôi, dù sao thì nó cũng đã là của ông rồi, nhưng tôi thấy cái tên này hơi có vẻ lợi tiểu đấy. Tôi kể lại chuyện dòng chữ con hổ mà cô bé viết trên tấm gương. Chắc chắn không phải là con bé, Rosa nói vì nó có biết đọc biết viết gì đâu. Thế thì của ai vậy? Bà ta nhún vai: Có thể là của ai đó trước đây đã chết trong phòng.

Tôi tận dụng bữa ăn sáng để dồn ép Rosa Cabarcas bằng những đề nghị tối thiểu cho

hạnh phúc và sắc đẹp của Delgadina. Vói về lâu lĩnh học trò, bà ta chấp nhận ngay không hề đắn đo. Buồn cười thật nhĩ! Bà ta nói với tôi. Tôi cảm thấy như ông đang cầu hôn con bé vậy. À mà này, bà ta bỗng nói, sao ông không cưới nó làm vợ luôn đi? Tôi như bị trời trồng. Nói thật nhé, bà ta nhấn mạnh, làm thế ông sẽ thấy rõ hơn đấy. Cuối cùng thì ở tuổi của ông vẫn đề là dùng được hay không dùng được, nhưng ông đã nói với tôi là việc này ông đã giải quyết xong rồi mà. Tôi ngắt lời bà ta: Tinh dục là liều thuốc an ủi khi người ta không có đủ tình yêu.

Bà ta bật cười Ái chà, thừa nhà thông thái, tôi vốn biết từ xưa đến nay ông luôn luôn là một đấng nam nhi, và bây giờ tôi rất vui mừng vì ông vẫn giữ được phong độ đó trong khi các kẻ thù của ông đã phải bùng vũ khí. Người ta nói nhiều về ông cũng có lý thật. Thế bà đã nghe nói nhiều về ông Marcos Perez chưa? Mọi người đều nghe lời ông ta đấy, tôi nói với bà ta để chuyển đề tài. Nhưng bà ta lại nhấn mạnh: Nhưng ngày hôm qua trong mục Một tý trong một giờ của tất cả mọi người giáo sư Mamacho y Cano cũng nói rằng thế giới bây giờ không còn giống như trước đây nữa bởi vì không còn nhiều đấng nam nhi như ông.

Cuối tuần đó tôi thấy Delgadina bị sốt và ho. Tôi liền đánh thức bà Rosa Cabarcas dậy để đưa cho tôi những phương thuốc dân dã tự chế, và bà ta đưa một túi thuốc cấp cứu đến phòng ngủ. Ba ngày sau, Delgadina vẫn tiếp tục ốm mệt nên không đi làm công việc thường nhật là đơm cúc áo được. Thầy thuốc đã cho cô bé một toa thuốc dân dã chống cảm cúm bình thường và dự báo sẽ dứt cơn trong một tuần lễ, nhưng ông ta rất hoảng sợ vì tình trạng suy dinh dưỡng của nó. Tôi không gặp cô bé nữa vì cho là cần phải như vậy, và tranh thủ thời gian sửa sang lại căn phòng.

Tôi lại mang đến một bức tranh vẽ bằng bút mực của Cecilia Porras để minh họa cho tập truyện ngắn Tất cả chúng ta đều đang chờ đợi của Alvaro Cepeda. Tôi còn mang đến sáu tập Juan Cristóbal của Romain Rolland để chặn dất những đêm không ngủ của mình. Như vậy là khi có thể quay lại thì Delgadina sẽ thấy phòng ngủ xứng đáng với niềm hạnh phúc dài lâu: bầu không khí đã được chất chống côn trùng trộn hương thơm làm cho trong sạch, tường được sơn màu hồng, bóng đèn màu sặc sỡ, hoa tươi cắm đầy các lọ hoa, những cuốn sách ưa thích của tôi, những bức tranh đẹp của mẹ tôi. Tôi thay chiếc đài bán dẫn cũ bằng cái mới có băng sóng ngắn để nghe được chương trình nhạc bác học cho Delgadina có thể ngủ giữa dòng âm thanh các bài tứ tấu của Mozart, nhưng có một đêm tôi phát hiện ra là nó đã điều chỉnh sang đài phát thanh chuyên phát các chương trình ca nhạc bolero thời thượng. Đó chắc chắn là sở thích âm nhạc của cô bé, và tôi chấp nhận không chút đau khổ vì thời trai trẻ tôi cũng đã hết lòng yên mến điệu nhạc này. Ngày hôm sau, trước khi về nhà tôi dùng sơn môi viết lên chiếc gương soi: Bé em của anh, chúng ta đang đơn độc trên thế giới.

Thời kỳ này tôi có ấn tượng là lạ là cô bé đang lớn lên trước tuổi. Tôi nói điều này với Rosa Cabarcas và bà ta thấy điều đó là tự nhiên. Ngày năm tháng Mười Hai tới nó sẽ tròn mười lăm tuổi đấy, bà ta nói với tôi. Ứng đúng vào cung Nhân mã đấy^[6]. Tôi cứ băn khoăn không biết điều này có thực không để làm lễ sinh nhật. Tặng cô bé quà gì được nhỉ? Một chiếc xe đạp, Rosa Cabarcas nói: Hàng ngày con bé phải đi xuyên qua thành phố hai lần để đến chỗ đơm cúc áo đấy. Bà ta chỉ cho tôi chiếc xe đạp nó đang dùng để ở sân sau. Tôi thấy nó chẳng khác gì một đồng sắt vụn, hoàn toàn không xứng đáng với người phụ nữ đang được yêu thương. Nhưng tôi rất xúc động vì đó đúng là một bằng chứng rõ ràng chứng tỏ Delgadina hiện hữu trong đời thực.

Khi mua chiếc xe đạp tốt nhất cho cô bé, tôi không tìm được ý thích đi thử một vài vòng trong sân kho. Trả lời câu hỏi của người bán hàng về tuổi tác, tôi nói theo kiểu lấp lửng của người già: Tôi sẽ có chín mươi một tuổi. Anh nhân viên nói đúng điều tôi mong muốn: Nhưng trông ông trẻ hơn hai mươi tuổi đấy. Bản thân tôi cũng không hiểu nổi làm sao mình vẫn giữ được thói quen nghịch ngợm thời học trò và cảm thấy sung sướng lâng lâng trong lòng. Tôi bắt đầu hát. Lúc đầu chỉ hát nhỏ cho chính mình nghe, rồi hát thật to như muốn vỡ lòng ngực với vẻ cao ngạo của Caruso, vừa đạp xe chạy giữa những cửa hàng sắc màu loè loẹt và cảnh buôn bán điên rồ của khu chợ bình dân. Mọi người vui thích nhìn tôi, gọi tôi rí rít, khuyến khích tôi tham gia vào cuộc đua xe lăn vòng quanh đất nước Colombia. Tôi giơ tay vẫy chào mọi người như một thủy thủ hạnh phúc và vẫn không ngừng hát ca. Trong tuần lễ đó, để chào đón tháng Mười Hai, tôi viết một bài báo mạnh bạo khác: Làm thế nào để cảm thấy hạnh phúc khi ngồi trên xe đạp ở tuổi chín mươi.

Đêm sinh nhật cô bé, tôi hát cho Delgadina nghe toàn bộ bài ca và hôn toàn thân cô cho đến khi không còn đủ hơi sức nữa mới thôi: dọc theo sống lưng, từng đốt xương một, cho đến mông đít trắng xanh nhợt nhạt, bên sườn có vết sẹo, bên sườn có trái tim không mệt mỏi của em. Tôi hôn đến đâu thì thân thể cô bé nóng dần lên đến đó và toát lên mùi hương đồng cỏ nội. Cô bé cũng đáp lại những nụ hôn của tôi bằng những rung động mới ở từng tác da thịt, và ở mỗi chỗ trên da thịt của bé tôi lại thấy độ nóng ấm khác nhau, một hương vị riêng, một tiếng rên mới, và toàn thân bé như rung lên liên tiếp các nốt nhạc trong bản hợp âm rải và hai núm vú hé nở như hoa dù tôi không đụng đến. Tôi bắt đầu thiu thiu ngủ vào lúc sáng sớm khi cảm thấy tiếng rì rào của đám đông ngoài biển và nỗi sợ hãi của hàng cây như xuyên qua trái tim mình. Lúc ấy tôi đi ngay vào buồng tắm và viết lên trên tấm gương: Delgadina của đời anh, những làn gió Giáng sinh đã thổi nển rồi.

Một trong những kỷ niệm hạnh phúc nhất đời tôi chính là cảm giác xao xuyến trong lòng buổi sáng sớm ngày nọ khi vừa bước ra khỏi trường học. Chuyện gì đã xảy ra với tôi nhỉ? Cô giáo ngờ ngác nói với tôi: Chà, hoá ra em không biết đó là những làn gió biển à? Tám

mười năm sau, một lần nữa tôi lại cảm thấy làn gió thổi trên giường của Delgadina, cũng trong một sáng tháng Mười Hai đến rất đúng hẹn với bầu trời trong suốt, những cơn bão cát, những cơn lốc ngoài đường phố làm tốc mái nhà và tốc vảy các cô bé học sinh. Lúc này, thành phố như vang vọng tiếng ma quỷ. Trong đêm lộng gió biển người ta vẫn nghe thấy tiếng hò hét từ khu chợ vọng lên đến tận những khu dân cư cao nhất như ở ngay góc phố. Nên cũng chẳng có gì lạ nếu lòng trong tiếng gió tháng Mười Hai ta vẫn nghe thấy tiếng những người đang tản mát đầu đó trong những hộp đêm xa xôi nhất.

Tuy nhiên, những cơn gió biển cũng mang lại tin chẳng tốt lành gì là Delgadina không thể qua lễ Giáng sinh cùng tôi vì cô bé phải ở với gia đình mình. Nếu có điều gì làm tôi căm ghét nhất ở thế gian này thì đó chính là những ngày lễ bắt buộc trong đó người ta khóc vì vui sướng, những buổi bắn pháo hoa, những bài hát mừng trong lễ Nô-en, những dây hoa giấy chẳng liên quan gì đến đũa trẻ đã ra đời cách đây hơn hai nghìn năm trong một chuồng ngựa nghèo nàn. Tuy nhiên khi đêm đến, tôi không cảm nổi nỗi nhớ mong và tôi đã đến phòng ngủ không có cô bé say ngủ. Tôi ngủ rất ngon, và tỉnh dậy cùng với một con gấu nhồi bông đi được hai chân như gấu trắng bắc chựa cùng với một tấm danh thiếp ghi: Để tặng người bố xấu xí. Rosa Cabarcas đã có lần nói với tôi là Delgadina đang học đọc qua những bài giảng của tôi viết trên gương, và nét chữ đẹp của em khiến tôi thấy khâm phục. Nhưng chính bà ta lại làm tôi buồn vì cái tin quá tệ hại: con gấu là quà của chính bà ta, thế là tôi quyết định qua đêm đón Năm mới ở ngay nhà mình và lên giường từ lúc tám giờ tối rồi ngủ không hề vương vất chút cay đắng nào. Tôi cảm thấy hạnh phúc, bởi vì vào thời khắc mười hai giờ đêm, trong tiếng chuông vang vang bực tức, tiếng còi tầm của các nhà máy và xe cứu hỏa, tiếng thở than của các con tàu thủy, tiếng nổ của thuốc súng, của pháo, tôi cảm thấy Delgadina đi rón rén vào nhà, nằm xuống bên cạnh tôi và trao cho tôi một nụ hôn. Thật đến nỗi trên miệng tôi còn đọng mùi hương cam thảo của nàng.

CHƯƠNG 4

Đầu năm mới, chúng tôi bắt đầu quen như hai người sống chung và cùng tỉnh táo, bởi vì tôi đã tìm được một âm độ giọng nói cần trọng khiến cô bé dù không tỉnh dậy nhưng vẫn nghe hiểu được, và trả lời tôi bằng ngôn ngữ tự nhiên của thân thể mình. Trạng thái tâm lý của cô bé được biểu lộ qua cách ngủ. Từ chỗ mệt mỏi kiệt sức và hoang dại thuở ban đầu, dần dần thể trạng nội tâm em thanh thản hơn làm cho sắc mặt cũng ngày càng đẹp và làm phong phú hơn giấc ngủ mơ. Tôi kể cho em về cuộc đời mình, đọc vào tai em bản thảo các bài báo chủ nhật trong đó hình ảnh của em, và chỉ duy nhất của em, ẩn hiện trong từng dòng mà không cần phải viết ra thành văn.

Tôi để trên gối đôi hoa tai bằng cẩm thạch vốn là của mẹ tôi trước đây. Lần gặp sau, cô bé đeo vào tai nhưng trông không đẹp. Tôi lại đưa những bông tai khác hợp hơn với màu da của em. Tôi giải thích: Những chiếc hoa tai đầu tiên không phù hợp với kiểu tóc em. Những chiếc bông tai này sẽ hợp với em hơn. Cô bé không đeo bất cứ loại nào trong những lần gặp sau đó, nhưng lần thứ ba thì đeo loại tôi đã chỉ dẫn. Thế là tôi hiểu ngay là cô bé không làm theo mệnh lệnh nhưng vẫn sẵn sàng dành cơ hội chiều theo ý thích của tôi. Những ngày đó tôi đã quen với lối sinh hoạt gia đình này, nhưng tôi không ngủ lơ thễ nữa mà mang theo bộ quần áo ngủ bằng lụa Trung Hoa đã lâu không dùng đến vì không có ai cởi cho tôi.

Tôi bắt đầu đọc cho cô bé Hoàng tử bé của Saint-Exupéry, một tác giả người Pháp được đọc giả khắp thế giới khâm phục hơn chính người Pháp. Lúc đầu tôi đọc truyện mua vui mà không đánh thức cô bé dậy, thậm chí phải đến hai ngày liền để đọc cho xong cuốn sách. Sau đó chúng tôi tiếp tục với Truyện ngắn của Perrault, và Lịch sử thiêng liêng, Nghin lê một đêm với các bản in được lành mạnh hóa dành cho trẻ em, và tôi nhận thấy tuy theo mạch truyện mà giấc ngủ của em sâu hay nông. Khi cảm thấy em đã thực sự ngủ sâu, tôi liền tắt đèn ôm cô bé ngủ cho đến khi gà gáy sáng.

Tôi cảm thấy hạnh phúc đến mức nhẹ nhàng hôn lên mí mắt của cô bé, và đêm đó trong một loáng như ánh sáng vụt trên trời: cô bé mỉm cười lần đầu tiên. Sau đó, em lại vỗ có quay lưng lại phía tôi, và bực tức nói: Chính con bé Isabel làm cho những con ốc phải khóc. Kịch thích bởi ảo giác một cuộc đối thoại, tôi liền hỏi lại em bằng chính giọng điệu đó: Thế những con ốc là của ai? Cô bé không trả lời. Tiếng nói của em mang đậm chất bình dân nhưng dường như không phải của em mà của ai đó nằm chính trong cơ thể của em nói ra. Mọi nghi ngờ nhanh chóng biến mất khỏi tâm hồn tôi: tôi thích em trong trạng thái say ngủ.

Vấn đề duy nhất của tôi là con mèo. Nó chán ăn và cáu bẳn, hai ngày liền nằm co quắp ở góc nhà và hung hãn cào cấu khi tôi định bỏ nó vào giỏ mây cho Damiana đưa đến bác sĩ thú y. Ngay sau khi nhét được nó vào túi sợi cây xương rồng, Damiana liền đưa đi ngay. Một lúc sau, từ trại nuôi mèo bà ta gọi về xin lệnh của tôi để giết con mèo vì không còn cách nào khác. Tại sao? Bởi vì nó quá già, Damiana nói. Tôi bực bội nghĩ rằng ngay như mình cũng có thể bị rang sống trên lò nướng thịt mèo. Tôi cảm thấy bất lực giữa hai ngọn lửa: tôi chưa học được tình cảm yêu thương mèo, nhưng cũng không có trái tim đủ tàn nhẫn để ra lệnh giết con mèo chỉ đơn giản vì nó quá già. Sách hướng dẫn để đầu mắt rời nhĩ?

Sự kiện này làm tôi xúc động mạnh đến nỗi tôi phải viết một bài báo cho số chủ nhật

với đầu để ăn cắp được của Neruda^[7]. Có đúng mèo là một con hổ nhỏ ở phòng khách hay không? Bài báo, một lần nữa, lại gây nên một cuộc tranh cãi rầm rộ chia bạn đọc thành hai phe, một phe ủng hộ một phe chống lại loài mèo. Trong năm ngày đầu đã thắng thế luận điểm cho rằng việc hạ thủ con mèo là hợp lý nhưng vì lý do bảo vệ sức khỏe cộng đồng chứ không phải vì nó quá già.

Sau cái chết của mẹ, tôi thường lo lắng rằng khi ngủ sẽ bị ai đó đụng đến người mình. Một tối nọ, tôi cảm thấy điều này, nhưng tiếng nói của ai đó làm tôi an tâm: Figlio mio poveretto^[8]. Tôi lại cảm nhận được điều này một lần nữa vào buổi sáng sớm trong phòng của Delgadina, và tôi sung sướng nghĩ rằng cô bé đã chạm vào người tôi. Nhưng không phải: người đó chính là Rosa Cabarcas đang đứng trong bóng tối. Ông mặc quần áo vào và đi theo tôi ngay, bà ta nói, đang có chuyện rắc rối to.

Chuyện nghiêm trọng hơn nhiều so với sự tưởng tượng của tôi. Một trong những khách hàng sộp nhất của nhà chữa vừa bị đâm chết ngay trong phòng đầu tiên. Kẻ giết người đã bỏ trốn. Thi thể mặt ú, không quần áo nhưng lại đi giày trông tái mét như con gà luộc đang nằm trong vũng máu ngay trên giường. Vừa bước chân vào tôi đã nhận ra ngay ông ta: J.M.B., một chủ ngân hàng lớn, nổi tiếng về thân xác khổng lồ, về tính thân thiện và cách ăn vận, và nhất là về nề nếp gia phong. Ở cổ có hai vết thương tím ngắt như hai vành môi và ở bụng có một vết đâm dài vẫn còn chảy máu. Thịt da vẫn còn mềm. Ngoài các vết thương, tôi có ấn tượng mạnh hơn cả là thấy chiếc bao cao su đã được lồng vào dương vật và hình như chưa kịp dùng trong hành động tình dục thì đã bị đâm chết.

Rosa Cabarcas không biết ông ta đã đi với ai bởi vì ông ấy cũng có đặc quyền đi cửa sau phía vườn cây. Cũng không loại trừ kẻ đi cùng cũng là một người đàn ông. Bà chủ nhà chỉ muốn nhờ tôi giúp mặc lại quần áo cho thi thể. Bà ta tin chắc là tôi đang lo lắng nghĩ rằng chuyện chết chóc ở đây xảy ra như cơm bữa. Không có việc gì khó hơn là mặc quần áo cho một người chết, tôi nói với bà ta. Tôi làm việc này vì sự chán dặt của Chúa Trời, bà ta đáp lại. Nếu có ai giữ hộ tôi cái xác chết thì công việc sẽ dễ dàng hơn. Tôi nhắc bà ta: Thế bà đã hình dung ra việc không ai lại tin một xác chết đầy vết đâm chém lại được mặc trong bộ quần áo của một công tử còn nguyên vẹn chứ?

Tôi run lên vì lo sợ cho Delgadina. Tốt nhất là ông mang con bé đó đi theo, Rosa Cabarcas nói với tôi. Thà chết còn hơn, tôi nói với bà ta miệng đắng ngắt. Bà ta nhận ra ngay tất cả và không dấu sự khinh khi: Ông đang run cầm cập! Vì con bé đấy, tôi nói dù

chỉ là phân nửa sự thật. Bà phải báo cho con bé ra đi trước khi có ai đó đến đây. Nhất trí thôi, bà ta nói, mặc dù ông sẽ chẳng gặp rắc rối nào đâu vì là nhà báo. Bà cũng thế, tôi nói với chút bực mình. Bà là người duy nhất thuộc phái tự do được quyền lãnh đạo chính phủ này.

Thành phố này vốn được tiếng là yên bình và an toàn kể từ khi mới ra đời, ấy thế mà năm nào cũng có một vụ giết người dã man và đầy tai tiếng. Cái chết nọ cũng chưa phải là rất cả. Bản tin chính thức với tit lớn và đầy áp chi tiết giải thích rằng ông chủ ngân hàng trẻ tuổi đã bị đâm nhiều nhát dao đến chết trên đường quốc lộ Pradomar vì lý do khó hiểu. Ông chưa từng có kẻ thù. Thông báo của chính quyền thì chỉ rõ nghi ngờ rằng những kẻ sát nhân có thể nằm trong số những người tỵ nạn từ quê ra các thành phố hiện đang gây nên một làn sóng tội phạm hình sự hoàn toàn xa lạ với ý thức công dân của tuyệt đại đa số chúng. Ngay trong những giờ đầu tiên đã có hơn năm mươi người bị bắt.

Tôi đến và cãi vã ồn ào với biên tập viên phụ trách tư pháp, một nhà báo điển hình của những năm hai mươi, đầu đội mũ lưỡi trai nhựa màu xanh và ống tay áo cài khuy, lúc nào cũng muốn đi trước mọi sự việc. Tuy nhiên, lúc này anh ta chỉ biết một vài chi tiết vụn vặt liên quan đến tôi ác, và tôi phải bổ sung thêm những chi tiết khác một cách hết sức thận trọng. Và thế là hai chúng tôi cùng viết một bản tin dài năm trang đánh máy được đăng tám cột trên trang nhất của báo với lời chú giải là theo nguồn tin đáng tin cậy, một thứ bóng ma muốn thour mà nhà báo chúng tôi vẫn sử dụng. Nhưng Người đàn ông đáng ghét vào lúc chín giờ- tức nhân viên kiểm duyệt vào lúc báo chuẩn bị lên khuôn – không hề run tay sửa lại nội dung cho giống y hệt báo chính thức coi đó là vụ tấn công của bọn cướp đường thuộc đảng tự do. Tôi tự an ủi lương tâm bằng việc vác bộ mặt sầu thảm cùng đồng đảng mọi người đi trong đám tang bí ối và đông đúc nhất của thế kỷ.

Tối hôm ấy, vừa về đến nhà là tôi đã gọi điện ngay cho Rosa Cabarcas để hỏi xem Delgadina có việc gì không nhưng không có ai trả lời suốt bốn ngày liền. Ngày thứ năm, tôi nghiến răng đến nhà bà ta. Các cửa ra vào đều bị niêm phong, không phải do cảnh sát mà là do ngành y tế. Những người hàng xóm không hay biết một tí gì. Không có một dấu hiệu nào về Delgadina khiến tôi phải bắt đầu cuộc tìm kiếm quyết liệt và nhiều khi quá lố bịch đến mức thờ hỏn hà hỏn hển vì kiệt sức. Suốt trong nhiều ngày liên tục tôi ngồi ở bậc thang lên xuống tại công viên đầy bụi bặm nơi bọn trẻ con vẫn nghịch ngợm leo lên tượng đài Simón Bolívar, và quan sát tất cả những cô gái trẻ đi xe đạp. Họ đạp xe qua lại như những con nai tơ đẹp, gần gũi tưởng như nhắm mắt cũng chộp được. Khi đã hết hy vọng, tôi liền lẩn trốn vào nỗi an bình của điệu hát bolero. Cứ như một kẻ bị say chất men độc: mỗi lời bài hát đều gợi nhớ cô bé. Trước đây tôi luôn cần có sự im lặng để viết vì hỏn tôi thấm đậm chất âm nhạc hơn là chất văn chương. Nhưng bây giờ thì ngược lại: tôi chỉ viết được trong tiếng nhạc belero. Hình ảnh em đầy áp đời tôi. Trong suốt hai tuần lễ đó, những bài báo tôi viết đều trở thành những bức thư tình mẫu mực. Ngược hẳn với số

đồng độc giả trong các bức thư gửi đến, ông trưởng ban biên tập lại đề nghị tôi hạ nhiệt bớt lửa tình yêu trong khi chúng tôi nghĩ cách làm sao an ủi cho được những kẻ tình si.

Từ cảnh bất anh trong lòng đã làm suy kiệt sức lực của tôi. Tỉnh dậy từ năm giờ sáng nhưng tôi vẫn nằm trong bóng tối chập choạng của phòng ngủ để hình dung ra Delgadina trong đời thực đang đánh thức các em dậy, mặc quần áo cho chúng đến trường, cho chúng ăn sáng nếu như có thứ để ăn, rồi sau đó đạp xe xuyên qua thành phố để thực hiện án phạt suốt ngày ngồi đơm cúc áo. Tôi kinh ngạc tự hỏi: Trong khi đơm cúc áo, người phụ nữ sẽ nghĩ gì nhỉ? Nghĩ đến tôi chẳng? Liệu cô bé có đi tìm Rosa Cabarcas để lại được gặp tôi không nhỉ? Suốt cả tuần lễ tôi không thay quần lót, không tắm gội, không cạo râu, không đánh răng bởi vì tình yêu đến với tôi quá muộn để làm đẹp với ai được nữa. Damiana tưởng tôi bị ốm khi thấy tôi nằm lơ đãng trên võng vào lúc mười giờ sáng. Tôi nhìn bà ta với đôi mắt đăm đúi và rủ cả hai cùng lơ đãng luôn. Bà ta khinh khỉnh nói với tôi

- Ông có nghĩ mình sẽ làm được gì nếu tôi đồng ý?

Thế là tôi mới chợt hiểu nỗi đau khổ đang gặm nhấm người tôi đến mức độ nào. Tôi không còn nhận ra chính mình trong nỗi đau thương đại. Tôi không dám rời khỏi nhà vì sợ lỗ mất những cú điện thoại gọi đến. Tôi ngồi viết mà không rời khỏi chiếc điện thoại, mỗi tiếng chuông reo lại làm tim tôi nhảy bắn lên vì nghĩ rằng đó là Rosa Cabarcas gọi đến. Thỉnh thoảng tôi lại ngừng công việc để gọi cho bà ta, và suốt ngày tôi gọi liên tục cho đến khi hiểu rằng chiếc điện thoại hoàn toàn vô cảm.

Một buổi chiều mưa, vừa trở về nhà, tôi đã thấy con mèo nằm cuộn tròn ở ngay bực cửa ra vào. Trông nó bần thỉu, tàn tạ một cách đáng thương. Quyền sách hướng dẫn chỉ ra rằng nó đang bị ốm và tôi phải thực hiện một số biện pháp để cứu nó. Khi định đi nghỉ, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ là chính nó có thể dẫn tôi lần theo dấu vết của Delgadina. Tôi đem nó trong túi đi chợ đến tận nhà của bà Rosa Cabarcas, lúc này vẫn còn bị niêm phong nên không có một tí dấu hiệu sự sống nào. Con mèo hăng hái nhảy ra khỏi cái túi xuống vườn và bắt đầu đi tìm cây. Tôi gõ cửa và nghe thấy một tiếng nói của một quân nhân nào đó: Ai đến đây? Người lương thiện đây, tôi nói. Tôi đến tìm bà chủ quán. Ở đây không có bà chủ nào cả, tiếng nói lại vọng từ trong nhà ra. Tối thiểu cũng nhờ ông mở cửa để tôi tìm con mèo, tôi nài nỉ. Không có mèo nào cả, ông ta nói. Tôi hỏi: Ông là ai vậy?

- Chẳng là ai cả - Giọng nói vọng ra.

Tôi luôn hiểu rằng chết vì tình chẳng qua chỉ như tấm giấy pháp bằng thơ ca mà thôi. Buổi chiều hôm đó, khi trở về nhà, không có mèo và cô bé đi cùng, tôi nghiệm ra rằng mình không chỉ có thể sẽ chết mà thực ra thì đang chết dần chết mòn vì tình. Nhưng tôi cũng nhận thấy một sự thật ngược hẳn lại: niềm vui trong đau khổ của tôi vẫn không hề thay đổi. Tôi đã mất mười lăm năm để cố dịch bằng được một bài hát của Leopardi và mãi đến chiều hôm đó tôi mới cảm nhận một cách sâu sắc ý nghĩa của nó: Hồn tôi sao đớn đau, tình yêu sao đắng cay.

Mọi người vô cùng lo lắng khi thấy tôi mặc quần áo lót và râu ria lởm chởm bước vào toà báo. Toà nhà mới được nâng cấp, mỗi người một ngăn, chung ánh sáng đèn chiếu từ trên trần, mới nhìn cứ tưởng như trong nhà hộ sinh. Bầu không khí im lặng giả tạo khiến ai cũng phải nói năng nhỏ nhẹ và đi lại rón rén. Ở tiền sảnh treo ba bức tranh sơn dầu vẽ ba chủ bút đảm đương chức vụ suốt đời, trông như các vị phó vương đã chết và những bức ảnh của các vị khách quý. Phòng họp chính rộng rãi treo bức ảnh khổng lồ của toàn bộ ban biên tập hiện nay chụp hôm sinh nhật tôi. Tôi liên tưởng ngay đến bức chụp hồi tôi ba mươi tuổi và một lần nữa tôi sợ hãi nhận ra trong ảnh mình còn già đi nhanh và tệ hại hơn nhiều so với trong đời thực. Cô thư ký hôn tôi trong buổi mừng sinh nhật đã hôn có phải tôi đang ốm không. Tôi sung sướng nói thật điều mà chắc cô ta không tin: Tôi đang ốm vì tình. Cô ta nói: Tiếc là không phải vì em! Tôi đáp lại: Biết đâu đấy.

Tay biên tập viên phụ trách khối tư pháp vừa đi ra khỏi khoang làm việc vừa nói to rằng ở khu vực nhà hát thành phố có hai xác chết con gái chưa xác định được danh tính. Tôi giật mình hỏi lại: Cỡ mấy tuổi? Trẻ lắm, ông ta nói. Có thể là những người chạy loạn ở tỉnh lên bị bọn đao phủ của chính quyền đuổi theo giết chết. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tình hình căng thẳng này cứ lảng lảng xâm nhập vào chúng ta như một vết máu loang mãi, tôi nói. Tuy đã đi xa, nhưng tay biên tập khối tư pháp vẫn hét to:

- Không phải như vết máu, sự phụ ơ, mà là bãi cứt.

Mấy ngày sau, tôi còn gặp điều tệ hại hơn nữa. Hôm đó, có một cô gái mang cái túi giống hệt túi đựng mèo hôm trước bất ngờ đi qua trước quán sách Mundo như một luồng gió lạnh. Tôi vội vàng đuổi theo cô ta, chen chúc giữa đám đông vào lúc mười hai giờ trưa nóng như đổ lửa. Cô ta rất đẹp, bước đi thật dài và mềm mại, khéo léo len lỏi giữa những người bộ hành đông đảo khiến tôi rất vất vả bám theo. Cuối cùng thì tôi cũng đuổi kịp và nhìn thẳng vào mặt cô ta. Cô bé lấy tay gạt mạnh tôi ra mà không thèm nói lời xin lỗi và tiếp tục bước đi. Không phải là cô bé mà tôi đang tìm kiếm, nhưng chính tính cách cao ngạo của cô ta còn làm tôi đau đớn hơn cả việc nếu cô ta chính là em bé của tôi. Ngay tức khắc tôi hiểu rằng mình không thể nhận ra Delgadina khi cô bé thức và mặc quần áo và

rằng cô bé cũng không thể biết tôi là ai vì có bao giờ nhìn thấy đâu. Trong ba ngày điên rồ, tôi ngồi đan mười hai đôi tất màu xanh và hồng cho trẻ sơ sinh, cố gắng không nghe, không hát, không tư tưởng đến những bài hát khiến tôi nhớ đến Delgadina.

Tôi thực sự chẳng biết làm gì với nỗi đau tâm hồn và bắt đầu nhận ra mình đã già, bất lực trước tình yêu. Minh chứng đau đớn cho việc này chính là vụ tai nạn mà tôi đã chứng kiến: một chiếc xe buýt cán một cô gái đi xe đạp ngay giữa trung tâm khu thương mại. Khi xe cấp cứu vừa đưa cô bé đi khỏi, mọi người mới thấy hết cảnh nát vụn của chiếc xe đạp trong vũng máu tươi. Tôi xúc động mạnh không chỉ vì đám sắt vụn mà chính vì chiếc xe đạp có cùng nhãn hiệu, mẫu mã và màu sắc giống hệt chiếc mà tôi đã tặng Delgadina.

Các nhân chứng đều xác nhận người đi xe đạp bị thương là một cô gái rất trẻ, cao và gầy, có mái tóc cắt ngắn xoắn tít. Hoàn toàn hoảng hốt, tôi vội nhảy lên chiếc taxi đầu tiên đi qua để đến bệnh viện Tế bào, một căn nhà cổ lỗ tường bằng đất thổ hoàng trông chẳng khác gì nhà tù. Tôi phải mất nửa tiếng đồng hồ để vào và nửa tiếng khác để ra khỏi khu vườn cây đầy mùi hương thơm của trái cây nơi một người đàn bà khốn khổ chặn ngang đường và nhìn chăm chăm vào mắt tôi, nói:

- Tao là người mà bây không đến tìm đây.

Đến lúc đó tôi mới nhớ ra là ở trong vườn này những người điên hiền lành của cả quận được tự do đi lại. Tôi phải đưa thẻ nhà báo cho ban giám đốc bệnh viện, họ mới chịu cử một y tá dẫn đến phòng cấp cứu. Trong sổ nhập viện có ghi các số liệu: Tên họ Rosalba Rios, mười sáu tuổi, không rõ nghề nghiệp. Triệu chứng: vỡ hộp sọ, choáng. Chẩn đoán tiếp tục theo dõi. Tôi hỏi trưởng phòng cấp cứu liệu có thể đến tận nơi thăm cô ta được không với hy vọng là ông ta từ chối, nhưng họ lại vui vẻ dẫn đi ngay để mong tôi có bài viết về tình trạng tồi tàn của bệnh viện đang bị bỏ rơi.

Chúng tôi đi qua căn phòng màu mè loè loẹt sặc mùi a-xít fénic với những bệnh nhân nằm chất đống trên giường. Cuối phòng, trong một buồng đơn để chiếc cang bằng sắt trên đó nằm thẳng đơ cô gái mà chúng tôi đang tìm. Hộp sọ quấn đầy băng trắng, bộ mặt không còn nhận ra được nữa, sứt sẹo và tím bầm, nhưng chỉ nhìn đôi bàn chân tôi cũng biết là không phải cô bé cần tìm. Tôi bỗng tự hỏi: Mình sẽ làm gì nếu đúng là cô bé nhỉ?

Dù trong lòng còn rối tinh lên vì chuyện tối hôm trước, nhưng ngày hôm sau tôi vẫn có đủ lòng can đảm đi đến tận nhà máy may áo sơ mi, nơi theo lời của Rosa Cabarcas là cô bé đang làm việc. Tôi xin phép ông chủ nhà máy cho đi xem các phân xưởng có thể sẽ

thành hình mẫu của một dự án tầm cỡ châu lục của Liên hợp quốc. Ông chủ, một người Libăng da thô dày và ít nói đã mở toang vương quốc của mình với hy vọng sẽ được đầu tư thành một tấm gương toàn cầu.

Trong một khung nhà rộng lớn ngập trong ánh điện, ba trăm thiếu nữ mặc áo blu trắng với vết tro bôi trên trán^[9] đang mài miết đơm cúc. Khi biết chúng tôi vào, họ đều ngược nhìn lên như những cô học trò nhỏ và liếc nhìn chúng tôi trong khi viên quản đốc giảng giải về những đóng góp của họ cho nền nghệ thuật đơm cúc áo. Tôi quan sát bộ mặt từng cô và phấp phỏng lo sợ phát hiện ra Delgadina mặc đủ quần áo và đang thức. Nhưng chính một trong số các cô gái lại phát hiện ra tôi bằng ánh mắt thán phục đến nỗi sợ và hỏi không chút nề nang:

- Thưa ông, có phải chính ông là người viết các bức thư tình trên báo không ạ?

Tôi chưa bao giờ hình dung nổi một bé gái say ngủ lại có thể gây ra chuyện khó xử cho mình như vậy. Tôi trốn chạy khỏi nhà máy không kịp chia tay với ai và cũng chẳng kịp suy nghĩ xem liệu trong số các thiếu nữ trình nguyên kia có người con gái mình đang cố tìm hay không. Khi ra khỏi tôi chỉ có một tình cảm duy nhất trên đời là muốn khóc.

Sau đúng một tháng thì Rosa Cabarcas gọi điện đến để đưa ra lời giải thích không tưởng tượng nổi: bà ta đã có những ngày nghỉ xứng đáng ở thành phố Cartagena sau vụ giết hại ông chủ ngân hàng. Tất nhiên là tôi không tin lời bà ta, nhưng cũng chúc mừng bà đã tai qua nạn khỏi và để bà ta huyền thuyên tiếp những điều dối trá trước khi hỏi điều đáng làm tim tôi thổn thức:

- Thế cô bé thì sao?

Rosa Cabarcas im lặng một lúc lâu. Nó vẫn ở đó, mãi sau bà ta mới nói, nhưng lại cố tìm cách lảng tránh: Phải chờ thêm một thời gian nữa. Bao nhiêu lâu? Tôi vẫn chưa dự kiến được, rồi tôi sẽ báo cho ông biết. Tôi thấy bà sắp cúp máy liền nói ngay: Chờ tí đã, phải cho tôi chút ánh sáng chứ. Không có tia sáng nào cả, bà ta nói, và kết luận: Ông phải cẩn thận đấy vì chuyện này có thể làm hại ông, và nhất là làm hại con bé. Tôi không phải là kẻ hay nhõng nhẽo đâu. Tôi năn nỉ bà ta cho phép dù một lần duy nhất tiếp cận đến sự thật. Dù sao đi nữa, tôi nói, tôi và bà điều là tông phạm cả mà. Bà ta không hề lùi bước. Yên tâm đi, bà ta nói, con bé vẫn khỏe mạnh và vẫn chờ tôi gọi điện, nhưng ngay lúc này chẳng có chuyện gì làm đâu và tôi cũng không nói gì thêm nữa. Xin chào ông.

Tôi vẫn cầm chiếc điện thoại trên tay mà không biết tiếp tục nói gì được nữa, bởi vì đã quá biết không thể moi ở bà ta bất cứ chuyện gì bằng cách ép buộc. Quá trưa, tôi lại đi đến nhà bà ta, chỉ còn chờ trông vào điều may rủi. Căn nhà vẫn cửa đóng then cài cùng với dấu niêm phong của ngành y tế. Tôi nghĩ là Rosa Cabarcas đã gọi tôi từ một nơi khác, có thể từ thành phố khác, đó quả là một điểm xấu. Tuy vậy, lúc sáu giờ chiều, thời khắc ít ngờ nhất, bà ta đã xô qua điện thoại đến tôi những ký hiệu riêng của mình:

- Này, bây giờ được rồi đấy.

Mười giờ đêm, toàn thân thân run rẩy và môi mím chặt để khỏi bật ra tiếng khóc, tôi mang theo những hộp sô- cô- la Thụy Sĩ, bánh mật hạnh nhân và kẹo cùng một giỏ hoa hồng cháy đỏ để phủ lên giường. Cánh cửa khép hờ, đèn sáng và từ chiếc đài bán dẫn vọng ra bản sonat số một cho violon và piano của Brahms. Delgadina nằm trên giường rực rỡ và khác lạ khiến mãi tôi mới nhận ra.

Cô bé đã lớn hơn, nhưng không phải là vẻ kích thước mà vẻ nét già dặn hơn hai hoặc ba tuổi, và trông cũng loã thể hơn bao giờ hết. Đôi gò má như cao hơn, làn da sạm nắng biển, đôi môi mỏng, mái tóc cắt ngắn và xoắn tít khiến bộ mặt em có nét rạn rở của tượng Apollo của Praxíteles. Cặp vú của em cũng phồng phao hẳn lên không còn nằm gọn trong lòng bàn tay tôi được nữa, vòng eo cũng đã định hình, khung xương đã trở nên rắn rỏi và hài hoà hơn hẳn. Tôi say sưa với những thành tựu của tự nhiên nhưng lại hết hoảng trước những nét giả tạo: lông mi giả, móng tay và móng chân sơn màu sẫm xà cừ và một mùi nước hoa sực nức chẳng có vẻ gì là tình yêu cả. Tuy nhiên, điều làm tôi nổi giận chính là mớ tài sản cô bé mang trên người: khuyên tai khảm ngọc bích, vòng đeo cổ bằng ngọc tự nhiên, một vòng đeo tay lấp lánh và thêu khéo léo, và đôi giày gót bằng. Bụng tôi ứ đầy làn hơi lạ.

- Đồ con diếm! – Tôi hét lên.

Quý dũ nói vào tai tôi một ý nghĩ đen tối. Và đúng là như vậy: trong đêm xảy ra tội ác, Rosa Cabarcas có lẽ đã không kịp và không đủ bình tĩnh quay lại báo cho cô bé, và cảnh sát đã thấy cô ta nằm một mình trong phòng, một đứa trẻ vị thành niên, bị ép buộc. Không ai dám hành sự như Rosa Cabarcas trong trường hợp này: bà ta bán trình của đứa bé cho một trong những viên sếp sòng để đổi lấy sự an toàn của chính mình trong vụ giết người. Điều đầu tiên, tất nhiên là phải làm chìm đi vụ bê bối này. Thật là tuyệt vời làm sao! Một chuyến đi hưởng tuần trăng mật cho cả ba người, cô bé và kẻ nọ thì trên giường còn

Rosa Cabarcas thì trên sân thượng khách sạn sang trọng hưởng niềm hạnh phúc được thoát tội. Mù quán vì sự tức giận quá độ, tôi lần lượt ném mọi thứ trong phòng vào tường: bóng đèn, chiếc dài, chiếc quạt điện, tấm gương, ly, cốc. Tôi không làm vội vã nhưng liên tục, hết sức ồn ào và với niềm say sưa trong khuôn phép cuộc đời. Đứa bé nảy bật lên ngay sau tiếng nổ đầu tiên, nhưng không nhìn tôi mà cuộn tròn mình lại quay lưng về phía tôi và cứ nằm như thế trong cơn co giật sợ hãi cho đến khi dứt tiếng đập phá. Đám gà mái trong vườn và lũ chó cũng làm tăng thêm tiếng hỗn loạn ầm ĩ. Dù tức giận mù quáng, tôi vẫn còn đủ minh mẫn và hứng khởi để sẵn sàng châm lửa đốt nhà thì vừa lúc Rosa Cabarcas trong bộ đồ ngủ bình thường xuất hiện ngay cửa ra vào. Bà ta không nói gì. Bà ta nhìn ước lượng mức độ cảnh tàn phá và thấy rõ bé gái đang nằm cuộn tròn như con ốc, đầu giấu trong hai cánh tay: sợ hãi nhưng còn nguyên vẹn.

- Trời ơi! – Rosa Cabarcas kêu lên – Sao tôi không có được một tình yêu như kiểu này!

Bà ta thương hại nhìn tôi từ đầu đến chân rồi ra lệnh: Đi nào. Tôi đi theo bà ta đến tận phòng. Rosa Cabarcas im lặng đưa cốc nước và ra hiệu cho tôi ngồi đối diện và lắng nghe tôi tâm sự. Nào, bà ta nói, bây giờ thì ông phải cư xử như một người lớn, và nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra?

Tôi nói với bà ta những gì mà tôi coi là sự thật vừa phát hiện ra. Rosa Cabarcas im lặng nghe, không hề tỏ ra ngạc nhiên nhưng cuối cùng thì mặt mày cũng rạng rỡ hẳn lên. Tuyệt thật, bà ta nói. Tôi thường nói rằng ghen tuông biết nhiều hơn sự thật. Và bà ta liền nói thẳng tuột mọi chuyện đã xảy ra trong thực tế. Đúng là trong đêm xảy ra tội ác, bà ta nói, vì quá hốt hoảng nên tôi đã quên mất con bé say ngủ trong phòng. Một trong những khách hàng sộp, viên luật sư của người bị sát hại, không những làm việc phân phát quà cáp và hối lộ cho những nơi cần thiết mà còn mời Rosa Cabarcas đi nghỉ ở một khách sạn sang trọng ở thành phố Cartagena để chờ cho vụ xì-can-đan chìm xuống. Ông hãy tin lời tôi, Rosa Cabarcas nói, trong suốt thời gian đó không lúc nào tôi quên được ông và con bé. Ngày hôm kia tôi mới về đến đây thì gọi điện ngay cho ông, nhưng không ai trả lời. Ngược lại, bé gái thì đến ngay tức thì, nhưng trông nó quá ư thảm hại nên tôi phải tấp tọp cho nó hộ ông, phải sắm quần áo và đưa nó đi mỹ viện để người ta sửa sang lại cho nó như một bà hoàng. Ông thấy rõ rồi đó: trông nó tuyệt hảo. Tại sao có quần áo sang trọng ư? Đó là trang phục mà tôi phải thuê cho các em út của mình khi đi khiêu vũ với khách. Đồ trang sức ư? Đó là của tôi cả đấy: chỉ cần sờ vào là ông thấy nó toàn bằng kim cương giả và bằng sắt tây. Thôi, đừng giờ trò vớ vẩn nữa. Và và ta kết luận: Ông đến đó ngay đi, đánh thức con bé dậy, xin lỗi nó và giữ lấy nó luôn đi. Ông và con bé xứng đáng được hưởng hạnh phúc hơn ai hết đấy.

Tôi nỗ lực phi thương để tin lời bà ta, nhưng tình vẫn thẳng lý. Đồ gái điếm! Tôn nói, trong lòng rùng rục lửa tức giận. Đó chính là các người! Tôi hét to: Đồ gái điếm cắt đất! Tôi không thêm biết gì về bà và bất cứ một mục đàn bà hư đốn nào khác ở trên thế gian này nữa, càng không cần biết gì về con bé đó. Từ cửa ra và tôi ra đầu vĩnh biệt. Rosa Cabarcas không nghi ngờ điều này.

Cầu chúa lỗi ông đi – bà ta nhếch mép buồn bã nói, và quay ngay về đời thực. Dù sao tôi cũng sẽ gửi ông bản khai thiệt hại mà ông đã gây ra ở trong phòng ngủ.

CHƯƠNG 5

Đang đọc Những ngày mười lăm tháng tháng Ba thì tôi bắt gặp một câu buồn thảm mà tác giả cho rằng là của Julius Cesar: Ta không thể kết liễu cuộc đời trong thân phận một con người mà những kẻ khác vẫn tin là ta phải như vậy. Tôi không thể xác minh được nguồn gốc thật sự của câu này có hay không ở trong các tác phẩm của Julius Cesar hoặc là trong các tác phẩm của nhà chuyên viết tiểu sử của ông, từ Suetonio đến Carcopino, nhưng câu này rất đáng nhớ. Trong mấy tháng tiếp theo của cuộc đời tôi, chính thuyết định mệnh của ông đã truyền cho tôi lòng quyết tâm còn đang thiếu không những để viết cuốn hồi ký này mà còn để bắt đầu lại không chút sợ hãi từng mối tình với Delgadina.

Không một giây phút nào lòng tôi bình yên, ăn uống kém hẳn, và sút cân đến mức quần mặc rộng thùng thình. Những cơn đau trước chạy lung tung trong người nay ở hẳn trong xương cốt, tính khí thay đổi thất thường, đêm thì tỉnh như sáo nhưng không thể đọc và cũng không nghe nổi âm nhạc; ngày thì ngược lại đầu óc cứ mê mê tỉnh tỉnh nhưng lại không thể nào ngủ được.

Niềm an ủi bỗng từ trên trời rơi xuống. Trên chuyến xe buýt chật như nêm chạy tuyến Lome Fresca, một bà ngồi bên cạnh mà tôi không biết lên từ bến xe nào đã ghé vào tai tôi nói nhỏ: Ông vẫn còn chiến đấu được đấy chứ? Đó chính là Casilda Armenta, một mối tình kiểu ăn bánh trà tiền ngày xưa, người đã phải chịu đựng tôi như một khách hàng thường xuyên từ cái thời bà ta còn là một cô gái trẻ kiều kỳ. Khi đã về hưu, ốm dờ, không đồng xu dính túi, bà ta đã lấy một người Hoa làm nghề trồng rau, nhờ vậy được mang họ, được giúp đỡ và có thể được hưởng chút tình yêu. Bảy mươi ba tuổi, thân thể đã trở lại như xưa, vẫn đẹp và vẫn đầy cá tính mạnh mẽ, và cũng giữ nguyên tính phóng túng của nghề nghiệp cũ.

Bà ta đưa tôi về nhà, một khu nhà vườn trồng rau kiểu người Hoa trên đồi bên đường dẫn ra biển. Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế bố kiểu bãi biển ở ngay sân thượng mờ tối giữa những cây dương xỉ và thiên tuế, và những lồng chim treo lủng lẳng trên giá. Trên sườn đồi, những người Hoa đội nón lá đang trồng rau dưới cái nắng chói chang và xa xa hai mũi đá đầu dòng sông chảy lan ra tận mấy dặm ngoài biển khơi xanh xám của cửa biển Ceniza. Đang ngồi nói chuyện, chúng tôi bỗng nhìn thấy chiếc tàu chở khách vượt đại dương sơn màu trắng toát từ từ tiến vào cửa sông và chúng tôi im lặng dõi theo nó cho đến tận khi nghe rõ tiếng còi buồn thảm như tiếng rống của con bò đực ở cảng sông. Bà ta thờ dài. Ông có nhận thấy điều gì không? Hơn nửa thế kỷ qua, đây là lần đầu tiên tôi không đón tiếp ông trên giường. Chúng ta đã là người khác rồi, tôi nói. Không để ý đến lời tôi, bà ta vẫn tiếp tục nói: Mỗi khi ở trên đài phát thanh người ta nói điều gì đó về ông, nào là khen ông được mọi người quý mến, nào ông là bậc thầy về tình yêu, tôi lại nghĩ trên đời này không ai hiểu được nét duyên và mảnh lối của ông bằng tôi. Thực sự, bà ta nói, không có ai chịu đựng được ông tốt hơn tôi.

Tôi không chịu được nữa. Bà ta cũng cảm thấy điều đó khi nhìn thấy đôi mắt đẫm lệ của tôi, và chỉ đến lúc đó có lẽ bà ta mới phát hiện ra rằng tôi không còn là người như trước đây nữa và tôi cũng cố nhìn bà ta với lòng can đảm của một kẻ không còn tin ở chính mình. Bây giờ tôi già rồi, tôi nói với bà ta. Chúng ta đều già cả rồi, bà ta thờ dài. Có thể bên trong ta không cảm thấy nhưng bên ngoài thì ai cũng thấy rõ điều này.

Không thể không mở lòng mình, và vì vậy tôi liền kể cho bà ta nghe toàn bộ câu chuyện đang đốt cháy tâm can mình, từ lần gọi điện thoại đầu tiên cho bà Rosa Cabarcas trước hôm sinh nhật chín mươi tuổi, cho đến cái đêm bi thảm đập vỡ mọi thứ trong phòng ngủ và không bao giờ quay trở lại đó nữa. Bà ta chăm chú nghe chuyện tầm phào của tôi mà như đang sống trong đó vậy, suy ngẫm một lúc lâu rồi mỉm cười:

- Ông muốn làm gì thì làm, nhưng không được để mắt con bé này – Bà ta nói với tôi – Không có gì bất hạnh bằng chết trong cô đơn.

Chúng tôi đi đến cảng Colombia trên chuyến tàu hỏa bé nhỏ như đồ chơi và chạy chậm như ngựa đi bước một. Chúng tôi ngồi ăn trưa trước bến cảng làm bằng gỗ đã mục nát, nơi mà trước khi nạo vét cửa biển Ceniza, tất cả tàu bè khắp nơi trên thế giới đều phải cập vào để mọi người có thể vào được đất nước Colombia. Chúng tôi ngồi dưới bóng cây cọ và được các cô hầu bàn da đen to lớn phục vụ món cá rán với cơm dừa và chuối xanh. Chúng tôi ngủ gà ngủ gật trong cơn buồn ngủ nặng nề vào lúc hai giờ chiều rồi lại tiếp tục trò chuyện cho đến khi biển chìm trong ráng đỏ rực rỡ của chiều tà. Quả thực tôi thấy rất tuyệt vời. Ông hãy nhìn nơi chúng ta đến để hưởng tuần trăng mật này, bà ta nói đùa. Rồi tiếp tục nói nghiêm chỉnh: Hôm nay quay nhìn lại trước đây, tôi thấy cả một

hàng bài ngót ngàn người đàn ông đã nằm chung giường với tôi, và có lúc tôi đã hết lòng mong ước được thực sự có hẳn một người dù là kẻ tệ hại nhất. Nhờ ơn Chúa tôi đã kịp gặp được ông chồng người Trung Hoa. Cứ như kết hôn với ngón tay út, nhưng ông ấy là cửa riêng tôi.

Bà ta nhìn vào mắt tôi như thăm dò phản ứng trước điều vừa kể, rồi nói tiếp: Thế thì ngay bây giờ ông phải đi tìm cô bé tội nghiệp đó, dù những gì người ta nói rất đúng về ghen tuông, dù gì đi nữa thì ông không được để ai cướp mất điều tốt đẹp của mình. Còn điều này nữa, không có lãng mạn kiển ông nội đâu nhé. Nói thật nhé, bà ta chân tình kết thúc: ông đừng để đến chết mà vẫn chưa được hưởng sự tuyệt diệu của việc chăn gối trong niềm yêu thương sau đấm.

Ngay hôm sau, tôi run run quay số điện thoại. Một phần vì sự căng thẳng trước cuộc gặp lại Delgadina, một phần vì không biết bà Rosa Cabarcas sẽ đáp lại ra sao. TRước đó chúng tôi đã tranh cãi quyết liệt vì bà ta đã tính quá mức những thiệt hại mà tôi đã gây ra ở phòng ngủ. Tôi đã phải bán đi một trong những bức tranh thân thương nhất của mẹ mà giá trị có thể là cả một gia tài, nhưng lúc cần thiết nó chỉ đáp ứng được một phần mười kỳ vọng của tôi. Tôi phải cộng thêm toàn bộ số tiền tiết kiệm rồi đưa đến cho Rosa Cabarcas với phương châm bất di bất dịch: Bà cầm lấy hoặc là từ bỏ luôn. Đó là một hành động tự sát, bởi vì chỉ cần bán đi một trong những bí mật của tôi, bà ta cũng đã có thể làm tiêu tan danh tiếng của tôi rồi. Nhưng bà ta không đá hậu mà chỉ giữ lại những bức tranh còn lại sau cái đêm đập phá của tôi. Tôi là kẻ bại trận ngay lần chơi đầu tiên: tôi không còn Delgadina, không có Rosa Cabarcas và cũng hết cả tiền tiết kiệm. Tuy nhiên, tôi cũng nghe thấy tiếng chuông điện thoại một lần, hai lần, ba lần và cuối cùng là bà ấy: Xem nào? Tôi không cất nổi lên lời. Tôi cúp điện thoại. Tôi nằm vật xuống võng, cổ trần tình bằng những vằn thơ tình khổ hạnh của Satie, và mồ hôi đổ ra ướt đầm cả nhưng dây võng. Cho đến tận ngày hôm say tôi vẫn không có đủ can đảm để gọi điện thoại.

- Thôi được, này mẹ đàn bà kia – Tôi nói một cách cứng cỏi – Ngày hôm nay thì tôi muốn.

Tất nhiên là Rosa Cabarcas đã đoán biết trước tất cả. Chà, ngài thông thái buồn bã của tôi ơi, bà ta thờ dài với vẻ luôn đắc thắng, ông đã mất hút suốt hai tháng liền rồi nay quay lại chỉ để nói điều ảo tưởng. Bà ta kể cho tôi nghe rằng đã hơn tháng nay chưa gặp lại Delgadina, nhưng hình như cô bé đã hồi phục sau cú sốc đêm phá bĩnh của tôi nên không hề đề cập gì chuyện đó và cũng không hỏi han gì về tôi nữa, rằng cô ta rất hài lòng với công việc mới, dễ chịu hơn và được trả lương cao hơn so với việc đơm cúc. Một đợt sóng lửa rừng rực đốt cháy lòng tôi. Chỉ có thể là làm điểm thôi, tôi nói. Rosa Cabarcas đáp lại ngay: Ông đừng ngu muội như thế, nếu làm thế thì nó đã ở đây rồi. Hoặc giả nó có

thể ở nơi nào tốt hơn được không? Cách lý giải nhanh chóng của bà ta làm tôi càng thêm nghi ngờ: Làm sao tôi có thể biết là con bé không ở đó? Trong trường hợp này, bà ta đáp trả, tốt nhất là ông không nên biết đến điều đó nữa. Không ư? Tôi lại căm ghét bà ta một lần nữa. Rosa Cabarcas, để tỏ ra đã chịu, hứa sẽ đi lũng sục tìm con bé. Cũng không có nhiều hy vọng đâu, bởi vì điện thoại nhà bà hàng xóm mà tôi vẫn nhờ để gọi cho nó đã bị cắt rồi và tôi thì chẳng hề có một ý niệm gì về nơi cư trú của con bé. Nhưng cũng không đến mức phải chết vì tuyệt vọng, mẹ kiếp, bà ta nói, một giờ nữa tôi sẽ gọi cho ông.

Một giờ mà hóa ra ba ngày, nhưng bà ta đã tìm được cô bé trong tình trạng sẵn sàng khỏe mạnh. Tôi sượng sùng trở lại và hôn lên từng phần da thịt của em, như vậy sáu hồi, suốt từ mười hai giờ đêm cho đến khi gà gáy sáng. Một lời xin lỗi dài mà tôi hứa sẽ còn lặp đi lặp lại mãi mãi và một lần nữa lại bắt đầu từ đầu. Căn phòng bị phá bỏ rồi bị dùng vào những việc tệ hại nên làm mất hết những gì trước đây tôi đã đặt vào đó. Bà ta cứ để nguyên như vậy và bảo tôi muốn nâng cấp lên thì phải tự làm lấy vì vẫn chưa trả hết nợ. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của tôi rơi xuống tận đáy rồi. Tiền hưu trí càng ngày càng ít. Vài ba thứ ở trong nhà có thể bán được - trừ những đồ trang sức thiêng liêng của mẹ - thì chẳng còn giá trị thương mại, không có thứ gì quá cũ để trở thành đồ cổ. Ở thời kỳ hoàng kim, viên trưởng đã từng đưa ra một lời đề nghị hết sức hấp dẫn để mua toàn bộ khối sách của các tác giả cổ điển Hy Lạp, La tinh và Tây Ban Nha của tôi cho thư viện của tỉnh, nhưng lúc đó tôi không có lòng nào bán chúng đi. Sau này, tình hình chính trị thay đổi và tình hình thế giới ngày càng tệ đi nên không có ai trong chính quyền nghĩ đến nghệ thuật và văn học nữa. Một mối vi không tìm được một giải pháp trong sạch, tôi dứt túi tất cả số trang sức mà Delgadina đã trả lại và đi tìm cách bán ở những ngõ hẻm tối tăm gần khu phố chợ. Với vẻ một nhà thông thái đáng trí, tôi lượn lờ vài lần trước những quán ăn đơn giản tẻ nhạt cứng khách, những cửa hàng bán sách cũ và cửa hàng cầm đồ, nhưng lòng tự trọng của mẹ tôi, Florina de Dios đã ngăn bước: tôi không dám. Thế là tôi quyết định ngẩng cao đầu vào bán cho cửa hàng vàng bạc lâu đời và có uy tín nhất thành phố.

Anh chàng nhân viên cửa hàng đeo kính một tròng vào mắt, vừa xem xét đồ trang sức vừa hỏi tôi về một vài việc. Anh ta có phẩm chất, phong cách và tính cẩn trọng của một vị thầy thuốc. Tôi giải thích cho anh ta biết rằng tất cả số đồ trang sức này đều là di vật thừa kế của mẹ tôi. Anh ta nheo mắt tán thành sau mỗi lời giải thích và sau cùng gỡ kính một tròng ra.

- Tôi lấy làm tiếc – anh ta nói – nhưng tất cả đều làm bằng đất đai.

Trước sự kinh ngạc của tôi, anh giải thích với vẻ thương cảm nhẹ nhàng: Cũng còn may là vàng vẫn đúng là vàng và bạch kim vẫn đúng là bạch kim. Tôi sờ túi quần để kiểm

tra lại xem có đúng là đã mang theo hóa đơn mua hàng trước đây không rồi nói không chút hần học:

Nhưng tất cả đã được mua ở cửa hàng đáng kính này hơn một trăm năm trước đây.

Anh ta không hề tỏ ra lúng túng. Trong các đồ trang sức thừa kế, anh ta nói, cũng thường bị mất những phần quý giá nhất; bị những kẻ ngang ngược trong gia đình thay đổi hoặc bị các thợ kim hoàn lưu manh nào đó hoán đổi, và chỉ khi có ai đó muốn bán mới phát hiện ra sự gian lận. Nhưng xin phép ông mấy phút, anh ta nói và mang toàn bộ đồ trang sức đi vào sau cánh cửa cuối phòng. Một lúc sau quay lại, mời tôi ngồi chờ ở ghế mà không giải thích gì cả và tiếp tục làm việc.

Tôi quan sát cửa hàng. Trước đây tôi đã cùng mẹ đến đây một vài lần, và vẫn còn nhớ câu nói cửa miệng của bà: Đừng nói với bố nhé. Trong đầu tôi bỗng loé lên một ý nghĩ: Liệu Rosa Cabarcas và Delgadina có thoả thuận bán đồ thật và trả lại tôi đồ giả không?

Khi mới nghi ngờ đốt cháy lòng thì tôi được cô thư ký mời đi theo qua chiếc cửa cuối phòng đến văn phòng nhỏ có dãy tủ đứng to. Một gã khổng lồ ăn mặc lôi thôi đứng bật dậy sau bàn làm việc và nhiệt tình bắt chặt tay tôi, xưng hô thân mật như bạn cũ. Chúng mình đã cùng học trường cấp ba với nhau, ông ta nói thay cho lời chào hỏi. Tôi nhớ ra ngay: Ông ta vốn là cầu thủ bóng đá giỏi nhất trường và là vô địch của những nhà chứa đầu tiên của chúng tôi. Đã khá lâu không gặp lại ông ta và thấy tôi hom hem già cả nên ông ta nhầm với một bạn học từ thuở nhỏ.

Trên mặt kính bàn làm việc đã mờ sẵn một quyển hồ sơ lưu trữ có ghi lại lai lịch các đồ trang sức của mẹ tôi. Một danh mục chính xác với ngày mua và các chi tiết do chính bà đã thay đổi các viên đá quý của hai thế hệ những những người đàn bà đẹp và trọng danh dự của dòng học Cargamantos, và đã bán đồ thật cho chính cửa hàng này. Chuyện này đã xảy ra từ thời người cha của ông chủ hiện nay còn cai quản cửa hàng, còn ông ta và tôi còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Nhưng ông ta đã trấn an tôi: Những trò láo cá này vẫn thường xảy ra ở những gia đình lớn khi bị hoạn nạn, họ phải làm để giải quyết một nhu cầu cấp bách mà không phải hy sinh lòng tự trọng và danh tiếng. Trước thực tế phũ phàng, tôi thà giữ tất cả lại như một kỷ niệm về người mẹ Florina de Dios khác mà trước đây mình chưa biết.

Đầu tháng Bảy, tôi cảm thấy khoảng cách thực sự của cái chết. Trái tim tôi loạn nhịp

và tôi bắt đầu nhìn thấy và cảm thấy những điều dữ dội cuối cùng ở khắp nơi. Điều rõ nhất là trong buổi hoà nhạc ở Bảo tàng Mỹ thuật. Hệ thống điều hoà không khí bị hỏng và những người tinh tú nhất của nền nghệ thuật và văn chương đã bị hấp nóng trong một căn phòng chật cứng người, nhưng điều kỳ diệu của âm nhạc vẫn tạo nên bầu không khí thiên đường. Cuối cùng, khi bản nhạc Allegreto poco mosso bắt đầu cũng là lúc người tôi run bắn lên vì ý tưởng rõ ràng đây là buổi hoà nhạc cuối cùng mà số phận dành cho mình trước khi chết. Tôi không cảm thấy đau đớn và sợ hãi mà chỉ thấy xúc động mãnh liệt vì mình đã được sống với buổi hoà nhạc này.

Cuối cùng thì tôi, toàn thân ướt đẫm mồ hôi, cũng mờ được lối ra giữa các vòng tay và máy chụp ảnh, và vô tình gặp Ximena Ortiz, trông như một nữ chúa một trăm tuổi trên xe lăn. Bản thân sự có mặt của bà đã như một lời tuyên án trọng tội đối với tôi. Bà vận bộ đồ lụa màu trắng ngà, mềm mại như chính làn da của mình, mang vòng ngọc chính hiệu quấn ba vòng quanh cổ, mái tóc màu xà cừ cắt ngắn đúng mốt những năm hai mươi với một đuôi tóc hình cánh én một bên má, và đôi mắt ánh vàng rạng rỡ dưới vầng thâm quầng tự nhiên ở đuôi mắt. Mọi thứ như điều trái ngược với tin đồn là trí não của bà đã trống rỗng vì mất hết trí nhớ. Đứng chết lặng trước bà ta, tôi cố kìm làn hơi lửa đang bốc lên mặt và lặng lẽ cúi chào. Bà ta mỉm cười như một nữ hoàng rồi nắm tay tôi. Tôi chợt nhận ra đây là định mệnh mà mình không thể bỏ qua để có thể gỡ miếng xương bị hóc từ bấy lâu nay. Từ bao năm nay tôi đã mơ tới giây phút này, tôi nói với bà ta. Hình như bà ấy không hiểu. Thật vậy à!, bà ta nói. Thế ông là ai? Tôi không bao giờ biết được lúc đó bà ta thật sự đã quên hay đó là sự trả thù cuối cùng của đời bà.

Niềm tin là mình có thể chết đến với tôi cũng một dịp như thế này mấy hôm trước sinh nhật thứ năm mươi, vào một đêm hội hoá trang khi tôi đang nhảy điệu tan-gô với một người đàn bà ghê gớm mà tôi chưa bao giờ thấy mặt, béo hơn tôi đến bốn mươi cân Anh^[10] và cao hơn tôi đến hai tấc, nhưng lại để tôi lị đi nhẹ nhàng như chiếc lông chim trước gió. Khi nhảy múa, chúng tôi ôm nhau chặt đến mức tôi cảm thấy cả dòng máu đang chảy trong huyết quản của bà ta. Tôi như bị ru ngủ vì hơi thở nặng nề, mùi hôi nách nồng nặc, cặp vú khổng lồ của bà ta, và lần đầu tiên bị rung động mạnh, tôi như bị ngã bổ chửng vì tiếng hò hét của cái chết. Đó như một lời phán truyền đã man vang ngay bên tai tôi: Bây muốn làm gì thì làm, nhưng trong năm nay hoặc trong một trăm năm nữa bây sẽ chết vĩnh viễn.

Bà ta giật mình bỏ tôi ra: Cái gì thế? Không có gì đâu, tôi nói với bà ta nhưng cố kìm giữ trái tim mình:

- Tôi run vì bà.

Từ hôm đó tôi bắt đầu tính toán cuộc đời không phải bằng từng năm mà mười năm một. Mười năm của tuổi năm mươi có giá trị quyết định bởi vì tôi nhận ra là mọi người đều ít tuổi hơn mình. Mười năm của tuổi sáu mươi rất căng thẳng vì tôi nghĩ rằng mình không còn đủ thời gian để mắc sai lầm nữa. Mười năm của tuổi bảy mươi thật đáng sợ vì nhiều lúc đã tưởng đó là những tháng ngày cuối cùng. Tuy nhiên, khi tỉnh dậy thấy mình còn sống trong buổi sáng đầu tiên của những năm chín mươi tuổi trên giường hạnh phúc với Delgadina, tôi vui vẻ thấy rằng cuộc đời không phải như dòng sông ngẫu đục của Heraclite^[1], mà là một dịp duy nhất được xoay trên que xiên ngang và tiếp tục được nướng tiếp ở mặt khác trong chín mươi năm nữa.

Tôi lại trở nên mau nước mắt. Bất cứ tình cảm thương yêu nào cũng làm tôi ghen ngào trong cổ họng mà không phải lúc nào cũng nén được, và tôi nghĩ đến chuyện từ bỏ niềm vui đơn độc chăm sóc giấc ngủ của Delgadina không chỉ vì biết mình sắp chết mà còn vì nỗi đau, thương cô bé sẽ sống thiếu mình trong những năm còn lại của đời em. Một trong những ngày bất định đó, tôi đăng trí đi đến đường phố cao quý Notorios và kinh ngạc thấy cái nhà trọ rẻ mạt nơi mà lúc chưa đầy mười hai tuổi, tôi bị cưỡng bức học bài học đầu tiên nghệ thuật làm tình nay chỉ còn là một đống gạch vụn. Thời trước nó đã từng là một căn nhà của một hãng tàu biển lộng lẫy bậc nhất thành phố với những hàng cột đá hoa cương trắng có viền các lá đồng giả vàng, quây quanh một khu vườn có vòm thủy tinh bảy màu rạng rỡ như trong nhà kính. Ở tầng trệt, có cửa ra vào kiểu gô-tích là trụ sở trong suốt hơn một thế kỷ của Phòng công chứng thời thuộc địa, cũng chính là nơi suốt cả đời đầy mơ ước hão huyền bố tôi đã làm việc, phát tài phát lộc và rồi phá sản. Các gia đình ngụ cư đầu tiên đã dần dần từ bỏ các tầng trên, nhường chỗ cho đội quân những cô gái làm tiền mặt hạng lên xuống suốt đêm cho đến tận sáng với các khách hàng chớp được ở các quán nhậu bên cảng sông gần đó với cái giá một đồng rưỡi peso.

Một lần, khi chưa đầy mười hai tuổi, còn mặc quần đùi và giày học trò trường tiểu học, không nén được tò mò xem các tầng trên có gì trong khi bố đang vật lộn với một trong vô vàn cuộc họp bất tận, tôi đã đi lên trên và thấy một quang cảnh thần tiên. Những người đàn bà đã bán rở thân xác của mình cho đến tận sáng bạch, đang đi lại trong nhà từ mười giờ trưa dưới cái nóng hầm hập của vòm thủy tinh nên đành phải lỏa thể và luôn miệng hét kể lại những cuộc phiêu lưu đêm hôm trước. Tôi vô cùng sợ hãi. Chỉ còn cách trốn ngay theo lối vừa lên, nhưng ngay lập tức một người đàn bà trần như nhộng, thịt chắc nịch sặc mùi xà phòng rẻ tiền ôm choàng lấy tôi từ phía sau lưng, nhấc bổng lên đưa về buồng ngăn bằng bia giữa tiếng reo hò và hoan hô cuồng nhiệt của những người đàn bà lỏa lồ khác đang thuê nhà ở đó. Bà ta đè giữa tôi xuống chiếc giường dành cho bốn người, cởi quần của tôi với tài khéo léo bậc thầy, rồi nằm lên người tôi, nhưng nỗi sợ hãi chạy lạnh buốt trong người khiến tôi không thể tiếp nhận bà ta trên cương vị người đàn ông. Đêm hôm đó, trên giường ở nhà mình, xấu hổ vì cuộc cưỡng bức buổi sáng, tôi chỉ ngủ được có

hơn một tiếng đồng hồ thì trần trọc với niềm khát khao được gặp lại bà ta. Buổi sáng hôm sau, trong khi những kẻ thức khuya còn đang ngủ rón thì tôi run run trèo lên buồng đánh thức bà ta dậy, vừa khóc to thành tiếng với tình yêu cuồng điên cho đến khi bà ta, không chút thương xót, đưa mình đến cửa vào đời thực, Bà ta tên là Castorina và là nữ hoàng của cái nhà đó.

Cuộc tình trong nhà trọ này giá một đồng đối với những mối tình chớp nhoáng vắng lai nhưng rất ít người trong chúng tôi biết rằng với giá này cũng có thể kéo dài đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Từ đó, Castorina đã dẫn dắt tôi vào cái thế giới chết tiệt nơi bà ta mời các khách hàng nghèo cùng dùng bữa ăn điểm tâm kha khá, cho họ mượn xà phòng, chữa đau răng cho họ, và trong những trường hợp khẩn cấp hơn, còn cho họ một cuộc tình từ thiện.

Không còn ai nhớ đến Castorina bắt từ nữa, vốn đã chết không biết từ lúc nào, nhưng bà ta là một người đàn bà đi lên từ những góc phố khốn cùng ở cảng sông để chiếm giữ ngai vàng thiêng liêng của mẹ thánh lớn nhất, bà ta cũng thường mang miếng vải bịt kiểu cướp biển che một mắt bị mất trong cuộc đánh lộn ở quán nhậu. Tay vệ sĩ cuối cùng của bà ta, một người da đen hạnh phúc sinh ở tỉnh Camaguay, Cuba, được gọi là Jonas, vốn là một trong những nhạc công thổi kèn trompét có tiếng ở thủ đô La Habana cho đến khi bị tai nạn xe lửa mất sạch hàm răng luôn cười rạng rỡ.

Sau chuyến đi thăm cay đắng đó, tôi cảm thấy tim mình đau nhói mà trong suốt ba ngày không một loại thuốc của thầy lang vườn nào làm dịu bớt. Tôi vội đến khám ông bác sĩ, thành viên một dòng tộc nổi tiếng, cháu nội của người thầy thuốc đã khám cho tôi lúc bốn mươi hai tuổi. Tôi giật mình tưởng gặp lại chính ông thầy thuốc trước đây vì viên bác sĩ cũng già khom như ông nội ở tuổi bảy mươi với cái đầu sớm bị hói và đôi kính cận dày cộp và với vẻ buồn bã thâm hại. Viên bác sĩ khám tỉ mỉ toàn thân tôi chăm chú cứ y như một thợ kim hoàn. Ông nghe ngực, lưng, xem mạch, phản xạ của đầu gối, đáy mắt, màu của mi dưới. Khi ngời tay, trong khi tôi thay đổi vị trí nằm trên bàn khám thì ông ta đưa ra những câu hỏi nhanh và mơ hồ khiến tôi không kịp nghĩ câu trả lời. Sau một giờ đồng hồ, ông nhìn tôi và cười sung sướng. Tốt thôi, ông ta nói, tôi tin là mình chẳng có việc gì làm với ông cả. Thế nghĩa là sao? Nghĩa là thể trạng quá tốt so với tuổi của ông. Kỳ lạ thật, tôi nói, ông nội của ông cũng nói câu y như thế này khi tôi bốn mươi hai tuổi, làm như thời gian chưa từng trôi không bằng. Ông gặp ai thì người ta cũng luôn nói như vậy, ông ta nói tiếp, bởi vì bao giờ ông cũng có một tuổi nào đó. Để khiêu khích buộc ông ta nói lời phán quyết đáng sợ, tôi nói: Tuổi vĩnh viễn duy nhất chính là cái chết. Đúng vậy, ông ta nói, nhưng không dễ đến được tuổi ấy với một thể trạng khoẻ mạnh như ông bây giờ. Tôi rất lấy làm tiếc là không thể làm hài lòng ông được.

Đó là những kỷ niệm rất cao đẹp, nhưng đêm trước ngày sinh, 29 tháng Tám, tôi cảm thấy sức nặng kinh hồn của một thế kỷ đang lặng lẽ chờ mình khi tôi khó nhọc leo lên cầu thang ở nhà. Lúc đó, một lần nữa tôi lại nhìn thấy mẹ, Florina de Dios, trên giường của tôi cũng chính là giường của bà đã dùng cho đến tận khi chết, mẹ lại cầu nguyện cho tôi y như lần cuối cùng tôi gặp bà, hai giờ trước khi bà mất. Tôi lo lắng hiểu việc này có thể là điềm báo hiệu cuối cùng là mình sẽ không qua khỏi tuổi chín mươi nên vội vàng gọi điện thoại yêu cầu Rosa Cabarcas phải đưa ngay cô bé của tôi đến trong đêm nay. Tôi lại gọi bà ta lần nữa vào lúc tám giờ tối và bà ta vẫn nhắc lại là không thể được. Phải làm bằng được, bằng bất cứ giá nào, tôi sợ hãi hét lên và đập máy điện thoại quên cả chào. Nhưng mười lăm phút sau bà ta gọi điện lại:

- Được rồi, con bé đã ở đây.

Tôi đến vào lúc mười giờ hai mươi phút, và lật hết những con bài cuối cùng cho Rosa Cabarcas, đó chính là những quyết định của tôi đối với bé gái sau cái kết cục đáng sợ của chính mình. Bà ta cứ nghĩ là tôi vẫn còn ấn tượng về vụ người đàn ông bị đâm chết nên nói đùa: Nếu ông chết thì dứt khoát không phải là ở đây, ông hãy hình dung như vậy. Nhưng tôi lại nói với bà ta: Bà cứ nói chuyến tàu hoả ở cảng Colombia sẽ đề lên người tôi đi, nhưng tôi thừa biết đồng sắt vụn đáng thương đó lại không đủ khả năng giết hại ai cả.

Chuẩn bị sẵn sàng cho đêm đó, tôi nằm ngửa chờ đợi kết cục đau buồn của những giây phút đầu tiên của tuổi chín mươi mốt. Tôi nghe tiếng chuông nhà thờ vọng lại từ nơi xa, cảm thấy hương thơm ngào ngạt của tâm hồn Delgadina ngủ say bên cạnh, nghe thấy tiếng la hét nơi chân trời xa, tiếng khóc thốn thức của ai đó có lẽ đã chết ngay trong phòng này một thế kỷ trước. Tôi liền tắt đèn và với lòng can đảm cuối cùng, tôi lồng các ngón tay mình với các ngón tay cô bé để dắt tay nhau cùng đi. Tôi đếm mười hai tiếng chuông với mười hai giọt lệ cuối cùng của mình cho đến khi gà bắt đầu gáy sáng, và sau đó là những hồi chuông vinh quang, những tràng pháo hoa ngày lễ hội phấn khởi chào mừng tôi đã khoẻ mạnh và an toàn vượt qua tuổi chín mươi.

Những lời nói đầu tiên của tôi dành cho Rosa Cabarcas: Tôi sẽ mua của bà toàn bộ khu nhà, gồm cửa hàng và vườn tược. Bà ta nói với tôi: Chúng ta hãy làm một cuộc thách đố kiểu người già: ai trong hai ta mà sống sót thì sẽ được hưởng toàn bộ tài sản của người kia, và điều này sẽ được ký kết tại phòng công chứng. Không được, bởi vì nếu tôi chết thì mọi tài sản của tôi phải thuộc về cô bé. Thi cũng như vậy thôi, Rosa Cabarcas nói, tôi sẽ chăm sóc cô bé và sau đó tôi sẽ để lại toàn bộ tài sản, của ông và của tôi, cho nó; tôi có ai khác ở trên đời này nữa đâu. Trong khi đó, chúng ta sẽ sửa lại căn phòng của ông cho thật thơm mát, nhà tắm thật tốt, có điều hoà nhiệt độ, có sách của ông, có âm nhạc

của ông.

- Bà nghĩ rằng cô bé sẽ nhất trí chứ?

Ài chà, nhà thông thái buồn bã ơi, đúng là ông đã già nhưng không ngu muội - Rosa Cabarcas cười ngặt nghêo nói - Đưa bé đáng thương đó đang mê muội vì yêu thương ông đấy.

Tôi đi ra phố ngập tràn ánh nắng và lần đầu tiên tôi nhận ra chính mình ở chân trời xa của thế kỷ thứ nhất của cuộc đời. Căn nhà của tôi, im lặng và hoàn toàn gọn gàng nề nếp, bắt đầu hưởng sắc màu của bình minh hạnh phúc. Damiana hát to dưới bếp và con mèo sống lại cạ đuôi vào giày tôi rồi đi theo tôi đến tận bàn viết. Giấy tờ héo mòn, lọ mực, chiếc bút lông ngỗng của tôi đều đã được sắp xếp gọn gàng trở lại, khi ánh nắng mặt trời lấp lánh giữa hàng cây bàng ngoài công viên và chiếc tàu thủy chạy trên sông chở thư tín vốn bị chậm một tuần vì hạn hán, đã kéo còi ồn ã đi vào cảng. Cuối cùng thì đó chính là đời thực, với trái tim tôi mạnh khỏe nhưng đã bị tuyên án sẽ chết vì tình yêu đẹp đẽ trong cơn hấp hối hạnh phúc vào một ngày nào đó ở tuổi ngoài một trăm của tôi.

Tháng 5 năm 2004.

HẾT

[1] virgo: Xử nữ; người mang mệnh Xử nữ; cung thứ sáu của hoàng đạo, tương ứng từ ngày 22 tháng Tám đến 23 tháng Chín.

[2] Garibaldi: chiến sĩ yêu nước Italia (1807- 1882) đã từng chiến đấu chống nước Áo vì sự thống nhất của Italia.

[3] Ciceron: chính khách, nhà tư tưởng và diễn giả nổi tiếng thời La Mã cổ đại, sống từ năm 106 đến 43 trước công nguyên.

[4] Nguyên văn: xứ Arcadia - một vùng quê của Hi Lạp mà các nhà thơ cổ biến thành xứ sở của thơ ngây và hạnh phúc.

[5] Pentecôte: lễ hạ trần – theo Gia tô giáo; lễ năm mươi ngày sau lễ Vượt qua – theo đạo Do Thái.

[6] Nhân mã: Cung thứ chín trong hoàng đạo.

[7] Pablo Neruda (1904 – 1973): Nhà thơ lớn của Chilê, giải Nobel văn học năm 1971.

[8] Figlio mio poveretto: Tiếng Ý trong nguyên bản, có nghĩa "Đứa con trai nhỏ tội nghiệp của tôi".

[9] Lễ tro: Nghi thức xức tro trên đầu biểu hiện sự ăn năn sám hối khởi đầu mùa chay của đạo Gia tô

[10] Bốn mươi căn Anh: Khoảng hai mươi kí lô.

[11] Heraclite (khoảng 576 – 480 TCN): Nhà hiền triết của Hi Lạp cổ đại.